



**TỔNG CÔNG TY  
CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 851 /XLDK-TCKT

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2020

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Báo cáo thường niên năm 2019 của  
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

**Kính gửi:**

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên đơn vị : **Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)**
2. Mã chứng khoán : **PVX**
3. Trụ sở chính : **Tầng 25, Toà nhà CEO, lô HH2-1, khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.**
4. Điện thoại : **04.37689291** Fax: **04.37689290**
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Ngô Thị Thu Hoài**
6. Địa chỉ thường trú: **F312, C5, khu tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.**
7. Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): **04.37689291** Fax: **04.37689290**
8. Nội dung của thông tin công bố:  
**Báo cáo thường niên năm 2019 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.**
9. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://pvc.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT PVC (b/c);
- TGD PVC (b/c);
- Ban TCHC;
- Lưu: VT, TCKT-KT.

**NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT**

**Ngô Thị Thu Hoài**

# THÔNG TIN CHUNG

---

**\* Tên công ty bằng tiếng Việt:**

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

**\* Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:**

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

**\* Tên công ty viết tắt: PVC**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500102365

- Vốn điều lệ: 4.000.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn nghìn tỷ đồng

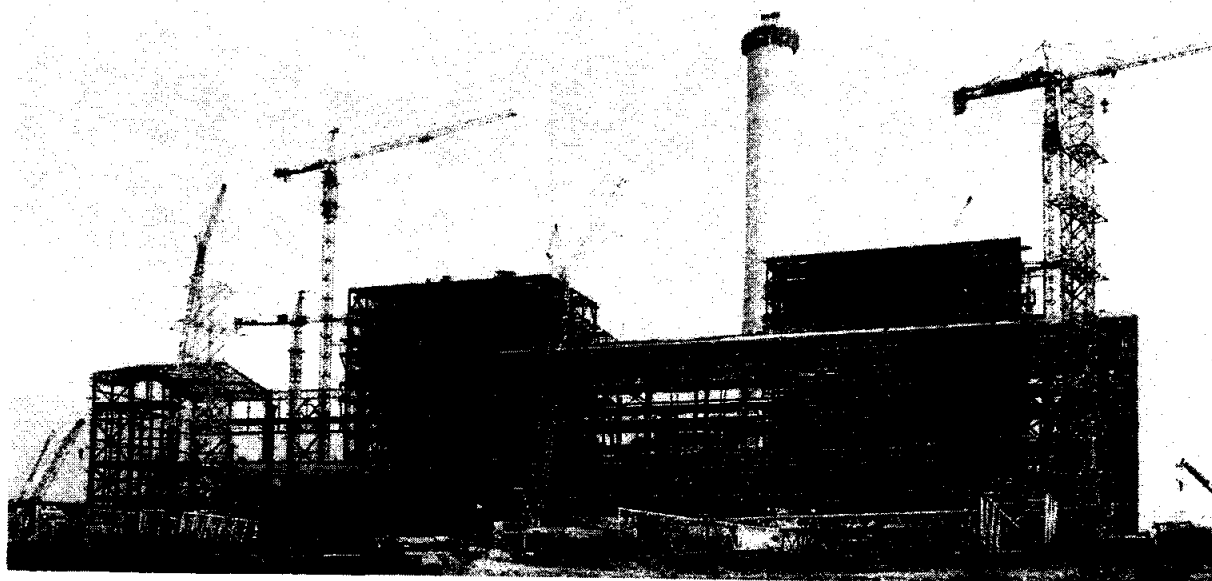
**\* Địa chỉ:** Tầng 25, Tòa nhà CEO, lô HH2-1, Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**\* Số điện thoại:** 0243.7689291

**\* Số fax:** 0243.7689290

**\* Website:** [www.pvc.vn](http://www.pvc.vn)

**\* Mã cổ phiếu:** PVX



## 1. Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam) - Tập đoàn kinh tế hùng mạnh hàng đầu đất nước. 35 năm qua, PVC nỗ lực vươn lên trở thành một doanh nghiệp xây lắp chủ lực của ngành trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí, xây dựng công nghiệp và dân dụng.

- 14/9/1983, Thi hành các quyết định của Chính phủ (Chỉ thị 224/CT và 225/CT ngày 30/8/1983), Tổng cục Dầu khí ra quyết định thành lập *Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí* với nhiệm vụ thi công các công trình; san lấp mặt bằng, bến cảng, bãi đỗ cần khoan, ống chống, Xí nghiệp cơ khí trung tâm, Xí nghiệp địa vật lý, trạm điện 4,2 MW, Xí nghiệp sản xuất ôxy, axêtylen, kho đông lạnh, hồ chôn bùn khoan.

- 19/9/1995, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam đã quyết định chuyển đổi Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí thành *Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí (PVECC)* - bước phát triển rất quan trọng, tạo ra sự thay đổi cả về chất lẫn về lượng của ngành Xây dựng Dầu khí Việt Nam.

- 1/4/2006, sau gần hai năm thực hiện tiến trình cổ phần hóa, *Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí (PVC)* chính thức đi vào hoạt động với một mô hình quản lý mới: tinh, gọn, nhẹ và năng động.

- 26/10/2007, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ký Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty cổ phần xây lắp dầu khí thành *Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)*.

- 19/8/2008, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam niêm yết 150 triệu cổ phiếu với mã PVX trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- 2010, PVC thi công chế tạo chân đế lớn nhất từ trước đến nay ở Việt Nam: Dự án giàn mỏ Đại Hùng sâu 110 m nước, trong lượng 7.200 tấn; Dự án Biển Đông mở Mọc Tinh sâu 130m nước, với khối lượng trên 13 nghìn tấn.

- 1/2013, theo đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 5/1/2013, PVC sẽ trở thành đơn vị chủ lực của PVN trong lĩnh vực xây lắp các công trình dầu khí trên bờ.

Trải qua 35 năm hình thành và phát triển, PVC đã và đang khẳng định uy tín, năng lực vượt trội trên các công trình trọng điểm của ngành Dầu khí và đất nước. Từ Căn cứ Dịch vụ Tổng hợp trên bờ tại Vũng Tàu, đến các công trình Đường ống dẫn khí từ Long Hải về các khu công nghiệp Phú Mỹ, Mỹ Xuân, Đông Nai; các công trình trọng điểm quốc gia như Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Cụm khí điện đạm Cà Mau, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I và mới nhất là Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình II... đều ghi dấu vai trò quan trọng của Tổng Công ty PVC.

Trưởng thành qua từng công trình, dự án, từ vai trò thầu phụ cho các nhà thầu quốc tế, PVC đã vươn lên trở thành Tổng thầu EPC thực hiện các công trình có quy mô ngày càng lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp như: Tổng kho LPG Gò Dầu, Nhà máy nhiệt điện Thái Bình II, Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch II...

Đặc biệt, PVC tiếp tục khẳng định thế mạnh trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí qua việc thực hiện thi công hầu hết các dự án về vận chuyển, tàng trữ

dầu và khí theo hình thức EPC như Kho xăng dầu Cù Lao Tào, Kho chứa LPG và trạm xuất xe bồn Dung Quất... Trong lĩnh vực Thiết kế, chế tạo, xây lắp giàn khoan, chân đế giàn khoan: PVC thi công chế tạo hàng loạt công trình xây lắp, kết cấu trọng điểm trên cả nước của ngành Dầu khí Việt Nam trong đó có những công trình lớn kỷ lục Việt Nam như chân đế giàn khoan Đại Hùng, chân đế và khối thượng tầng giàn Mộc Tinh 1 – Dự án Biển Đông...

PVC không ngừng việc củng cố, phát triển các lĩnh vực thế mạnh truyền thống như xây dựng hệ thống tàng trữ, vận chuyển các sản phẩm Dầu khí, cơ khí lắp đặt và chế tạo các thiết bị Dầu khí...

PVC còn khẳng định thương hiệu của mình trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp và dân dụng. PVC có bước tiến vượt bậc trong công nghệ xây dựng nhà cao tầng như: Trung tâm Tài chính Dầu khí, Văn phòng Viện Dầu khí, Toà nhà Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu, Cao ốc văn phòng Dragon Tower...

Trên những chặng đường đã qua, Tổng Công ty và các đơn vị thành viên đã không ngừng trưởng thành, góp phần vào sự phát triển chung của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và của đất nước.

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính:**

### **a. Xây lắp chuyên ngành dầu khí**

PVC là doanh nghiệp chủ lực của ngành Dầu khí trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí. Đây là lĩnh vực hoạt động chủ đạo, tạo nên uy tín, thương hiệu PVC trong 34 năm qua, trong đó các hoạt động mũi nhọn bao gồm:

- Thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí, giàn khoan, chân đế giàn khoan (trên đất liền, ngoài biển), các kết cấu kim loại, bồn bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, nước.

- Chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí.

- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất.

- Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng và thiết bị phục vụ ngành dầu khí.

### **b. Xây dựng công nghiệp**

PVC còn được biết đến với vai trò là nhà thầu xây dựng có năng lực trong xây dựng các công trình công nghiệp lớn trong và ngoài ngành Dầu khí:

- Đầu tư, xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí, đóng tàu, xi măng vật liệu xây dựng...

- Khảo sát, thiết kế, tư vấn, thi công lắp đặt hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong xây dựng công nghiệp.

- Đầu tư, thiết kế và tổng thầu các dự án hạ tầng, giao thông, thủy lợi, đê kè, bến cảng...

- Xây dựng các nhà máy khí điện, nhiệt điện, lắp đặt hệ thống đường dây tải điện

### **c. Xây dựng dân dụng**

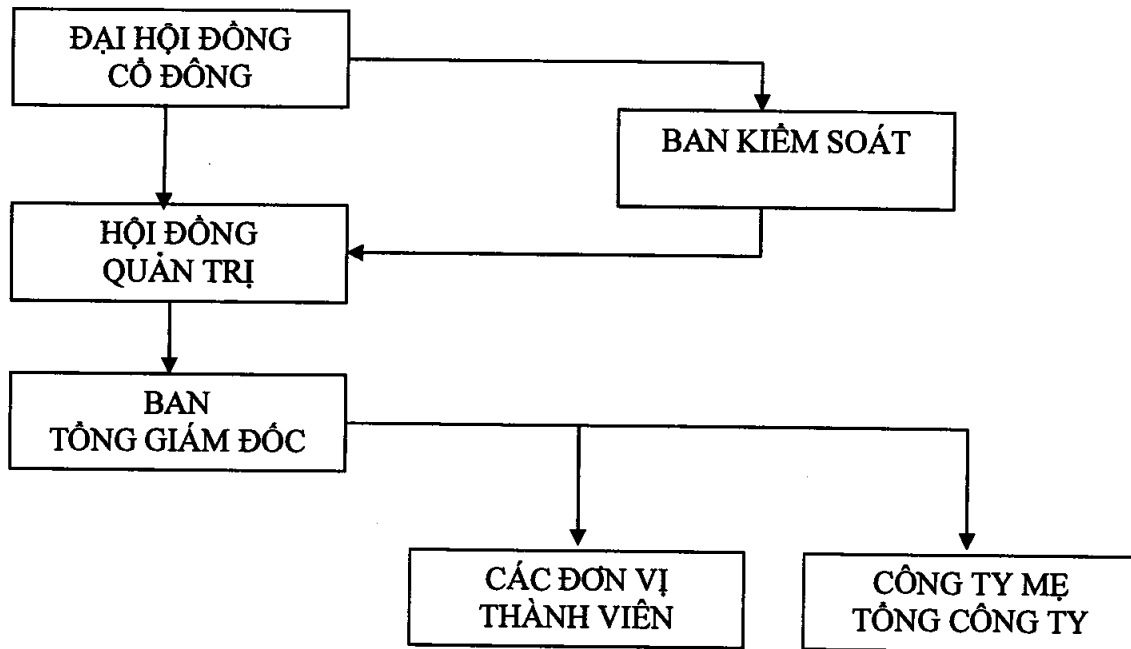
PVC đã tham gia đầu tư, tư vấn, thiết kế, xây dựng nhiều công trình dân dụng, văn phòng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, chung cư cao cấp, đặc biệt nhà kết cấu thép, nhà cao tầng của ngành Dầu khí và nhiều địa phương trên cả nước. PVC còn tham gia đầu tư xây dựng và khai thác các dự án khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng các khu đô thị mới

#### d. Sản xuất công nghiệp

Song song với việc đẩy mạnh hoạt động xây lắp theo các lĩnh vực, PVC chú trọng đầu tư cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng và cơ khí chế tạo chuyên ngành dầu khí và sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí)

### 3. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị



**- Các công ty con, công ty liên kết:**

<b>I</b>	<b>Các công ty con</b>	
1	Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	
2	Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	
3	Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	
4	Công ty CP Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	
5	Công ty CP Đầu tư hạ tầng và đô thị Dầu khí PVC Petroland	
6	Công ty CP Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	
7	Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVCLand)	
8	Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình)	
9	Công ty CP ĐT&XD Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn)	
<b>II</b>	<b>Công ty liên kết</b>	
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	
2	Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	
3	Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải)	
4	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)	
5	Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	
6	Công ty CP Xây lắp dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	
7	Công ty CP thiết kế quốc tế Heerim PVC	
8	Công ty CP TM Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petrolink)	
9	Công ty CP Trang trí nội thất Dầu khí (PVC - ID)	
10	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp DK Nghệ An - PVNC	
11	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí Sài Gòn (PVC-SG)	
<b>III</b>	<b>Công ty đầu tư khác</b>	
1	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	
2	Công ty CP Xây lắp Dầu khí PVC Trường Sơn	
3	Công ty CP Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí (PVC Metal)	
4	Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	
5	Công ty Cổ phần bất động sản Dầu khí Petrowaco	
6	Công ty CP xi măng Hạ Long	
7	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 4	
8	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	
9	Công ty CP Đầu tư Xây lắp dầu khí IMICO	

#### **4. Định hướng phát triển của PVC trong năm 2020 và các năm tiếp theo.**

- Khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước khẳng định thương hiệu, uy tín của PVC trong lĩnh vực thi công xây lắp là mục tiêu đặt lên hàng đầu. Đảm bảo giữ vững ổn định và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo toàn vốn hiện có và tiến tới mang lại lợi ích cho các cổ đông của PVC.

- Hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong và ngoài ngành, tận dụng tối đa lợi thế là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam. Đẩy mạnh liên doanh, liên kết với các đơn vị có năng lực trong và ngoài nước, giảm thiểu cạnh tranh, tránh đối đầu trực tiếp, từng bước tiếp thu, nâng cao năng lực nhằm mở rộng chiếm lĩnh thị trường xây lắp các công trình Dầu khí trong nước và các dự án của các nhà đầu tư nước ngoài như Tổ hợp lọc hóa dầu Vũng Rô, dự án NMNĐ Quảng Trị,... dần mở rộng ra thị trường ngoài ngành và nước ngoài.

- Hoàn thành và bàn giao dự án NMNĐ Thái Bình 2, gói thầu A2- Tổ hợp hóa dầu Long Sơn. Thực hiện công tác vận hành và bảo dưỡng (O&M) Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 và các dự án điện/ điện gió khác.

- Phối hợp với VietsoPetro tham gia thực hiện các dự án điện gió như dự án Thăng Long-Kê Gà (công suất dự kiến 3.400 MW, dự án điện gió La Gàn- Bình Thuận, các dự án điện gió gần bờ như Duyên Hải Trà Vinh, Phú Cường Sóc Trăng,...

- Xây dựng và hoàn thành công tác thoái vốn đầu tư tại các doanh nghiệp không nằm trong lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty. Đối với các Công ty con còn lại, tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư, đảm bảo tập trung cho các hoạt động SXKD trọng yếu, nâng cao tối đa hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Thực hiện giải thể/ phá sản các đơn vị không còn khả năng hoạt động liên tục.

- Hoàn thành trả nợ các khoản vay ủy thác Tập đoàn qua Oceanbank và giải tỏa 100% nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn cho các đơn vị thành viên.

- Tuyển dụng, bổ sung nguồn lực lao động và đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên phù hợp với tốc độ tăng trưởng, đặc biệt chú trọng đào tạo chuyên sâu về chuyên môn trong lĩnh vực tư vấn, quản lý, thiết kế, đấu thầu và quản lý dự án.

#### **5. Các rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2020**

Bên cạnh những kết quả đạt được và những hạn chế tồn tại năm 2018, Tổng công ty cũng đã nhận diện được một số rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, tóm tắt như sau:

- Công tác trả nợ gốc và lãi vay đối với khoản vay ủy thác của Tập đoàn: Do tình hình tài chính khó khăn (lỗ lũy kế tại 31/12/2019 của Công ty mẹ PVC là 3.559,90 tỷ đồng), các tài sản/dự án hình thành từ nguồn vốn vay ủy thác của Tập đoàn không phát huy được hiệu quả, một số đơn vị của PVC đã chuyển nhượng/sử dụng vào mục đích khác, dẫn đến PVC khó có khả năng thu xếp dòng tiền để trả nợ vay ủy thác Tập đoàn;

- Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, sau khi rà soát chi phí thực hiện tại thời điểm tháng 6/2019 thì PVC ước tính tổng chi phí thiếu hụt so với giá trị hợp đồng EPC theo Phụ lục 26 khoảng 1.156 tỷ đồng (chưa bao gồm các rủi ro tiềm ẩn – số liệu theo công văn số 1315/XLDK-DATB2). Nếu không được Chủ đầu tư giải quyết tháo gỡ các khó khăn vướng mắc tại các đề xuất kiến nghị của PVC cũng như hỗ trợ kịp thời về dòng

tiền cho dự án, PVC sẽ khó có thể tiếp tục thực hiện dự án. Ngoài ra, dự án NMNĐ Thái Bình 2 còn tiềm ẩn các rủi ro chưa lường hết như: i) Rủi ro phát sinh chi phí do dự án chậm tiến độ và chậm điều chỉnh Hợp đồng EPC; ii) PVC có thể phải đối diện với việc bị phạt hợp đồng với các nhà thầu phụ tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 do chậm thanh toán vì PVC thiếu hụt dòng tiền và dự án bị điều chỉnh tiến độ; iii) Những vướng mắc liên quan tới công tác gia hạn hợp đồng với SDC, hợp đồng chạy thử,... nếu không được giải quyết cũng tiềm ẩn những rủi ro có thể gây lỗ cho PVC. Hiện nay, các khoản chi phí này chưa được các bên thống nhất số liệu.

- Đối với các công trình/dự án đã hoàn thành, đang chờ quyết toán như dự án NMNĐ Vũng Áng 1, dự án NMNĐ Quảng Trạch, dự án Ethanol, dự án PVTex, dự án Lô B – Ô môn,... khi quyết toán/bàn giao các Dự án/Hợp đồng đều tồn tại và tiềm ẩn các rủi ro liên quan đến việc cắt giảm khối lượng/thực hiện, ghi nhận tăng chi phí thực hiện theo kết luận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- Tiềm ẩn rủi ro về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn: Tại ngày 31/12/2019, PVC còn số dư bảo lãnh cho 03 đơn vị thành viên vay vốn tại các tổ chức tín dụng khác đã bị quá hạn với dư nợ bảo lãnh là 237,8 tỷ đồng, bảo lãnh thanh toán cho PVC Thái Bình 111,8 tỷ đồng theo hợp đồng chuyển nhượng Khách sạn Dầu khí Thái Bình với PVEP. PVC đã trích lập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả 137,9 tỷ đồng, PVC tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn cho các đơn vị.

- Tiềm ẩn rủi ro tiếp tục gây lỗ cho PVC từ các khoản đầu tư tài chính: tại thời điểm 31/12/2019, tổng giá trị đầu tư của PVC vào 29 đơn vị thành viên là 3.100,03 tỷ đồng. Trong tháng 01/2020, đã hoàn thành thoái toàn bộ vốn góp tại PVCLand thu về 17,039 tỷ đồng, giảm số đơn vị PVC tham gia vốn góp xuống còn 28 đơn vị với tổng giá trị đầu tư là 2.866,24 tỷ đồng. Tổng giá trị trích lập dự phòng đầu tư tài chính lũy kế đến thời điểm 31/12/2019 là 1.787,42 tỷ đồng tương ứng 58% tổng giá trị đầu tư, hầu hết các đơn vị đều có khả năng kinh doanh thua lỗ trong các năm tiếp theo nên sẽ tiềm ẩn phải tiếp tục trích lập dự phòng đầu tư tài chính bổ sung.

- Tiềm ẩn rủi ro trong trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi: Tổng các khoản phải thu của Công ty mẹ PVC đến thời điểm 31/12/2019 là 3.064,61 tỷ đồng, trong đó phải thu khách hàng là 1.619,4 tỷ đồng; ứng trước cho người bán 668,09 tỷ đồng; phải thu khác là 327,14 tỷ đồng và phải thu các đơn vị từ khoản vay ủy thác của Tập đoàn và cho vay hỗ trợ vốn là 449,9 tỷ đồng; Số trích lập lũy kế đến 31/12/2019 là 982,31 tỷ đồng. PVC sẽ tiềm ẩn rủi ro trong việc phải tiếp tục trích lập dự phòng đối với những khoản công nợ không được xử lý và các khoản công nợ khác dự kiến sẽ quá hạn trong năm 2020 và các năm tiếp theo.

- Công tác quyết toán thuế từ năm 2008 đến nay: PVC chưa được cơ quan thuế thực hiện thanh tra, quyết toán, do đó có thể phát sinh các khoản thuế không được khấu trừ, chi phí không được trừ khi kiểm tra, quyết toán.

- PVC làm việc với các Chủ đầu tư/ Đối tác/ Khách hàng cũng gặp nhiều hạn chế dẫn đến hoạt động SXKD của PVC tiếp tục gặp khó khăn, đặc biệt trong công tác tiếp thị, tìm kiếm nguồn công việc mới.



# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) bước vào thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên chấp thuận tại Nghị quyết số 201/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 25/5/2019 trong bối cảnh có nhiều khó khăn, khái quát những thuận lợi, khó khăn thách thức đối với PVC trong năm 2019 như sau:

### *Thuận lợi:*

- Nền kinh tế trong nước đã có những bước phát triển tích cực trong năm 2019. PVC tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Tập đoàn), đặc biệt tại dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình 2. Bên cạnh đó, PVC cũng nhận được nhiều sự hỗ trợ của các Bộ/ngành, các đối tác để có thể thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019.

- Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đã đề ra các định hướng, chỉ đạo đúng đắn cùng với sự đoàn kết, quyết tâm của tập thể CBCNV trong Tổng công ty trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

### *Khó khăn:*

- Nguồn việc xây lắp các công trình chuyển tiếp rất hạn chế. Công tác tiếp thị, tìm kiếm nguồn việc mới đặc biệt khó khăn. Tại Công ty mẹ và một số đơn vị thành viên, nguồn việc chủ yếu năm 2019 phụ thuộc vào 02 dự án chính là dự án NMNĐ Thái Bình 2 và dự án NMNĐ Sông Hậu 1. Trong khi tại 2 dự án này còn rất nhiều vướng mắc về cơ chế, khó khăn về tài chính chưa được giải quyết triệt để.

- Các chính sách tài chính thắt chặt khiến PVC và các đơn vị vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các Ngân hàng/tổ chức tín dụng để triển khai thu xếp vốn cho các dự án.

- Các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn chủ yếu thua lỗ hoặc có số lỗ lũy kế lớn tạo nên những khó khăn cho PVC và các đơn vị thành viên trong việc thực hiện công tác tái cơ cấu, thoái vốn theo kế hoạch. Ngoài ra hầu hết vị trí các dự án bất động sản của đơn vị thành viên ở các khu vực chưa thực sự thuận lợi để thu hút đối tác nhận chuyển nhượng đầu tư.

- Tình hình tài chính của PVC gặp nhiều khó khăn do lỗ lũy kế từ các năm trước để lại lớn, thiếu hụt về tài chính dẫn đến thiếu nguồn lực để có thể tập trung triển khai các dự án, đặc biệt tại dự án NMNĐ Thái Bình 2.

- Những khó khăn của PVC cũng ảnh hưởng lớn đến tâm lý của người lao động trong toàn Tổng công ty. Nhiều cán bộ, chuyên viên đã xin chuyển công tác gây

thiếu hụt nguồn nhân lực cho Tổng công ty, đặc biệt là nguồn nhân lực nòng cốt có chuyên môn giỏi tại dự án NMNĐ Thái Bình 2.

Trước những thuận lợi và thách thức như trên toàn tổ hợp PVC đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019 và đạt được kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Năm 2019		Tỷ lệ HTKH (%)	Tỷ lệ 2019/2018 (%)
				Kế hoạch	Thực hiện		
1	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	2.165,34	2.200,00	1.509,01	69%	70%
	<i>Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	1.445,50	1.200,00	497,43	41%	34%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.474,08	3.200,00	2.094,48	65%	60%
	<i>Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	2.318,27	2.400,00	1.087,62	45%	47%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	(388,24)	-	(387,62)	-	-
	<i>Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	(125,02)	-	(183,80)	-	-
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	(414,19)	-	(392,69)	-	-
	<i>Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	(123,86)	-	(182,64)	-	-
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	291,43	150,00	125,90	84%	43%
	<i>Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	105,49	90,00	34,11	38%	32%
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	9,35	10,50	10,15	97%	109%
	<i>Công ty mẹ</i>		12,25	12,15	12,00	99%	98%

- Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 1.509,01 tỷ đồng, đạt 69% kế hoạch năm và bằng 70% so với năm 2018; Riêng Công ty mẹ thực hiện 497,43 tỷ đồng, đạt 41% kế hoạch năm và bằng 34% so với năm 2018.

- Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 2.094,48 tỷ đồng, đạt 65% kế hoạch năm và bằng 60% so với năm 2018; Riêng Công ty mẹ thực hiện 1.087,62 tỷ đồng đạt 45% kế hoạch năm và bằng 47% so với năm 2018.

- Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lỗ 387,62 tỷ đồng; riêng Công ty mẹ lỗ 183,80 tỷ đồng.

- Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lỗ 392,69 tỷ đồng; riêng Công ty mẹ lỗ 182,64 tỷ đồng.

- Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PVC tại thời điểm 31/12/2019 là 517,55 tỷ đồng, giảm 26% so với vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018. Lũy kế Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2019 là 3.559,90 tỷ đồng.

### 1. Công tác triển khai thi công các công trình/ dự án trọng điểm

Trong năm 2019, Tổng công ty chủ yếu triển khai thực hiện các công trình trọng điểm như: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, công trình Viện Dầu khí phía Nam- giai đoạn 2, PVC-MS bắt đầu khởi công thực hiện tại gói A2 dự án Hóa dầu Long Sơn và một số nhỏ các công trình/dự án nhỏ lẻ khác được các đơn vị thành viên như PVC-MS, DOBC, PVC-Bình Sơn thực hiện.

Các dự án trọng điểm đang được tiếp tục triển khai như sau:

- *Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2:*

Tiến độ tổng thể dự án đến 31/12/2019 đạt khoảng 84,49% (tăng 2,48% so với thời điểm cuối năm 2018), trong đó tiến độ thi công xây lắp đạt 82,21% (tăng 1,33% so với thời điểm cuối năm 2018). Đến thời điểm hiện tại, dự án đạt 84,93% tổng tiến độ.

Tại dự án một số mốc tiến độ thi công chính đã đạt được trong năm 2019, như:

- + Hệ thống cứu hỏa: Đã cơ bản hoàn thiện trong khu vực Nhà máy chính, hoàn thành lắp đặt ngày 15/5/2019. Phát sinh thêm hệ thống cứu hỏa hầm cấp tầng 1 nhà Điều khiển trung tâm theo yêu cầu của Cục PCCC và CHCN.
- + Hệ thống dầu HFO/DO: Hệ thống tiếp nhận dầu DO đã được hoàn thiện lắp đặt vào ngày 14/09/2019 để đưa dầu về bồn.
- + Hệ thống khí nén: Đã lắp đặt xong, chờ cấp điện để chạy thử.
- + Mốc nhận điện vào MBA SAT và nhà CCB: Đã đóng điện ngược vào MBA SAT ngày 23/9/2019; đang chuẩn bị hoàn thiện hệ thống PCCC để đóng điện vào nhà CCB.

Về công tác chạy thử, nghiệm thu: Đã đóng điện thành công vào hệ thống điện tự dùng tổ 1 để chạy thử các hệ thống. Tiếp tục tiến hành công tác chạy thử MV Switchgear, LV Switchgear, Hệ thống xử lý nước; Lò hơi phụ; Hệ thống nén khí; Hệ thống nước làm mát tuần hoàn kín. Hoàn thiện thi công, kiểm tra và clear puch list các hệ thống DO, HFO, AUX BOILER, AIR COMPRESSOR. ID, FD FAN, CCW, ACW, chạy thử thành công khu xử lý nước phục vụ đốt lửa lần đầu.

Về công tác đàm phán Hợp đồng thiết bị chính và chạy thử: Trong năm 2019, PVC đã đàm phán để thống nhất việc gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng đến năm 2020 với điều kiện giảm tỷ lệ giữ lại từ 5% xuống 3% và giảm giá trị dịch vụ quản lý chạy thử CMS. PVC cũng đã tiến hành đàm phán ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ chạy thử và tạm ứng 10% giá trị hợp đồng với nhà thầu.

Tại dự án, mặc dù đã nhận được nhiều giải pháp hỗ trợ của Tập đoàn/ Ban QLDA, tuy nhiên vẫn tồn tại rất nhiều khó khăn, vướng mắc về phê duyệt thay đổi xuất xứ, cung cấp CO/CQ từ nhà sản xuất dẫn đến chậm nghiệm thu thanh toán giữa PVN và PVC, chậm triển khai hợp đồng mua sắm, gia công chế tạo hệ thống vận

chuyển than... Đặc biệt các khó khăn về tài chính cho việc thực hiện dự án do chênh lệch tỷ lệ thu hồi tạm ứng giữa Chủ đầu tư với Tổng thầu PVC và giữa PVC với các nhà thầu, tiến độ giải ngân cho các công việc thực hiện năm 2019 bị chậm do Tập đoàn vướng mắc về cơ cấu nguồn vốn làm ảnh hưởng tiêu cực đến tiến độ của dự án cũng như kế hoạch sản lượng- doanh thu đã đề ra.

- *Dự án Viện Dầu khí phía Nam – giai đoạn 2*: Đến thời điểm hiện tại, giá trị thực hiện tại dự án đạt 48,5 tỷ đồng, giá trị nghiệm thu lên phiếu giá là 38,35 tỷ đồng. Tuy nhiên đến nay nhà thầu mới được giải ngân đợt 1 với giá trị 14,7 tỷ đồng, dẫn đến khó khăn nguồn tài chính cho nhà thầu tiếp tục thi công. Một số công việc phát sinh từ giai đoạn 1 sau nhiều lần Chủ đầu tư điều chỉnh giá trị của gói phát sinh nên công việc bị chậm trễ do có nhiều thay đổi.

- *Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1*:

+ Gói thầu xử lý nền: đã hoàn thành công tác thi công và được Tổng thầu cấp chứng chỉ bàn giao. Hiện nay, các bên đang hoàn thiện hồ sơ thanh toán 100% đơn giá cho khối lượng hoàn thành trước ngày 10/4/2016. Do chưa xác định được tiến độ cấp 4 để điều chỉnh giá nên chưa quyết toán được hợp đồng.

+ Gói thầu các hạng mục xây dựng: Đã hoàn thành thi công các hạng mục: móng cọc Turbine 2, kết cấu nhà Turbine 2, móng cọc kho than, công tác cọc hệ thống cảng, công tác bê tông các bển thạch cao/bển dầu/bển than/bển tro xỉ. Đang triển khai thi công nền kho than. Giá trị thực hiện đạt 90,9% giá trị hợp đồng. Hiện nay, Tập đoàn đã phê duyệt và ký phụ lục hợp đồng với Tổng thầu Lilama về phương pháp điều chỉnh giá tại dự án. Do tiến độ cấp ba chưa được phê duyệt nên PVC chưa đủ cơ sở để lập dự toán theo phương pháp điều chỉnh giá của dự án, đồng thời Chủ đầu tư/ Tổng thầu vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể để nhà thầu thực hiện. Ngoài ra, các bên đã ký kết phụ lục điều chỉnh tăng tỷ lệ đơn giá tạm thanh toán lên đến 90% nhưng PVC vẫn chưa được thanh toán do công tác kiểm tra hồ sơ thanh toán của Lilama và Chủ đầu tư chậm. Việc chậm nhận được tiền thanh toán từ Lilama làm ảnh hưởng đến nguồn tài chính của PVC cũng như của nhà thầu thi công dẫn đến việc tạm dừng/ tạm giãn tiến độ và ảnh hưởng đến kế hoạch sản lượng và doanh thu theo kế hoạch đề ra.

## **2. Công tác tái cơ cấu**

### **2.1. Công tác kiện toàn tổ chức quản lý công ty Mẹ**

- Hoàn thành xây dựng và ban hành Quy trình chuyển nhượng phần vốn góp của PVC tại các đơn vị tại quyết định số 57/QĐ-XLTK ngày 12/3/2019.

- Phối hợp với Đơn vị tư vấn PSI hoàn thành tổ chức roadshow diễn ra vào ngày 10/4/2019 để giới thiệu tới các Nhà đầu tư một số đơn vị nằm trong danh mục thoái vốn của PVC (PVCLand, PVC-Bình Sơn, PVC-Duyên Hải, PVC-Kinh Bắc). Kết quả đã thu hút được 07 Nhà đầu tư quan tâm đến tham dự.

- Hoàn thành ký kết Hợp đồng với Báo Đầu tư để đăng báo/công bố danh mục thoái vốn của PVC tại đơn vị.

- Phê duyệt ban hành Phương án định biên lao động Cơ quan Tổng công ty tại quyết định số 323/QĐ-XLTK ngày 09/9/2019.

## **2.2. Công tác tái cơ cấu/ thoái vốn tại các đơn vị:**

### **- Công tác giảm vốn điều lệ tại PVC-Bình Sơn:**

+ Trong năm 2019, PVC-Bình Sơn đã hoàn thành giảm một phần vốn điều lệ từ 430 tỷ đồng xuống còn 365,5 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 26/12/2018 và hoàn trả tiền góp vốn cho các cổ đông. Kết quả, PVC và các đơn vị đã thu hồi được 64,13 tỷ đồng (PVC: 30 tỷ đồng; Long Sơn PIC: 30,23 tỷ đồng và 3,9 tỷ đồng nợ cổ tức năm 2010 của PVC-Đông Đô), toàn bộ khoản tiền này đã được PVC chuyển trả nợ khoản vay ủy thác của Tập đoàn qua Oceanbank.

+ Hiện nay, các cổ đông góp vốn tại PVC-Bình Sơn (Long Sơn PIC, PVC-Đông Đô) đã phê duyệt phương án thoái vốn và thống nhất ủy quyền cho PVC triển khai công tác thoái toàn bộ phần vốn tại PVC-Bình Sơn. PVC đang phối hợp với Đơn vị tư vấn thoái vốn PSI để triển khai công việc.

- *Chuyển nhượng phần vốn góp tại PVCLand:* Trong năm 2019, PVC đã có nhiều nỗ lực xây dựng phương án, chào bán phần vốn góp tại PVCLand. Đến thời điểm tháng 01/2020, đã hoàn thành thoái toàn bộ phần vốn góp của PVC tại PVCLand cho Công ty TNHH Đầu tư Nhan Gia. Tổng giá trị thu về 17,039 tỷ đồng/203,973 tỷ đồng giá trị PVC đã đầu tư. Trong quý I/2020, PVC đã thực hiện hạch toán hoàn nhập trích lập dự phòng đầu tư tài chính là 192,27 tỷ đồng, đồng thời hạch toán lỗ 186,93 tỷ đồng đối với công tác chuyển nhượng cổ phần tại đơn vị này.

- *Chuyển nhượng phần vốn góp tại PVC-IC:* Giá trị đầu tư của PVC tại PVC-IC là 153 tỷ đồng, PVC đã phê duyệt phương án chuyển nhượng phần vốn góp của PVC tại PVC-IC với giá chuyển nhượng 10.000 đồng/cổ phần. Để triển khai phương án chuyển nhượng, PVC đã có văn bản số 376/XLDK-KHĐT&TCC ngày 26/2/2020, văn bản số 470/XLDK-KHĐT&TCC ngày 10/3/2020 và văn bản số 571/XLDK-KHĐT&TCC ngày 24/3/2020 báo cáo giải trình và đề xuất Tập đoàn tổ chức buổi làm việc với PVC để chỉ đạo, hỗ trợ PVC tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu phần vốn góp của PVC tại PVC-IC và các đơn vị thành viên của PVC.

- *Thoái/ giảm vốn tại PVC-Duyên Hải:* Đơn vị tư vấn AASC đã ban hành dự thảo chứng thư định giá xác định giá trị doanh nghiệp của PVC-Duyên Hải. Ngày 21/03/2019, PVC đã tổ chức cuộc họp với PVC-Duyên Hải đề nghị Người đại diện phần vốn của PVC tại PVC-Duyên Hải nghiên cứu làm việc với HĐQT của đơn vị để thống nhất đưa nội dung giảm một phần vốn điều lệ thực góp của đơn vị từ việc thoái vốn bất động sản/tài sản là khu đất đường Lê Hồng Phong trình ĐHCĐ thường niên năm 2019 và đã được ĐHCĐ thường niên PVC-Duyên Hải thông qua tại Nghị quyết số 08/NQ/PVCDH- ĐHCĐ ngày 11/6/2019.

- *Công tác thoái vốn tại Petrowaco:* HĐQT PVC đã ban hành Quyết định số 389/QĐ-XLDK ngày 24/10/2019 phê duyệt phương án chuyển nhượng phần vốn góp của PVC tại Petrowaco với nội dung chính như sau: số lượng cổ phần chuyển nhượng: 1.465.500cp, giá chuyển nhượng: không thấp hơn giá trị định giá (14.523 đồng/cp), hình thức chuyển nhượng: khớp lệnh liên tục, thoả thuận. Hiện PVC đang thường

xuyên theo dõi diễn biến thị trường để thực hiện thoái vốn khi thoả mãn các nội dung đã được HĐQT phê duyệt.

- Bên cạnh đó PVC vẫn đang tích cực triển khai xúc tiến tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm để thực hiện thoái vốn tại các đơn vị PVC-Kinh Bắc, Petrolink,... Tuy nhiên, đến nay các Nhà đầu tư vẫn đang nghiên cứu xem xét và chưa đề xuất phương án cụ thể.

### **2.3. Công tác chuyển nhượng/chuyển giao các dự án:**

- *Công tác chuyển giao dự án Soài Rạp – Tiền Giang:* Dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang được Tổng công ty PVC tiếp nhận và tổ chức triển khai từ tháng 7/2010. Tính đến thời điểm hiện nay, tổng giá trị đầu tư Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và PVC đã thực hiện là 338,35 tỷ đồng, trong đó chi phí đầu tư của PVN thực hiện là 195,280 tỷ đồng và PVC thực hiện là 143,07 tỷ đồng. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 8655/VPCP-CN ngày 11/9/2018, UBND tỉnh Tiền Giang đã ban hành Quyết định số 2668/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 thu hồi đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của PVC. Với vai trò là doanh nghiệp quản lý sử dụng đất, PVC cũng đã hết sức nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ cũng như yêu cầu của UBND tỉnh Tiền Giang, tổ chức bàn giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất/hợp đồng thuê đất và bàn giao thực địa khu công nghiệp cho UBND tỉnh Tiền Giang vào ngày 01/10/2018.

Liên quan đến việc chi trả chi phí, ngày 28/2/2019, Văn phòng Chính phủ cũng đã có văn bản số 1630/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng giao các Bộ ban ngành hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và Chủ đầu tư Dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư do việc thu hồi đất Dự án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát tài sản Nhà nước và đảm bảo quyền lợi của Chủ đầu tư. Ngày 17/10/2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 7643/BKHĐT-QLKKT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung liên quan đến dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang. Tuy nhiên đến nay PVC vẫn chưa được nhận thanh toán phần chi phí đã đầu tư. Ngày 02/3/2020, PVC tiếp tục có văn bản số 417/XLDK-KHĐT&TCC kiến nghị Tập đoàn có phương án hỗ trợ và làm việc với các Bộ/Ban/Ngành chức năng sớm hướng dẫn công tác thanh toán chi phí đầu tư để PVC thu hồi toàn bộ chi phí đã đầu tư tại dự án nhằm bổ sung dòng tiền triển khai dự án NMNĐ Thái Bình 2 và thanh toán trả nợ khoản vay ủy thác của Tập đoàn.

- *Đối với việc khai thác khu đất 8,2ha tại xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa:* Thực hiện yêu cầu chỉ đạo của Tập đoàn, PVC đã thành lập Tổ thanh lý, điều chuyển tài sản và bàn giao hoàn trả mặt bằng khu đất 8,2ha tại xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay đang tiếp tục thực hiện/hoàn thiện các thủ tục thanh lý tài sản trên khu đất để bàn giao cho BQL khu công nghiệp.

- *Đối với việc chuyển nhượng 05 Căn hộ chung cư của Tổng công ty:* Trong năm 2019, đã thực hiện bán được 3/5 căn hộ chung cư thu về 7,626 tỷ đồng. PVC đang tiếp tục xây dựng phương án đối với 02 căn còn lại.

- Đối với việc quản lý khu đất tại Chùa Hà: PVC hiện đang phối hợp với Chi cục Thuế quận Cầu Giấy- Hà Nội trong việc xác định lại hiện trạng, mục đích sử dụng của khu đất nhằm thống nhất cách tính thuế đất tại khu đất nêu trên. Đồng thời, thực hiện các thủ tục để xin gia hạn hợp đồng thuê đất.

### **3. Công tác hợp đồng kinh tế, tài chính, kế toán và kiểm toán**

#### **3.1. Công tác tiếp thị đấu thầu và ký kết hợp đồng kinh tế:**

- Công tác tiếp thị đấu thầu: Năm 2019, Công ty mẹ không có hợp đồng ký mới. Các công ty con ký kết được 06 hợp đồng với các Chủ đầu tư/Tổng thầu, tổng giá trị các hợp đồng là 85,45 tỷ đồng. Trong đó PVC-MS ký kết 05 hợp đồng với giá trị 49,83 tỷ đồng, PVC- Đông Đô ký được 01 hợp đồng với giá trị 35,62 tỷ đồng.

- Công tác ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ: Các Ban điều hành dự án thuộc Công ty mẹ Tổng công ty đã thực hiện ký kết 28 hợp đồng thầu phụ, bao gồm: tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 (26 hợp đồng giá trị khoảng 68,43 tỷ đồng), tại dự án NMNĐ Sông Hậu 1 (02 hợp đồng giá trị 28,19 tỷ đồng).

#### **3.2. Công tác tài chính, kế toán, kiểm toán:**

- Hoàn thành quyết toán chi phí quản lý năm 2018 và phê duyệt dự toán chi phí quản lý năm 2019 của Cơ quan Tổng công ty; Hoàn thành công tác kiểm tra, quyết toán chi phí quản lý năm 2018 và phê duyệt dự toán chi phí quản lý năm 2019 của các Ban ĐHDA thuộc PVC.

- Cân đối dòng tiền, thu xếp vốn các dự án và các khoản chi thường xuyên; Làm việc với ngân hàng về việc giải ngân tại dự án NMNĐ Thái Bình 2.

- Thu xếp nguồn vốn thanh toán một phần nợ gốc đối với khoản vay ủy thác của Tập đoàn qua Oceanbank số tiền 64,13 tỷ đồng (từ nguồn thu hồi giảm vốn điều lệ 15% của PVC, PVC-IDICO, PVC-Đông Đô tại PVC-Bình Sơn).

- Đối với các khoản vay vốn ủy thác của Tập đoàn: Tính đến thời điểm 31/12/2019, số dư các khoản nợ vay ủy thác của Tổng công ty/các đơn phải trả PVN là: (i) Dư nợ gốc: 764,73 tỷ đồng trong đó PVC phải thu các đơn vị: 436,39 tỷ đồng bao gồm: KS Lam Kinh: 200 tỷ đồng; PVC-SG: 142,37 tỷ đồng; IDICO Long Sơn: 71,39 tỷ đồng; PVNC: 22,62 tỷ đồng; khoản PVC sử dụng: 328,34 tỷ đồng. (ii) Lãi trong hạn PVC chưa thanh toán: 99,09 tỷ đồng. (iii) Phạt chậm trả gốc: 25,43 tỷ đồng. (iv) Phạt chậm trả lãi: 3,05 tỷ đồng. Tổng cộng nghĩa vụ PVC phải trả PVN tính đến ngày 31/12/2019 theo Thông báo Nợ của Oceanbank là: 892,32 tỷ đồng.

Đến thời điểm hiện tại, PVC đã và đang tiếp tục rà soát lại các phương án thu hồi nợ vay ủy thác để trả nợ Tập đoàn.

- Đối với khoản bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán cho các đơn vị: Tính đến thời điểm 31/12/2019, Tổng công ty vẫn còn có các khoản bảo lãnh cho các đơn vị thành viên vay vốn: PVC-HN: 73 tỷ đồng; PVC-ME: 64 tỷ đồng; PVC-SG: 99 tỷ đồng. Các khoản bảo lãnh này đều đã quá hạn, PVC đã trích lập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả là: 137,9 tỷ đồng. Trong năm 2019 không có phát sinh liên quan đến các đơn vị về khoản bảo lãnh, trích lập dự phòng. Các đơn vị được Tổng công ty bảo lãnh vay

vốn tại các tổ chức tín dụng đều đang rất khó khăn về tài chính, kết quả kinh doanh thua lỗ, tiềm ẩn rủi ro không trả được nợ vay ngân hàng. PVC tiếp tục đề nghị NĐDPV của PVC tại các đơn vị tìm mọi giải pháp, thu xếp nguồn vốn để trả nợ ngân hàng theo các điều khoản đã ký kết với các tổ chức tín dụng hoặc làm việc với các tổ chức tín dụng để gia hạn các khoản vay. Bên cạnh đó, PVC tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tòa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của PVC.

- *Về công tác thu hồi/xử lý công nợ:* Trong năm 2019 đã thực hiện xây dựng kế hoạch chi tiết thu hồi/xử lý nợ. Theo đó phân công chi tiết nhiệm vụ, triển khai đến các Ban chức năng/ Ban ĐHDA/ Chi nhánh/ Tổ công tác/ Các đơn vị để thực hiện kế hoạch xử lý/ thu hồi công nợ 2019. Trong năm 2019, Tổng công ty đã thu hồi, xử lý được là 37,54 tỷ đồng, đạt 13,63% kế hoạch năm 2019. Trong đó thu hồi bù trừ công nợ các đơn vị: PVC-Đông Đô (3,9 tỷ đồng), PVC-Idico (30,22 tỷ đồng), PVGASN (0,95 tỷ đồng), PVL (0,19 tỷ đồng), PVC-HN (0,99 tỷ đồng), PVNC (1 tỷ đồng), Petroland (0,29 tỷ đồng).

Tổng các khoản phải thu của Công ty mẹ PVC đến thời điểm 31/12/2019 là 3.064,61 tỷ đồng. Trong đó: phải thu khách hàng là 1.619,40 tỷ đồng, phải thu trả trước người bán là 668,09 tỷ đồng, phải thu về cho vay ngắn hạn là 449,98 tỷ đồng, phải thu khác là 327,14 tỷ đồng. Công ty mẹ PVC đã thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu quá hạn/ khó đòi với tổng số tiền là 982,31 tỷ đồng.

Hiện số dư nợ chưa xử lý được theo kế hoạch chủ yếu là các khoản nợ liên quan đến quyết toán các dự án công trình chậm không hoàn thành so với kế hoạch như Khách sạn Dầu khí Thái Bình, dự án NMNĐ Vũng Áng - Quảng Trạch, gói thầu số 3-5 dự án NMNĐ Thái Bình,... Bên cạnh đó, nhiều đơn vị đang rất khó khăn về tài chính, không có khả năng thanh toán, một số đơn vị như VISSAI, PVR, IMICO không có thiện chí hợp tác trong việc xử lý công nợ. PVC vẫn đang tiếp tục tập trung phối hợp, theo dõi đôn đốc các đơn vị thực hiện xử lý để PVC thu hồi một số khoản công nợ đang thực hiện/ chưa hoàn thành xử lý và một số khoản nợ chi tiết theo kế hoạch đã đề ra.

#### **4. Công tác đầu tư**

##### **4.1. Đầu tư tài chính**

- Năm 2019, PVC không thực hiện đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp. Đến thời điểm 31/12/2019, Công ty mẹ PVC có vốn góp tại 29 đơn vị với giá trị đầu tư 3.070,03 tỷ đồng. Trong đó đầu tư tại 09 Công ty con là 1.956,21 tỷ đồng, các đơn vị liên kết (11 đơn vị) là 754,80 tỷ đồng và đầu tư tài chính khác (09 đơn vị) 359,02 tỷ đồng. Trong tháng 01/2020, đã hoàn thành thoái toàn bộ vốn góp tại PVCLand, giảm số đơn vị PVC tham gia vốn góp xuống còn 28 đơn vị với tổng giá trị đầu tư là 2.866,24 tỷ đồng.

- Năm 2019, PVC thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính 109,38 tỷ đồng (bao gồm: hoàn nhập 70,65 tỷ đồng và trích lập bổ sung là 180,03 tỷ đồng).



Lũy kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đến thời điểm 31/12/2019 là 1.787,42 tỷ đồng tương ứng 58% tổng giá trị đầu tư.

#### **4.2. Đầu tư bất động sản, XDCB, hạ tầng và mua sắm máy móc thiết bị**

- Năm 2019, Công ty mẹ Tổng công ty không thực hiện đầu tư. Trong năm 2019, chỉ có PVC-Đông Đô ghi nhận giá trị đầu tư tại dự án chung cư cao cấp CT5E- Xuân Phương- Hà Nội là 6,62 tỷ đồng (chi phí lãi vay dự án đầu tư). Hiện nay dự án CT5E- Xuân Phương đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và bị chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do việc thay đổi, điều chỉnh quy hoạch của Thành phố Hà Nội đã kéo dài thời gian các bước chuẩn bị đầu tư dự án của Công ty.

#### **5. Công tác lao động, tiền lương, đào tạo**

- Tại Cơ quan Tổng công ty: thành lập Phòng chuyên trách thu hồi công nợ Tổng công ty để tham mưu tư vấn, giúp việc Tổng giám đốc trong công tác thu hồi công nợ Tổng công ty. Tại Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện đã thực hiện giải thể các bộ phận Dự án và kiện toàn các phòng thuộc Ban ĐHDA.

- Hoàn thành việc thực hiện công tác định biên lao động tại các Ban chuyên môn Tổng công ty năm 2019. Hoàn thành phương án định biên, sắp xếp lao động tại Ban ĐHDA Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 theo quy định.

- Đã triển khai thực hiện thủ tục kiện toàn, thay đổi, giới thiệu công tác cán bộ/Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các Đơn vị: PVC-MS, PVC-IC, DOBC, Petroland, PVC-Bình Sơn, Petrowaco, Xi măng Hạ Long, Khách sạn Lam Kinh, PVC-IDICO, PVC-Đông Đô, PVC Land, PVC-Bình Sơn.

- Công tác ký kết hợp đồng lao động và giải quyết thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động được thực hiện theo đúng quy định của PVC và Pháp luật hiện hành. Tổng số CBCNV đến thời điểm hiện tại của toàn Tổng công ty là 2.050 người. Trong đó tại Công ty mẹ Tổng công ty là 310 người và lao động tại 9 đơn vị chi phối là 1.740 người.

- Trong năm 2019, PVC đã thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương Cơ quan Tổng công ty ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ-XLKD ngày 22/4/2019 nhằm đảm bảo việc trả lương tại cơ quan Tổng công ty gắn với kết quả SXKD của Công ty mẹ Tổng công ty, kết quả thực hiện công việc/nhiệm vụ của các Ban chuyên môn và CBCNV. Đối với các đơn vị thành viên: Thực hiện theo đúng quy chế trả lương, trả thưởng của Đơn vị trên cơ sở thực tế hoạt động SXKD và quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về tiền lương, thù lao tiền thưởng đối với Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước. Thu nhập bình quân năm 2019 của lao động định biên toàn Tổng công ty là 10,15 triệu đồng/người/tháng, bằng 97% kế hoạch năm. Trong đó Công ty mẹ là: 12 triệu đồng/người/tháng, bằng 99% kế hoạch năm.

- Năm 2019, Công ty mẹ PVC lỗ nên quỹ tiền lương thực hiện được xác định theo khoản tại Khoản 3, Điều 13 và Khoản 4, Điều 10, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, bao gồm: mức tiền lương bình quân trong Hợp đồng lao động, cộng với tiền lương của ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ có

hưởng lương và tiền lương trả thêm khi làm việc vào ban đêm, khi làm thêm giờ theo quy định của Bộ Lao động.

## **6. Kết quả đạt được**

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 của Tổng công ty và 17 đơn vị trong Tổng công ty, Trong đó, toàn bộ 9/9 đơn vị chi phối của PVC đã tổ chức thành công đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

- Hoàn thành công tác giảm vốn điều lệ của PVC-Bình Sơn từ 430 tỷ đồng xuống còn 365,5 tỷ đồng. PVC-Bình Sơn đã hoàn trả tiền góp vốn cho các cổ đông, theo đó PVC và các đơn vị đã thu hồi được 64,13 tỷ đồng chuyển trả nợ khoản vay ủy thác của Tập đoàn qua Oceanbank.

- Hoàn thành chuyển nhượng 03 căn hộ chung cư thu về 7,626 tỷ đồng phục vụ cho hoạt động SXKD của PVC.

- Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, trong năm 2019, PVC đã đàm phán để thống nhất việc gia hạn bảo lãnh thực hiện Hợp đồng thiết bị chính đến năm 2020 với điều kiện giảm tỷ lệ giữ lại từ 5% xuống 3% và giảm giá trị dịch vụ quản lý chạy thử CMS. Đối với hợp đồng cung cấp dịch vụ chạy thử, PVC đã tiến hành đàm phán ký kết hợp đồng và tạm ứng 10% giá trị hợp đồng với nhà thầu nhưng đến nay, vẫn chưa ký Phụ lục bổ sung hợp đồng EPC với Chủ đầu tư để cập nhật giá trị gói thầu này vào hợp đồng EPC do vướng mắc chênh lệch thuế suất thuế giá trị gia tăng giữa nhà thầu nước ngoài phải nộp và PVC phải nộp theo quy định của pháp luật Việt Nam, dẫn đến PVC sẽ thiếu hụt nguồn thanh toán các mốc công việc cho nhà thầu, gây đình trệ công việc trong tương lai gần.

- Trong năm 2019, PVC-MS đã tham gia đấu thầu và trúng thầu một số dự án, tuy giá trị không lớn nhưng góp phần bổ sung nguồn việc làm của đơn vị. Hiện PVC-MS tiếp tục đang tập trung cho các gói điện gió Đài Loan, điện gió Thanglong Wind (Bình Thuận), điện gió Duyên Hải miền Tây nam bộ,... các gói còn lại của dự án Hóa dầu Long Sơn, các gói chế tạo thiết bị trong và ngoài nước.

### **Một số hạn chế, tồn tại**

Trong việc triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, PVC gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc từ các nguyên nhân khách quan và chủ quan làm ảnh hưởng tiêu cực đến việc hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch, cụ thể:

- Kế hoạch năm 2019 của PVC và các đơn vị được xây dựng trên cơ sở các dự án/ công việc được dự kiến tháo gỡ khó khăn về cơ chế chính sách. Tuy nhiên thực tế triển khai thì việc tháo gỡ khó khăn chưa được hỗ trợ kịp thời (đặc biệt tại dự án NMNĐ Thái Bình 2), dẫn đến PVC không thể hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2019 đã xây dựng được Tập đoàn phê duyệt và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 mặc dù đã nhận được các giải pháp hỗ trợ của Tập đoàn/ Ban QLDA tuy nhiên vẫn tồn tại rất nhiều khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là

thiếu hụt dòng tiền tiếp tục triển khai thực hiện dự án, làm ảnh hưởng lớn đến việc hoàn thành kế hoạch sản lượng- doanh thu của PVC, nguyên nhân chính do:

+ Thiếu hụt dòng tiền cho việc thực hiện dự án: các nguồn vốn PVC dự kiến bổ sung để thực hiện Dự án đã không thực hiện được như kế hoạch như: khoản tiền bị đóng băng từ tài khoản của PVC tại OceanBank; thu hồi chi phí đầu tư của PVC tại Dự án khu công nghiệp Soài Rạp, dự án Xi măng Hạ Long; tái cơ cấu các đơn vị thành viên. Đối với các nhà thầu phụ cũng gặp tình trạng tương tự, tài chính đặc biệt khó khăn, nguy cơ phá sản, không vay được vốn tín dụng ngân hàng, bị nhảy nhóm, không đủ khả năng tiếp tục thực hiện tại dự án.

+ Khó khăn trong công tác thanh toán: Do chưa thống nhất cơ cấu giá hợp đồng EPC dẫn đến sản lượng dở dang tại dự án lớn do vướng mắc trong việc lập hồ sơ nghiệm thu, thanh toán đối với các công việc PVC đã hoàn thành. Các vướng mắc về định mức/ đơn giá hợp đồng EPC chưa phù hợp với thực tế thi công và bản vẽ thiết kế được duyệt dẫn đến thiếu hụt dòng tiền để tiếp tục triển khai dự án. Các vướng mắc về hoàn thiện hồ sơ chất lượng trong các giai đoạn thi công trước đây dẫn đến thiếu đồng bộ về hồ sơ nghiệm thu theo quy định; Các quy định về thanh toán vật tư, quy định về việc thu hồi tạm ứng giữa Chủ đầu tư- PVC và giữa PVC- Nhà thầu phụ chênh lệch dẫn đến PVC luôn thiếu hụt nguồn tiền để thanh toán và phải nợ nhà thầu khoản tiền thiếu hụt từ thu hồi tạm ứng.

+ Khối lượng công việc dở dang lớn do vướng mắc trong công tác lập hồ sơ nghiệm thu thanh toán, vướng mắc về định mức/ đơn giá hợp đồng EPC chưa phù hợp với thực tế thi công và bản vẽ thiết kế được duyệt dẫn đến thiếu hụt dòng tiền để tiếp tục triển khai thực hiện dự án. Tại thời điểm 31/12/2019, giá trị khối lượng dở dang tại hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2 là khoảng 2.098 tỷ đồng.

+ Công tác mua sắm vật tư/ thiết bị luôn gặp vướng mắc trong quá trình lựa chọn do: i) giá trị gói thầu trong biểu giá hợp đồng EPC thấp hoặc không có giá trị; ii) một số gói thầu có yêu cầu kỹ thuật phức tạp/đặc thù nhà thầu đề xuất kỹ thuật và giá không đồng bộ dẫn đến không đánh giá lựa chọn được nhà thầu; iii) một số gói thầu không có nhà thầu mua hồ sơ mời thầu hoặc chỉ có một nhà thầu mua hồ sơ mời thầu. Các vướng mắc trong quá trình lựa chọn nhà thầu dẫn đến việc PVC phải tổ chức đấu thầu lại nhiều lần mới có đủ cơ sở để phê duyệt lựa chọn nhà thầu trúng thầu làm ảnh hưởng đến tiến độ cung cấp vật tư/thiết bị đồng thời ảnh hưởng đến tiến độ thi công lắp đặt trên công trường.

+ Ngoài ra, tiến độ dự án kéo dài cũng làm phát sinh chi phí trong quá trình thực hiện hợp đồng (chi phí bảo vệ, bảo dưỡng/bảo quản thiết bị,...), phát sinh tăng các chi phí quản lý tại dự án làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế của PVC.

- Giá trị khối lượng dở dang/công nợ phải thu tại các đơn vị lớn, nhiều khoản công nợ/khối lượng dở dang tại một số đơn vị tồn tại từ lâu nhưng vẫn chưa thực hiện quyết toán và thu hồi dứt điểm, dẫn đến các đơn vị vừa phải lo thu xếp vốn cho các hoạt động SXKD và phải chịu chi phí lãi vay ngân hàng, làm ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của đơn vị như PVC-IC, PVC-MS, DOBC... Tại thời điểm 31/12/2019,

tổng giá trị công nợ phải thu và giá trị khối lượng dở dang còn tồn đọng tại các công trình của các đơn vị thành viên ước khoảng 1.269 tỷ đồng, trong đó có đến khoảng 665,68 tỷ đồng là giá trị dở dang và công nợ tại dự án NMNĐ Thái Bình 2.

- Công tác tìm kiếm nguồn việc mới gặp rất nhiều khó khăn. Các hợp đồng ký mới được rất ít, giá trị nhỏ. Công ty mẹ và các đơn vị chủ yếu thực hiện các công trình/ dự án chuyển tiếp từ các năm trước, giá trị còn lại rất thấp. Khả năng tự tìm kiếm nguồn việc mới của các đơn vị còn yếu.

- Trong 09 đơn vị chi phối có kết quả SKXD năm 2019 hợp nhất vào PVC, duy nhất PVC-Petroland có kết quả kinh doanh năm 2019 lãi 704 triệu đồng. 08 đơn vị còn lại tiếp tục thua lỗ trong năm 2019 làm ảnh hưởng lớn tới kết quả sản xuất kinh doanh của hợp nhất PVC, Công ty mẹ phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dẫn đến tăng lỗ đối với chỉ tiêu lợi nhuận.

- Công tác thoái vốn góp đầu tư tài chính gặp nhiều vướng mắc do phần lớn các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn của PVC đều thua lỗ nên việc tìm kiếm các đối tác nhận chuyển nhượng có nhiều khó khăn hoặc các đối tác đưa ra mức giá nhận chuyển nhượng quá thấp. Ngoài ra những vướng mắc thủ tục pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện cũng dẫn đến quá trình thoái vốn kéo dài.

- Công tác thoái vốn tại các dự án bất động sản của một số đơn vị còn chậm và chưa hoàn thành dẫn đến nguồn vốn còn tồn đọng lớn, thiếu vốn lưu động phục vụ công tác thi công các công trình như PVC-Bình Sơn, PVC-Duyên Hải, PVC-Đông Đô,...

- Công tác thu hồi/xử lý công nợ của Công ty mẹ PVC không hoàn thành kế hoạch do nhiều nguyên nhân như: hầu hết các đơn vị liên quan đến công nợ với PVC đều rất khó khăn về tài chính không có khả năng thanh toán như: PVC-MT; PVC-ME; PVC-HN; PVNC...; Một số đơn vị thiếu thiện chí hợp tác với PVC để xử lý công nợ như: Vissai; PVC-TS, PVR....Ngoài ra, thời gian vừa qua việc thanh kiểm tra của các cơ quan chức năng, công tác điều tra của cơ quan an ninh/ cơ quan bảo vệ pháp luật diễn ra đồng loạt liên quan đến các dự án Vũng Áng, Quảng Trạch, Ethanol Phú Thọ, PVTex,... đã làm ảnh hưởng rất lớn đến công tác quyết toán, tiến độ quyết toán công trình, xử lý/ thu hồi nợ của PVC.

## II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Năm 2020, PVC tiếp tục phải đối diện với các khó khăn về việc tìm kiếm nguồn công việc cũng như các rủi ro tiềm ẩn tiếp tục bộc lộ. Tổng Công ty PVC đã xây dựng mục tiêu kế hoạch năm 2020 kính trình Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

### 1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019			Kế hoạch năm 2020
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH (%)	
1	Giá trị SXKD	tỷ đồng	2.200,00	1.509,01	69%	1.300,00

	Công ty mẹ	tỷ đồng	1.200,00	497,43	41%	600,00
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	3.200,00	2.094,48	65%	1.700,00
	Công ty mẹ	tỷ đồng	2.400,00	1.087,62	45%	1.400,00
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	-	(387,62)		-
	Công ty mẹ	tỷ đồng	-	(183,80)		-
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	-	(392,69)		-
	Công ty mẹ	tỷ đồng	-	(182,64)		-
5	Nộp NSNN	tỷ đồng	150,00	125,90	84%	90,00
	Công ty mẹ	tỷ đồng	90,00	34,11	38%	50,00
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	10,50	10,15	97%	10,75
	Công ty mẹ	Tr.đ/ tháng	12,15	12,00	99%	11,50

## 2. Các nhiệm vụ trọng tâm

- Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu theo kế hoạch năm 2020 đã đề ra.

- Quyết liệt thực hiện công tác tái cấu trúc theo kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016-2020 đã được Tập đoàn tạm phê duyệt/phê duyệt tại các Quyết định số 2627/QĐ-DKVN ngày 31/12/2016, Quyết định số 104/QĐ-DKVN ngày 22/01/2018, Nghị quyết số 3696/NQ-DKVN ngày 21/6/2018.

- Huy động tối đa mọi nguồn lực, tập trung nâng cao năng lực thi công, khả năng cạnh tranh để trở thành một nhà thầu EPC chuyên nghiệp có đủ kinh nghiệm và năng lực, có khả năng đảm nhiệm các dự án lớn trong và ngoài ngành; mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác, dần hạn chế mức độ phụ thuộc và các dự án trong ngành.

- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy làm công tác đấu thầu đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2020, theo đó đặc biệt chú trọng xây dựng và hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật, nâng cao chất lượng công tác xây dựng dự toán gói thầu/ hạng mục công việc từ khâu chuẩn bị hồ sơ để làm cơ sở kiểm soát chi phí.

- Tập trung nhân lực, đẩy nhanh tiến độ thi công, công tác hoàn thiện hồ sơ chất lượng, nghiệm thu, thanh quyết toán các dự án/ hạng mục/ công trình, trong đó đặc biệt lưu ý đối với dự án NMNĐ Thái Bình 2 để thu hồi vốn, quay vòng vốn phục vụ cho hoạt động SXKD; Tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền, đảm bảo sử dụng đúng mục đích; Tập trung rà soát, xử lý chi phí SXKD dờ dang, đặc biệt đối với các dự án/ hạng mục/ công trình dự báo khó có nguồn thu bù đắp theo quy định tại các Hợp đồng đã được ký kết để có giải pháp xử lý ghi nhận kết quả kinh doanh theo đúng các quy định hiện hành.

- Tiếp tục làm việc với các thầu phụ, đặc biệt là các nhà thầu nước ngoài (SDC, FLS, WP,...) tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 giải quyết các vướng mắc, tránh xảy ra kiện tụng hoặc phạt hợp đồng làm phát sinh chi phí ảnh hưởng đến dòng tiền của PVC triển khai dự án.

- Tập trung mọi nguồn lực để hoàn thành các hạng mục trên đường găng tiến độ dự án như: kho than, cảng nhập đá vôi, thạch cao; Hoàn thành công tác quyết toán các hạng mục đã thi công như: xử lý nền, bờ kè,...; Phối hợp với Chủ đầu tư và Tổng thầu

LILAMA để rà soát, tổ chức thực hiện và hoàn thành các ý kiến của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước, Thanh tra Bộ Xây dựng tại dự án NMND Sông Hậu 1.

- Hoàn thành công tác thi công các hạng mục công trình tại giai đoạn 2 và quyết toán toàn bộ Dự án Trung tâm phân tích thí nghiệm và văn phòng Viện Dầu khí tại Tp. Hồ Chí Minh.

- Chủ động làm việc và thực hiện các yêu cầu của các cấp có thẩm quyền để sớm thu hồi tối đa chi phí đã đầu tư tại Dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang

- Đôn đốc PVC-IC cân đối nguồn tiền, xử lý dứt điểm việc thanh toán công nợ với Tập đoàn tại dự án Văn phòng và phòng học, nhà công vụ cho giáo viên và ký túc xá sinh viên- Trường Cao đẳng nghề Dầu khí.

- Chỉ đạo quyết liệt trong công tác lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn, thu hồi công nợ tại các dự án/công trình, thu hồi nợ cá nhân, bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD của PVC; Tăng cường kiểm tra giám sát công tác hạch toán kế toán, quản lý dòng tiền theo từng dự án/ gói thầu/ hạng mục công việc; Nâng cao hiệu quả công tác sử dụng vốn từ Công ty mẹ tới các doanh nghiệp có vốn góp, đồng thời nâng cao năng lực hoạt động, tự chủ trong hoạt động SXKD, tránh lệ thuộc vào Công ty mẹ đặc biệt về công ăn việc làm.

- Thường xuyên thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá và giám sát tình hình hoạt động, tài chính của các doanh nghiệp có vốn góp của PVC để có các giải pháp hỗ trợ và xử lý kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư vốn của Công ty mẹ.

- Xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn đọng, đặc biệt việc xử lý công nợ và vật tư tài sản tồn đọng.

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng thương hiệu của các đơn vị thành viên theo đúng quy định của Tập đoàn.

- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, cân đối dòng tiền và quản trị rủi ro.

- Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân sự, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công để có thể triển khai các công trình/ dự án trọng điểm của Tập đoàn và của các Chủ đầu tư giao đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu.

- Tiếp tục kiện toàn, tối ưu hóa bộ máy điều hành từ Tổng công ty tới các Ban điều hành dự án, đồng thời tổ chức sắp xếp lại nhân sự dự án, lao động cho phù hợp nhằm nâng cao năng suất lao động và tiết giảm chi phí quản lý.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty nhằm đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ hoạt động của Tổng công ty.

- Cân đối dòng tiền, có kế hoạch hoàn trả vốn ủy thác mà Tập đoàn đã cho PVC và các công ty con vay theo đúng quy định hiện hành.

### **3. Giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020**

Để thực hiện được kế hoạch, nhiệm vụ SXKD năm 2020 đã được Tập đoàn phê duyệt, PVC cần tập trung mọi nguồn lực về tài chính, nhân lực, máy móc thiết bị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, PVC đã đề ra các giải pháp trong từng lĩnh vực như sau:

#### **a) Công tác tái cấu trúc**

- Rà soát, thực hiện thoái toàn bộ phần vốn góp của PVC tại các đơn vị theo kế hoạch tái cơ cấu đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở 3 nguyên tắc: (1) Phù hợp với quy định pháp luật hiện hành; (2) Phù hợp với nguyên tắc và điều kiện thị trường; (3) Bảo toàn cao nhất vốn nhà nước ở mức cao nhất. Phương thức, giá bán và tiến độ thực hiện đối với từng khoản mục sẽ được xây dựng phương án chi tiết báo cáo các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tiếp tục đôn đốc các đơn vị thành viên đẩy mạnh và chú trọng triển khai công tác thoái vốn tại các dự án bất động sản nhằm tập trung nguồn lực cho hoạt động xây lắp tại các dự án.

#### **b) Công tác tiếp thị đấu thầu**

- Xây dựng kế hoạch cụ thể trong công tác tiếp thị đấu thầu của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

- Bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư của Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc Tập đoàn để đẩy mạnh thực hiện công tác tiếp thị, tìm kiếm nguồn công việc đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2020 cũng như nguồn việc gói đầu cho những năm sau/giao cho các đơn vị thành viên thực hiện để hỗ trợ đơn vị phát triển theo định hướng phát triển của Tổng công ty.

- Hiện tại Tổng công ty đang bám sát Chủ đầu tư (EVN) để đấu thầu các gói thầu thuộc dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1, trước mắt đang tiến hành đấu thầu gói thầu số GT24-QT1.

- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy làm công tác đấu thầu, trong đó tập trung tham gia đấu thầu tại các hạng mục dự án Nhà máy Lọc dầu Long Sơn, NMNĐ Long Phú 1, dự án điện gió Thanglong Wind (Bình Thuận), Hải Long (Đài Loan),...; Tiếp tục tìm kiếm cơ hội việc làm tại các dự án khác: NM Lọc dầu Long Sơn, dự án Lô B Ô Môn,...

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống nguồn dữ liệu, trong đó bao gồm dữ liệu và hồ sơ năng lực kinh nghiệm thực hiện các công trình tương tự, Hồ sơ năng lực nhân sự, hồ sơ máy móc thiết bị, dự liệu về nhà cung cấp, định mức, đơn giá nội bộ của Tổng công ty,...

#### **c) Công tác tài chính kế toán**

- Lập kế hoạch, chủ động thực hiện thu xếp, huy động các nguồn vốn đảm bảo phục vụ kịp thời cho các công trình/dự án đang thi công cũng như hoạt động SXKD của Tổng công ty trong năm 2020, đặc biệt tại dự án NMNĐ Thái Bình 2. Tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền đảm bảo sử dụng đúng mục đích.

- Tính toán hiệu quả kinh tế, tiết giảm tối đa chi phí quản lý, tối đa hóa lợi nhuận tại các dự án, kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Tăng cường kiểm soát tài chính tại các Ban điều hành dự án, làm việc với các đơn vị xem xét hiệu quả, thực trạng và có biện pháp tăng cường hạch toán kinh doanh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát công tác hạch toán kế toán tại các Ban điều hành, các đơn vị thành viên từ đó có những chỉ đạo cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác hạch toán kế toán. Kiện toàn bộ máy làm công tác tài chính kế toán từ công ty mẹ tới các Công ty con và các Ban điều hành trực thuộc Tổng công ty.

- Tiếp tục rà soát các khoản công nợ phải thu, giá trị khối lượng dở dang tại các công trình/dự án, các đơn vị. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch chi tiết thu hồi/ xử lý nợ trong năm 2020 và quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi công nợ, xử lý/bù trừ các khoản công nợ chéo nhằm đảm bảo thu hồi vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.

#### **d) Công tác chỉ đạo, điều hành thi công tại các công trình**

- Tập trung mọi nguồn lực triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác điều hành thi công và triển khai các dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát thi công trên các công trường, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện dự án, kịp thời giải quyết vướng mắc trong quá trình thi công. Tổ chức thi công khoa học, quản lý, theo dõi chặt chẽ các đơn vị thi công để đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm của PVC.

- Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2:

+ Nâng cao vai trò trách nhiệm của Tổng thầu EPC trong việc thực hiện hợp đồng EPC, chủ động xử lý, giải quyết công việc thuộc phạm vi hợp đồng EPC đã ký.

+ Rà soát tổng thể các hợp đồng giữa PVC và PVN, giữa PVC và các nhà thầu thi công, khẩn trương điều chỉnh thông qua các phụ lục hợp đồng. Chủ động đề xuất điều chuyển, cắt giảm phạm vi công việc, thay thế bằng nhà thầu khác có năng lực đối với các nhà thầu không đáp ứng yêu cầu tại dự án.

+ Tiếp tục chủ động làm việc với Ban QLDA để điều chỉnh các mốc thanh toán cho phù hợp với tình hình thực tế tại công trường. Tăng cường công tác nghiệm thu thanh toán đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu SXKD.

+ Cùng cố, tăng cường bộ máy trong công tác nghiên cứu các quy định của hợp đồng, quy định pháp luật để có thể bảo vệ quyền lợi PVC nếu xảy ra tranh chấp hoặc có kế hoạch ký hợp đồng dài hạn với đơn vị tư vấn luật để hỗ trợ PVC.

- Xây dựng lộ trình soát xét đánh giá nguyên nhân chậm tiến độ (chủ quan, khách quan, cơ chế ....) cho Dự án NMNĐ Thái Bình 2 và dự án NMNĐ Sông Hậu 1 làm cơ sở sau này đàm phán thương mại – quyết toán thanh lý hợp đồng để giảm thiểu rủi ro cho PVC trong vấn đề phạt chậm tiến độ.



- Thực hiện đánh giá lại phần khối lượng phát sinh chưa lường hết thuộc dự án NMNĐ Vũng Áng 1 và có sự thống nhất với Chủ đầu tư để làm cơ sở quyết toán dự án.

- Quyết liệt thực hiện công tác quyết toán tại các công trình/ dự án đã hoàn thành công tác thi công như: dự án NMNĐ Sông Hậu 1, Văn phòng Viện dầu khí phía Nam, dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình,...

- Rà soát đánh giá năng lực của các đơn vị, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các đơn vị trong công tác thi công xây dựng. Tăng cường công tác kiểm soát, giám sát và chỉ đạo các đơn vị trong quá trình triển khai dự án.

- Tiếp tục áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong toàn Tổng công ty, chuẩn hóa các quy trình, quy định về quản lý, tổ chức thi công, tổ chức công trường, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân.

#### **e) Công tác tổ chức quản lý, nhân sự, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực**

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty đảm bảo phù hợp với các Quy định của Nhà nước và điều lệ của Tổng công ty.

- Tiếp tục kiện toàn, cơ cấu lại bộ máy tổ chức, nhân sự đảm bảo cơ cấu gọn nhẹ, giảm lao động gián tiếp, tăng lao động trực tiếp có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu trong công tác điều hành và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm thu hút cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có năng lực, am hiểu công nghệ, có kinh nghiệm nhằm xây dựng đội ngũ CBCNV đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, đặc biệt là đội ngũ làm công tác quản lý, điều hành dự án.

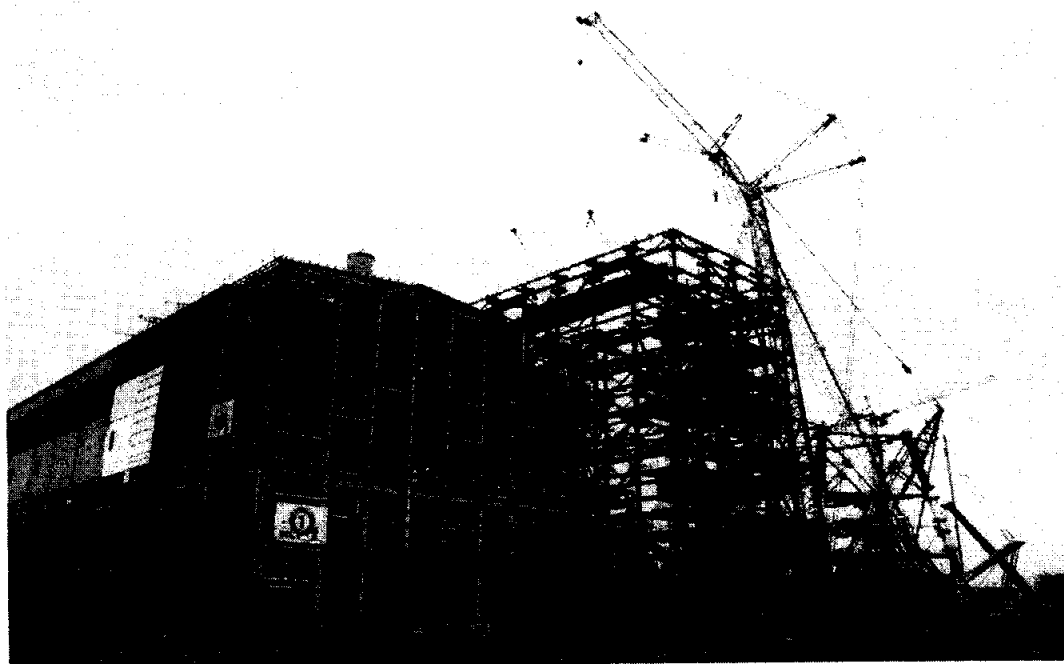
- Xây dựng phương án thực hiện đào tạo về quản lý hợp đồng O&M, tuyển dụng nhân sự kỹ thuật chuẩn bị cho công tác dịch vụ kỹ thuật – vận hành và bảo dưỡng dự án NMNĐ Thái Bình 2 sau khi được Tập đoàn chấp thuận chủ trương giao cho PVC thực hiện.

- Thường xuyên thực hiện tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại để xây dựng đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, có trình độ cao. Tăng cường thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và đào tạo chuyên sâu định hướng chuyên gia cho đội ngũ cán bộ làm công tác thiết kế, thi công công trình áp dụng các công nghệ tiên tiến vào việc thực hiện các dự án.

- Tập trung công tác đào tạo, hệ thống lại các loại chứng chỉ chuyên môn nhằm đảm bảo đáp ứng được các quy định mới của pháp luật về Xây dựng như: Các loại chứng chỉ hành nghề của CBCNV về xây dựng, lắp đặt thiết bị, an toàn lao động phòng chống cháy nổ.. Đặc biệt là hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị Bộ Xây dựng cấp Chứng chỉ Năng lực hoạt động xây dựng Hạng I cho Tổng công ty.

- Thực hiện công tác quản lý, đôn đốc và giám sát thực hiện về lao động, tiền lương, thu nhập và chế độ chính sách của công ty mẹ và các đơn vị thành viên theo quy định của Nhà nước, Tập đoàn và thực tế hoạt động SXKD của Tổng công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2020 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.



# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty:

Năm 2019 tiếp tục là một năm đầy thách thức trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC). Công ty mẹ Tổng công ty và các đơn vị thành viên tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn do lỗ lũy kế từ giai đoạn trước để lại, hạn chế về nguồn việc làm cũng như nguồn lực tài chính, con người. Bên cạnh đó, các dự án đang triển khai cũng tiềm ẩn rất nhiều các rủi ro, nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả của dự án nói riêng, hiệu quả hoạt động SXKD của toàn Tổng công ty nói chung. Khái quát những khó khăn thách thức đối với PVC trong năm 2019 như sau:

- Mặc dù được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Cổ đông lớn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PVC đã nỗ lực tìm kiếm và thực hiện nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, tuy nhiên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 của PVC không đạt được kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

- Công tác tìm kiếm nguồn việc mới gặp rất nhiều khó khăn. Các hợp đồng ký mới được rất ít, giá trị nhỏ. Công ty mẹ và các đơn vị chủ yếu thực hiện các công trình/ dự án chuyển tiếp từ các năm trước, giá trị còn lại rất thấp. Khả năng tự tìm kiếm nguồn việc mới của các đơn vị còn yếu.

- 08/9 đơn vị thành viên chi phối của PVC có kết quả kinh doanh thua lỗ do nguồn công việc rất hạn chế, tiến trình thoái vốn bất động sản đều gặp khó khăn đã ảnh hưởng xấu tới kết quả sản xuất kinh doanh của hợp nhất toàn Tổng công ty. Phần lớn các đơn vị chi phối của PVC đều phụ thuộc vào nguồn việc tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, NMNĐ Sông Hậu 1. Tuy nhiên trong năm 2019, tiến độ triển khai tại dự án NMNĐ Thái Bình 2 cầm chừng, doanh thu thấp, giá trị dở dang lớn do vậy không đủ bù đắp các chi phí: chi phí quản lý, chi phí lãi vay,...

- Công tác thoái vốn góp đầu tư tài chính gặp nhiều vướng mắc do phần lớn các đơn vị nằm trong kế hoạch thoái vốn của PVC đều thua lỗ nên việc tìm kiếm các đối tác nhận chuyển nhượng có nhiều khó khăn hoặc các đối tác đưa ra mức giá nhận chuyển nhượng quá thấp. Ngoài ra những vướng mắc thủ tục pháp lý trong quá trình triển khai thực hiện cũng dẫn đến quá trình thoái vốn kéo dài.

- Công tác thu hồi/xử lý công nợ không hoàn thành kế hoạch do nhiều nguyên nhân như: Công tác quyết toán các dự án/công trình chưa thực hiện được theo kế hoạch đề ra, các đơn vị liên quan đến công nợ với PVC hoặc các đơn vị khác hầu hết là đang rất khó khăn về tài chính không có khả năng thanh toán.

- Tình hình tài chính của PVC gặp nhiều khó khăn do lỗ lũy kế từ các năm trước để lại lớn, thiếu hụt về tài chính dẫn đến thiếu nguồn lực để có thể tập trung triển khai các dự án, đặc biệt tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, thiếu nguồn lực tài chính cũng làm ảnh hưởng đến việc tham gia đấu thầu tìm kiếm công việc mới.

- Những khó khăn của Tổng công ty cũng ảnh hưởng lớn đến tâm lý của người lao động trong toàn Tổng công ty. Nhiều cán bộ, chuyên viên đã xin chuyển công tác gây thiếu hụt nguồn nhân lực cho Tổng công ty, đặc biệt là nguồn nhân lực nòng cốt có chuyên môn giỏi tại dự án NMNĐ Thái Bình 2.

Ngoài những khó khăn, thách thức nêu trên, việc các cơ quan pháp luật tiếp tục

thực hiện công tác điều tra, làm ảnh hưởng đến tâm lý CBCNV toàn Tổng công ty. Bên cạnh đó khi PVC làm việc với các Chủ đầu tư/ đối tác/ Khách hàng cũng gặp nhiều hạn chế dẫn đến hoạt động SXKD của PVC ngày càng gặp khó khăn, đặc biệt trong công tác tiếp thị, tìm nguồn việc mới.

Trên cơ sở Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị đã xây dựng chương trình làm việc, đưa ra các định hướng, chỉ đạo Tổng giám đốc xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp cụ thể nhằm khai thác tối đa các yếu tố thuận lợi, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV trong toàn Tổng công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch đề ra và đã đạt được một số kết quả sau:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 của Tổng công ty và hướng dẫn/chỉ đạo 17 đơn vị trong Tổng công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
- Tại dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình 2: Tiến độ tổng thể của dự án đến thời điểm 31/12/2019 đạt 84,473%. PVC tiếp tục đề xuất với Chủ đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ/ Thường trực chính phủ, Bộ Công thương về các khó khăn vướng mắc và đề xuất các giải pháp tháo gỡ để hoàn thành dự án, đồng thời Chủ đầu tư có các giải pháp hỗ trợ dòng tiền, điều chỉnh dự toán để thúc đẩy hoàn thành dự án.
- Hoàn thành chuyển nhượng 03 căn hộ chung cư thu về 7,626 tỷ đồng phục vụ cho hoạt động SXKD của PVC.
- Trong công tác tái cơ cấu:
  - + Công tác giảm vốn tại PVC-Bình Sơn: trong năm 2018, PVC-Bình Sơn đã hoàn thành công tác điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giảm 15% vốn điều lệ (từ 430 tỷ đồng xuống còn 365,5 tỷ đồng). Trong quý I/2019, PVC-Bình Sơn đã hoàn trả tiền góp vốn cho các cổ đông, theo đó PVC đã thu hồi được 64,13 tỷ đồng (PVC: 30 tỷ đồng; Long Sơn PIC: 30,23 tỷ đồng và PVC-Đông Đô: 3,9 tỷ đồng), toàn bộ khoản tiền này đã được PVC chuyển trả nợ khoản vay ủy thác của Tập đoàn qua Oceanbank.
  - + Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của PVC tại PVCLand: Trong năm 2019, PVC đã thực hiện các thủ tục để chào bán toàn bộ phần vốn góp của PVC tại PVCLand. Trong tháng 01/2020, đã hoàn thành thoái toàn bộ phần vốn góp của PVC tại PVCLand cho Công ty TNHH Đầu tư Nhan Gia và thu về 17,039 tỷ đồng.
- Về thu hồi công nợ: Trong năm 2019, Công ty mẹ PVC đã thực hiện xử lý thu hồi được 37,54 tỷ đồng, đạt 13,63% kế hoạch năm 2019. Số dư nợ chưa xử lý được theo kế hoạch chủ yếu là các khoản nợ liên quan đến quyết toán các dự án/công trình chưa hoàn thành so với tiến độ đề ra.
- Đối với các khoản vay vốn ủy thác của Tập đoàn: Trong năm 2019, PVC và các đơn vị đã thực hiện trả gốc khoản vay ủy thác cho Tập đoàn là 64,13 tỷ đồng từ nguồn giảm 15% vốn điều lệ của PVC-Bình Sơn. Đến 31/12/2019, số dư các khoản nợ vay ủy thác của PVC/các đơn vị phải trả PVN là: (i) Dư nợ gốc: 764,73

tỷ đồng (trong đó PVC: 328,34 tỷ đồng; KS Lam Kinh: 200 tỷ đồng; PVC-SG: 142,37 tỷ đồng; IDICO Long Sơn: 71,39 tỷ đồng; PVNC: 22,62 tỷ đồng); (ii) Lãi trong hạn PVC chưa thanh toán: 99,09 tỷ đồng. (iii) Phạt chậm trả gốc: 25,43 tỷ đồng. (iv) Phạt chậm trả lãi: 3,05 tỷ đồng. Tổng cộng nghĩa vụ PVC phải trả PVN tính đến ngày 31/12/2019 theo Thông báo Nợ của Oceanbank là: 892,32 tỷ đồng. PVC tiếp tục rà soát các phương án thu hồi nợ vay ủy thác để trả nợ Tập đoàn.

- Đối với khoản bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán cho các đơn vị: Đến 31/12/2019, PVC vẫn còn có các khoản bảo lãnh cho các đơn vị thành viên vay vốn từ các năm trước: PVC-HN: 73 tỷ; PVC-ME: 64 tỷ; PVC-SG: 99 tỷ. Các khoản bảo lãnh này đều đã quá hạn, PVC đã trích lập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả là: 137,9 tỷ đồng. Trong năm 2019 không có phát sinh liên quan đến các đơn vị về khoản bảo lãnh, trích lập dự phòng.
- Công tác tiếp thị đầu thầu: trong năm 2019, PVC và PVC-MS tiếp tục phối hợp với Tổ hợp nhà đầu tư để triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án điện gió Thanglong Wind tại tỉnh Bình Thuận, hiện nay dự án đang trong giai đoạn khảo sát phục vụ thiết kế.
- Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí được PVC triển khai sâu rộng tới toàn thể các đơn vị, người lao động trong toàn PVC. Năm 2019, cơ quan mẹ PVC ước thực hiện tiết giảm được 9,38 tỷ đồng.

#### **Một số chỉ tiêu kinh tế chính trong năm 2019 của Tổng công ty**

- Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 1.509,01 tỷ đồng, đạt 69% kế hoạch năm và bằng 70% so với năm 2018; Riêng Công ty mẹ thực hiện 497,43 tỷ đồng, đạt 41% kế hoạch năm và bằng 34% so với năm 2018.
- Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 2.094,48 tỷ đồng, đạt 65% kế hoạch năm và bằng 60% so với năm 2018; Riêng Công ty mẹ thực hiện 1.087,62 tỷ đồng đạt 45% kế hoạch năm và bằng 47% so với năm 2018.
- Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lỗ 387,62 tỷ đồng; riêng Công ty mẹ lỗ 183,80 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lỗ 392,69 tỷ đồng; riêng Công ty mẹ lỗ 182,64 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PVC tại thời điểm 31/12/2019 là 517,55 tỷ đồng, giảm 26% so với vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2018. Lỗ lũy kế Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2019 là 3.559,90 tỷ đồng.

## **2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Năm 2020, HĐQT đã xác định Tổng công ty tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, ngoài các yếu tố từ nguồn lực của PVC thì các yếu tố rủi ro tiềm ẩn nêu trên sẽ tiếp tục bộc lộ. HĐQT đã chỉ đạo Tổng giám đốc hết sức thận trọng khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 với các nội dung cụ thể như sau:

### **2.1 Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020:**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019			Kế hoạch năm 2020
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH (%)	
1	Giá trị SXKD	tỷ đồng	2.200,00	1.509,01	69%	1.300,00
	Công ty mẹ	tỷ đồng	1.200,00	497,43	41%	600,00
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	3.200,00	2.094,48	65%	1.700,00
	Công ty mẹ	tỷ đồng	2.400,00	1.087,62	45%	1.400,00
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	-	(387,62)		-
	Công ty mẹ	tỷ đồng	-	(183,80)		-
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	-	(392,69)		-
	Công ty mẹ	tỷ đồng	-	(182,64)		-
5	Nộp NSNN	tỷ đồng	150,00	125,90	84%	90,00
	Công ty mẹ	tỷ đồng	90,00	34,11	38%	50,00
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	10,50	10,15	97%	10,75
	Công ty mẹ	Tr.đ/ tháng	12,15	12,00	99%	11,50

## 2.2 Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp:

Để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế năm 2020, HĐQT đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT chỉ đạo triển khai đồng bộ, thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như sau:

- Tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 đã đề ra; riêng đối với chỉ tiêu lợi nhuận, nỗ lực giảm lỗ tối đa.
- Quyết liệt thực hiện công tác tái cơ cấu theo kế hoạch đã được phê duyệt;
- Huy động tối đa mọi nguồn lực, tập trung nâng cao năng lực thi công (về nhân sự, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công), khả năng cạnh tranh; mở rộng thị trường, tìm kiếm đối tác để có thể triển khai các công trình/ dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu.
- Tập trung nhân lực, đẩy nhanh tiến độ thi công/giải pháp bù tiến độ tại các dự án/công trình đang thực hiện thi công.
- Chủ động xây dựng các giải pháp để sớm thu hồi tối đa chi phí đã đầu tư tại Dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang.
- Quyết liệt trong công tác lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn, thu hồi công nợ tại các dự án/công trình, thu hồi nợ cá nhân, bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD của PVC; Tăng cường kiểm tra giám sát quản lý dòng tiền theo từng dự án/ gói thầu/ hạng mục công việc; Nâng cao hiệu quả công tác sử dụng vốn từ Công ty mẹ tới các doanh nghiệp có vốn góp, đồng thời nâng cao

năng lực hoạt động, tự chủ trong hoạt động SXKD, tránh lệ thuộc vào Công ty mẹ đặc biệt về công ăn việc làm.

- Tăng cường chức năng giám sát/ kiểm soát của Tổng công ty qua đó xây dựng giải pháp đánh giá khả năng tồn tại/giải thể đối với các đơn vị thành viên/ đơn vị có vốn góp của PVC có lỗ lũy kế >50% vốn điều lệ.
- Xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn đọng, đặc biệt việc xử lý công nợ và vật tư tài sản tồn đọng.
- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng thương hiệu của các đơn vị thành viên theo đúng quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Tiếp tục kiện toàn, tối ưu hóa bộ máy điều hành từ Tổng công ty tới các Ban điều hành dự án, đồng thời tổ chức sắp xếp lại nhân sự dự án, lao động cho phù hợp nhằm nâng cao năng suất lao động và tiết giảm chi phí quản lý.
- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ của Tổng công ty nhằm đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ hoạt động của Tổng công ty.
- Cân đối dòng tiền, có kế hoạch hoàn trả vốn ủy thác mà Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã cho PVC và các công ty con vay.
- Kiểm soát chặt chẽ và tăng cường tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; Quán triệt triển khai thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiết giảm chi phí quản lý, tập trung giảm giá thành và nâng cao hiệu quả kinh doanh;

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

## 1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị có 05 thành viên, các Thành viên HĐQT qua các giai đoạn trong năm 2019: Ông Nguyễn Đình Thế (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 29/7/2019 là Thành viên phụ trách HĐQT, Tổng giám đốc; từ ngày 29/7/2019 là Thành viên phụ trách HĐQT); Ông Phạm Cương (thành viên độc lập Hội đồng quản trị); Ông Nguyễn Quốc Tuấn (Thành viên độc lập HĐQT); Ông Nghiêm Quang Huy (Thành viên HĐQT), Ông Nguyễn Đức Đạt (Thành viên HĐQT từ ngày 01/01/2019 đến ngày 07/10/2019) và Ông Lương Đình Thành (thành viên HĐQT, Tổng giám đốc từ ngày 07/10/2019).

## 2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2019, HĐQT họp 07 phiên họp thường kỳ và 136 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 83 Nghị quyết, 57 Quyết định và nhiều văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các hoạt động của Tổng công ty.

Tổng hợp kết quả tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của các thành viên:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Đình Thế	Thành viên phụ trách HĐQT		07/07	100%	
2	Nghiêm Quang Huy	Thành viên HĐQT		07/07	100%	
3	Phạm Cương	Thành viên độc lập HĐQT		07/07	100%	
4	Nguyễn Quốc Tuấn	Thành viên độc lập HĐQT		07/07	100%	
5	Nguyễn Đức Đạt	Thành viên HĐQT, PTGD	Thôi Thành viên HĐQT từ ngày 07/10/2019	06/06	100%	
6	Lương Đình Thành	Thành viên HĐQT, TGD	Thành viên HĐQT từ ngày 07/10/2019	01/01	100%	

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, trong năm 2019, HĐQT đã cùng Tổng giám đốc tổ chức các cuộc họp kiểm điểm tình hình thực hiện tại dự án NMNĐ Thái Bình 2, kiểm điểm công tác tái cơ cấu, thu hồi công nợ. Bên cạnh đó, HĐQT cử các thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp cùng Ban Tổng giám đốc để giám sát việc



thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các Thành viên HĐQT đã thực hiện vai trò và nhiệm vụ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế làm việc của HĐQT và các quy định pháp luật khác có liên quan trong việc quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của PVC cũng như giám sát nhiệm vụ quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc thông qua việc:

- Tham gia tất cả các hoạt động của HĐQT;
- Tham gia hoặc ủy quyền tham gia các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp khác;
- Có ý kiến tại các phiếu lấy ý kiến để HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Văn bản của HĐQT;
- Trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực cụ thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của PVC và trực tiếp phụ trách một số đơn vị thành viên của PVC theo phân công nhiệm vụ trong HĐQT PVC.

### **3. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và các Thành viên trong Ban Tổng giám đốc**

- HĐQT theo sát và giám sát Ban Tổng giám đốc để triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết HĐQT đã đề ra. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/ doanh nghiệp lớn.
- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc.
- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị về cơ bản phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.
- Ban Tổng giám đốc làm việc thường xuyên với các đơn vị thành viên trực thuộc để chấn chỉnh các hoạt động SXKD theo đúng định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động SXKD và đầu tư của từng đơn vị.
- Hàng tháng, hàng quý Ban Tổng giám đốc thực hiện rà soát các nhiệm vụ đã giao, chỉ đạo các Ban chuyên môn/ Ban điều hành dự án/Chi nhánh thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2019.

### **4. Công tác quản trị, tổ chức, lao động, đào tạo**

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 của Tổng công ty và hướng dẫn/chỉ đạo 17 đơn vị trong Tổng công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.
- Tại Cơ quan Tổng công ty: thành lập Phòng chuyên trách thu hồi công nợ Tổng công ty để tham mưu tư vấn, giúp việc Tổng giám đốc trong công tác thu hồi công nợ Tổng công ty. Tại Ban điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện đã thực hiện giải thể các bộ phận Dự án và kiện toàn các phòng thuộc Ban ĐHDA.

- Hoàn thành việc thực hiện công tác định biên lao động tại các Ban chuyên môn Tổng công ty năm 2019. Hoàn thành phương án định biên, sắp xếp lao động tại Ban ĐHDA Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 theo quy định.
- Đã triển khai thực hiện thủ tục kiện toàn, thay đổi, giới thiệu công tác cán bộ/Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các Đơn vị: PVC-MS, PVC-IC, DOBC, Petroland, PVC-Bình Sơn, Petrowaco, Xi măng Hạ Long, Khách sạn Lam Kinh, PVC-IDICO, PVC-Đông Đô, PVC Land, PVC-Bình Sơn.
- Công tác ký kết hợp đồng lao động và giải quyết thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động được thực hiện theo đúng quy định của PVC và Pháp luật hiện hành. Tổng số CBCNV đến thời điểm hiện tại của toàn Tổng công ty là 2.050 người. Trong đó tại Công ty mẹ Tổng công ty là 310 người và lao động tại 9 đơn vị chi phối là 1.740 người.
- Trong năm 2019, PVC đã thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương Cơ quan Tổng công ty ban hành kèm theo Quyết định số 128/QĐ-XLĐK ngày 22/4/2019 nhằm đảm bảo việc trả lương tại cơ quan Tổng công ty gắn với kết quả SXKD của Công ty mẹ Tổng công ty, kết quả thực hiện công việc/nhiệm vụ của các Ban chuyên môn và CBCNV. Đối với các đơn vị thành viên: Thực hiện theo đúng quy chế trả lương, trả thưởng của Đơn vị trên cơ sở thực tế hoạt động SXKD và quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về tiền lương, thù lao tiền thưởng đối với Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước. Thu nhập bình quân năm 2019 của lao động định biên toàn Tổng công ty là 10,15 triệu đồng/người/tháng, bằng 97% kế hoạch năm. Trong đó Công ty mẹ là: 12 triệu đồng/người/tháng, bằng 99% kế hoạch năm.
- Năm 2019, Công ty mẹ PVC lỗ nên quỹ tiền lương thực hiện được xác định theo khoản tại Khoản 3, Điều 13 và Khoản 4, Điều 10, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, bao gồm: mức tiền lương bình quân trong Hợp đồng lao động, cộng với tiền lương của ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương và tiền lương trả thêm khi làm việc vào ban đêm, khi làm thêm giờ theo quy định của Bộ Lao động.

# **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT**

---

## **1. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2019, trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua và kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát PVC đã được Tập đoàn phê duyệt. Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã tập trung triển khai, thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ trọng tâm, ngoài việc giám sát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Tổng công ty Ban Kiểm soát đã thực hiện:

Giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách, chế độ của Nhà nước, các quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Tổng giám đốc (TGD) PVC thông qua việc xem xét nghiên cứu các Nghị quyết của HĐQT và các quyết định điều hành hoạt động SXKD của Ban TGD.

Tham gia các cuộc họp rà soát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý I, II, III/2019 và kế hoạch quý IV/2019 của các đơn vị thành viên Tổng công ty, các Ban điều hành dự án của Tổng công ty...

Thực hiện thẩm tra nội dung đại hội cổ đông thường niên 2019 của 09 công ty con và các công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính.

Tham gia họp Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và năm 2019 trên cơ sở báo cáo tài chính kế toán của Tổng công ty và Biên bản kiểm toán Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Căn cứ Văn bản số 1042/DKVN-HĐTV ngày 26/7/2019 Tổng công ty PVC đã ban hành Quyết định số 268/QĐ-XLTK về việc bổ nhiệm ông Lương Đình Thành giữ chức vị Tổng giám đốc Tổng công ty PVC.

Nghị quyết số 201/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã thông qua các báo cáo; báo cáo hoạt động HĐQT năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019; báo cáo hoạt động Ban Kiểm soát năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019; báo cáo về kết quả sản xuất kinh doanh của PVC năm 2018; báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán; báo cáo quyết toán thù lao của HĐQT

Hàng quý Ban Kiểm soát Ban hành các công văn số 1402/XLTK-BKS; số 2019/XLTK-BKS gửi HĐQT, Ban TGD để cung cấp kết quả SXKD tại Tổng công ty, các ban điều hành để kiểm tra, giám sát đồng thời làm cơ sở lập báo cáo hàng quý/năm gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Ngày 27/11/2019, Ban Kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2019 báo

cáo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại công văn số 2687/XLTK-BKS. Tập đoàn Dầu khí đã thông qua kế hoạch của Ban Kiểm soát Tổng công ty PVC tại Quyết định số 704/QĐ-DKVN.

Thực hiện quyết định số 3884/QĐ-DKVN về việc kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay của PVC. Trong thời gian làm việc của đoàn tại Tổng công ty PVC, Ban Kiểm soát đã phối hợp với đoàn kiểm tra của Tập đoàn để hoàn thành công tác của đoàn kiểm tra.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyền hạn và chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty năm 2019 thông qua.

### **3. Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị**

Trong năm 2019, Hội đồng quản trị PVC đã tổ chức thành công Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và ĐHCĐ bất thường vào ngày 7/10/2019. Trên cơ sở Nghị quyết số 201/NQ-XLTK và 367/NQ-XLTK, HĐQT đã ban hành kịp thời một số các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động SXKD, đầu tư xây dựng, công tác tái cấu trúc, tổ chức nhân sự theo đúng qui định và điều lệ của PVC, qui định của Pháp luật

HQĐT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát điều hành của Ban Tổng giám đốc trong công tác điều hành SXKD nhằm tháo gỡ các khó khăn, tồn tại, hạn chế, phòng ngừa các rủi ro tiềm ẩn, duy trì bộ máy điều hành hoạt động SXKD ổn định, tổ chức họp thường kỳ và đột xuất bằng hình thức tập trung hoặc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để ban hành các nghị quyết, quyết định giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Điều lệ của Tổng công ty.

Năm 2019, Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết để kịp thời chỉ đạo trong công tác điều hành SXKD như: Nghị quyết số 254/NQ-XLTK Chấp thuận giới thiệu nhân sự bầu làm thành viên HĐQT và giữ chức Tổng giám đốc; Nghị quyết số 346/NQ-XLTK về việc thành lập Phòng chuyên trách thu hồi công nợ; Nghị quyết số 417/NQ-XLTK về việc chấp thuận một số nội dung sửa đổi hợp đồng cung cấp thiết bị chính số 30/HĐKT/2012- Dự án NMNĐ Thái Bình 2; Nghị quyết số 467/NQ-XLTK về việc triển khai nhiệm vụ SXKD của Tổng công ty năm 2020 và Ngoài ra HĐQT ban hành các Nghị quyết công tác SXKD của các đơn vị con, công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, công tác Tái cơ cấu và xử lý nợ, công tác thoái vốn, công tác bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ và người đại diện phân vốn tại các đơn vị,...

### **4. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc:**

Ban Tổng giám đốc đã triển khai, thực hiện và các nghị quyết, Quyết định của HĐQT, đã ban hành các Quyết định kịp thời trong công tác trong tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Tại các Quyết định số 33/QĐ-TB2 ngày 29/5/2019 về việc thành lập Tổ rà soát hoàn thiện hồ sơ thanh toán, Quyết định số 2249/QĐ-XLTK ngày 26/9/2019 về việc Thành lập phòng chuyên trách thu hồi công nợ, Quyết định số 1741/QĐ-XLTK ngày 25/7/2019 về việc Thành lập tổ công tác đàm phán, xử lý các vướng mắc liên quan đến Hợp đồng ngoại của Dự án NMNĐ Thái

Bình 2, Quyết định số 2485/QĐ-XLĐK ngày 28/10/2019 về việc kiện toàn Tổ đàm phán, điều chỉnh Hợp đồng EPC Dự án NMNĐ Thái Bình 2, đồng thời thực hiện công tác rà soát, sắp xếp kiện toàn công tác nhân sự của Tổng công ty tại các Ban chuyên môn Tổng công ty, các Ban Điều hành các dự án, Chi nhánh phía Bắc và các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.

Ban Tổng giám đốc thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đồng chí phó Tổng giám đốc phụ trách theo từng lĩnh vực, thường xuyên tổ chức họp giao ban, rà soát đánh giá kết quả từng dự án từng hạng mục thi công trên công trường để kịp chỉ đạo/phối hợp với chủ đầu tư, các công ty chi phối các nhà thầu phụ để đưa ra các giải pháp xử lý và báo cáo Tập đoàn, đề nghị ký kết và thực hiện Phụ lục bổ sung Hợp đồng EPC với Chủ đầu tư của hạng mục công việc hệ thống đường ống nội bộ (phần ngoài phạm vi cung cấp của liên danh nhà thầu Sojitz-Dealim) đảm bảo tiến độ, chất lượng của dự án, Tổng công ty còn đàm phán ký kết với các nhà thầu phụ trong nước để điều chỉnh hợp đồng cho phù hợp với các phụ lục đã điều chỉnh ký giữa PVC và Chủ đầu tư, để điều chỉnh một số nội dung thanh toán của tỷ lệ giữ lại, tỷ lệ thu hồi tạm ứng, các mốc thanh toán theo tình hình thực tế thi công tại dự án.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại công mẹ và các công ty thành viên Ban Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng Quản trị về công tác tái cơ cấu, sắp xếp nhân sự tại một số đơn vị như PVC-MS;PVC-IC;DOBC,Chi nhánh phía Bắc... nhằm tiết giảm chi phí quản lý điều hành tại công mẹ và các đơn vị thành viên

Ban Tổng giám đốc thành lập các đoàn kiểm tra giám sát thường xuyên tại các công trình/dự án và các đơn vị thành viên, đặc biệt đối với dự án trọng điểm quốc gia tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Ban Tổng giám đốc đã thường xuyên làm việc để chỉ đạo, kịp thời giải quyết các vướng mắc tại các dự án, đảm bảo tiến độ và chất lượng tại dự án.

Ban Tổng giám đốc chỉ đạo các Ban chuyên môn phối hợp với các Ban Tập đoàn để làm việc với các cấp Sở/ Ban/Ngành của UBND tỉnh Tiền Giang để báo cáo các Bộ/Ngành đề xuất Chính Phủ cho cấp nguồn vốn chuyển trả vốn đầu tư mà Tập đoàn Dầu khí và Tổng PVC đã đầu tư vào Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp-Tiền Giang.

Thành lập Hội đồng kiểm kê và xử lý tài sản sau kiểm kê để thực hiện kiểm tra đánh giá tài sản Công ty mẹ giữa niên độ kế toán và cuối năm tài chính năm 2019.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

---

**1. Ý kiến kiểm toán**

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**



**Deloitte.**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ  
VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	12 - 46

11



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đình Thế	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Đạt	Ủy viên
Ông Nghiêm Quang Huy	Ủy viên
Ông Phạm Cường	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lương Đình Thành	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2019)
Ông Nguyễn Đình Thế	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2019)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Chí Cường	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2019)
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2019)
Ông Trần Toàn Thắng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2019)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lương Đình Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

Số: *1030* /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2020, từ trang 6 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### *Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến*

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.559,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 3.377,3 tỷ VND), nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 731,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 774 tỷ VND). Tổng Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu bao gồm số dư gốc vay khoảng 764,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 856,9 tỷ VND). Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các kế hoạch hoạt động này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập với giả định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

11/01/2020

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

2. Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là khoảng 124,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 124,4 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
3. Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 có giá gốc lần lượt là khoảng 240,5 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 249,7 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và để nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 16 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các dự án đã tạm dừng thi công từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền 5.719.085.908 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 5.719.085.908 VND). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Như trình bày tại Thuyết minh số 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có (1) khoản đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí và Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam với tổng giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 571,3 tỷ VND và 271,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 571,3 tỷ VND và 266,5 tỷ VND); (2) khoản đầu tư vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải và Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí với tổng giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 80,9 tỷ VND và 27,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 80,9 tỷ VND và 24,4 tỷ VND); và (3) một số khoản góp vốn vào các đơn vị khác với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là khoảng 44,3 tỷ VND và 12,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 44,3 tỷ VND và 12,8 tỷ VND). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>4.015.339.174.591</b>	<b>3.949.625.650.151</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>137.755.310.180</b>	<b>326.057.489.783</b>
1. Tiền	111		85.455.310.180	255.584.038.775
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.300.000.000	70.473.451.008
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>119.252.425.350</b>	<b>41.614.255.450</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		150.668.065.000	150.668.065.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(45.785.705.650)	(109.053.809.550)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14.370.066.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.077.646.191.345</b>	<b>1.913.459.308.710</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.619.402.499.829	1.340.883.118.174
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	668.088.263.240	730.611.496.380
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	449.978.436.077	477.544.956.451
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	321.763.227.131	341.911.955.051
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(982.311.222.958)	(978.217.205.372)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		724.988.026	724.988.026
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>1.588.956.425.699</b>	<b>1.587.249.118.165</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.610.860.862.427	1.609.153.554.893
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.904.436.728)	(21.904.436.728)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>91.728.822.017</b>	<b>81.245.478.043</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	153.189.394	220.170.638
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		70.299.037.915	59.767.967.400
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	23	21.276.594.708	21.257.340.005

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.377.926.428.553</b>	<b>1.606.227.556.723</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.655.963.143</b>	<b>4.655.963.143</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	4.655.963.143	4.655.963.143
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>11.775.918.231</b>	<b>23.573.525.197</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	9.726.153.553	16.783.984.484
- Nguyên giá	222		67.089.810.046	77.847.225.840
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(57.363.656.493)	(61.063.241.356)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	1.779.284.678	6.448.500.713
- Nguyên giá	225		14.253.750.000	18.676.108.182
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(12.474.465.322)	(12.227.607.469)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	270.480.000	341.040.000
- Nguyên giá	228		5.005.180.340	5.005.180.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.734.700.340)	(4.664.140.340)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>16</b>	<b>169.596.706.255</b>	<b>169.656.706.255</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		24.471.433.315	24.471.433.315
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		145.125.272.940	145.185.272.940
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.177.732.691.818</b>	<b>1.380.377.777.558</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	17	1.956.206.514.396	1.986.206.514.396
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	18	754.799.467.055	754.799.467.055
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	19	208.359.968.199	208.359.968.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	20	(1.741.633.257.832)	(1.568.988.172.092)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.165.149.106</b>	<b>27.963.584.570</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	14.165.149.106	27.963.584.570
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270=100+200)	<b>270</b>		<b>5.393.265.603.144</b>	<b>5.555.853.206.874</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

11/11/2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4.875.711.503.895</b>	<b>4.855.662.176.291</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.746.746.153.271</b>	<b>4.723.642.544.642</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	21	2.843.160.156.928	2.797.373.969.361
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	22	216.663.829.083	278.442.060.554
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23	2.723.952.613	13.671.609.709
4. Phải trả người lao động	314		21.261.113.595	25.078.773.126
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24	319.025.766.498	353.232.180.081
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.905.976.188	4.605.090.877
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	25	368.640.115.430	347.011.111.137
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	26	980.646.454.009	911.508.960.870
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(7.281.211.073)	(7.281.211.073)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>128.965.350.624</b>	<b>132.019.631.649</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	24	71.064.369.884	71.064.369.884
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		57.871.459.805	59.760.287.206
3. Phải trả dài hạn khác	337		29.520.935	29.520.935
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	1.165.453.624
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>517.554.099.249</b>	<b>700.191.030.583</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>27</b>	<b>517.554.099.249</b>	<b>700.191.030.583</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(29.710.000)	(29.710.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.986.992.734	76.986.992.734
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		500.000.000	500.000.000
5. (Lỗ) lũy kế	421		(3.559.903.183.485)	(3.377.266.252.151)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.377.266.252.151)	(3.253.409.798.185)
- (Lỗ) năm nay	421b		(182.636.931.334)	(123.856.453.966)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>5.393.265.683.472</b>	<b>5.555.853.206.874</b>

*Wu Thi Cham*

Vũ Thị Châm  
 Người lập biểu

*Wu Minh Cong*

Vũ Minh Công  
 Kế toán trưởng



Lương Đình Thành  
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này





**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. <b>Lỗ trước thuế</b>	01	(183.802.384.958)	(125.021.907.590)
2. <b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.983.268.532	7.938.273.174
Các khoản dự phòng	03	113.470.999.426	51.091.822.323
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lãi) từ hoạt động đầu tư	04	69.174.388	957.936.315
Chi phí lãi vay	05	(6.587.605.891)	(21.318.882.887)
Chi phí lãi vay	06	16.163.705.037	7.743.835.444
3. <b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	(54.702.843.466)	(78.608.923.221)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(237.613.771.967)	170.403.448.524
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.707.307.534)	472.115.512.346
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(49.227.733.489)	(840.088.131.162)
Thay đổi chi phí trả trước	12	13.865.416.708	13.228.180.242
Tiền lãi vay đã trả	14	(10.499.732.109)	(6.516.690.562)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.173.798.708	39.402.122.359
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.116.488.819)	(2.567.235.178)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(339.828.661.968)	(232.631.716.652)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.000.000)	(131.081.818)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.071.250.000	2.639.200.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(17.030.795.626)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	54.050.362.945	72.823.499.837
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	35.930.415.000	51.125.260.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.604.608.893	12.176.717.110
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	82.617.841.212	138.633.595.129

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	362.735.177.011	95.444.488.542
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(293.028.887.079)	(180.238.306.448)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(568.796.793)	(1.903.794.708)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>69.137.493.139</b>	<b>(86.697.612.614)</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	<b>50</b>	<b>(188.073.327.617)</b>	<b>(180.695.734.137)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	326.057.489.783	508.914.752.119
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(228.851.986)	(2.161.528.199)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>137.755.310.180</b>	<b>326.057.489.783</b>

*[Handwritten signature]*

Vũ Thị Châm  
Người lập biểu

←



Vũ Minh Công  
Kế toán trưởng

Lương Đình Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

M.S.D.N.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 08 tháng 8 năm 2019, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 303 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 442).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.

11/31/2019 10:10

- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm Văn phòng Tổng Công ty và 06 đơn vị phụ thuộc sau:

- Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2,
- Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch,
- Ban điều hành các dự án PVC phía Nam,
- Ban điều hành dự án Nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyester,
- Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ, và
- Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có 09 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 11 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 18.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.559,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 3.377,3 tỷ VND) và nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 731,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 774 tỷ VND). Tổng Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu bao gồm số dư gốc vay là khoảng 764,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 856,9 tỷ VND). Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện các kế hoạch để đảm bảo khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện trên.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Tổng Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Phương tiện vận tải

Số năm  
6 - 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính là phần mềm phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm theo phương pháp đường thẳng.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

M.S.D.

- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Trong trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Chi phí đi vay**

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu năm</u> <b>VND</b>
Tiền mặt	358.423.116	479.326.305
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	85.096.887.064	255.104.712.470
Các khoản tương đương tiền (ii)	<u>52.300.000.000</u>	<u>70.473.451.008</u>
	<b>137.755.310.180</b>	<b>326.057.489.783</b>

(i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm số tiền khoảng 23 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 63,1 tỷ VND) gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương - "OceanBank") đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, bao gồm số tiền khoảng 52,3 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 52,3 tỷ VND) gửi tại OceanBank đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản và chuyển đổi mô hình hoạt động của OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Giá gốc	Số cuối năm		Số đầu năm	
		VND	Dự phòng	VND	Dự phòng
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>150.668.065.000</b>	<b>45.785.705.650</b>	<b>150.668.065.000</b>	<b>109.053.809.550</b>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	136.068.065.000	31.900.705.650	136.068.065.000	95.168.809.550	
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.600.000.000	13.885.000.000	14.600.000.000	13.885.000.000	
<b>b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>14.370.066.000</b>	-	-	-	
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	14.370.066.000	-	-	-	

(i) Phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 06 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 5,1%/năm.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Dự phòng	VND	Dự phòng
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.116.202.950.949		859.838.775.956	
Viện Dầu khí Việt Nam	104.372.368.452		62.256.129.083	
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.998.195.450		92.988.431.965	
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	83.824.809.185		85.997.410.646	
Các khoản phải thu khách hàng khác	223.004.175.793		239.802.370.524	
	<b>1.619.402.499.829</b>		<b>1.340.883.118.174</b>	
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	1.505.925.194.869		1.226.584.585.342	

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Dự phòng	VND	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	113.386.879.741		113.386.879.741	
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776		108.864.918.776	
Các khoản khác	445.836.464.723		508.359.697.863	
	<b>668.088.263.240</b>		<b>730.611.496.380</b>	
<i>Trong đó:</i>				
Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	253.187.718.650		299.688.843.290	

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>VND Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>VND Dự phòng</b>
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (I)	200.000.000.000	124.356.150.003	200.000.000.000	124.356.150.003
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (I)	142.303.647.827	142.303.647.827	142.303.647.827	142.303.647.827
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO (I)	71.392.750.000	-	101.620.000.000	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (I)	22.623.638.889	11.162.506.280	22.623.638.889	12.509.813.846
<b>Cộng</b>	<b>436.320.036.716</b>	<b>277.822.304.110</b>	<b>466.547.286.716</b>	<b>279.169.611.676</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	2.660.729.626	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>449.978.436.077</b>	<b>288.819.973.845</b>	<b>477.544.956.451</b>	<b>290.167.281.411</b>
<i>Trong đó:</i>				
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)</b>	<b>367.588.016.342</b>	<b>277.822.304.110</b>	<b>364.927.286.716</b>	<b>279.169.611.676</b>

- (i) Số dư phải thu về cho vay các công ty này thể hiện: a) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần; và b) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với Oceanbank để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

Theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên sau khi được gia hạn là ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay OceanBank. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay OceanBank nêu trên, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

**9. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>321.763.227.131</b>	<b>341.911.955.051</b>
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	91.559.342.551	87.841.873.460
- Phải thu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (I)	46.233.778.156	46.233.778.156
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (ii)	42.543.792.920	42.328.848.975
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	14.258.775.000	18.370.961.565
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	34.143.267.836
- Phải thu ngắn hạn khác	127.167.538.504	112.993.225.059
<b>b. Dài hạn</b>	<b>4.655.963.143</b>	<b>4.655.963.143</b>
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	4.655.963.143	4.655.963.143
	<b><u>326.419.190.274</u></b>	<b><u>346.567.918.194</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	<b>150.382.717.842</b>	<b>146.564.059.629</b>

- (I) Phải thu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Hà Nội thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thu hồi nợ đến hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long. Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ và đã được Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm. Đến ngày báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đã nộp đơn kháng cáo và đang chờ Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý.
- (II) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 37).

11/01/2011

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**10. NỢ XẤU**

Thông tin về một số khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>VND Giá trị có thể thu hồi</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>VND Giá trị có thể thu hồi</b>
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	206.138.310.290	75.643.849.997
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	208.969.964.705	-	209.960.201.220	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	142.303.647.827	-	142.303.647.827	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	75.739.518.828	69.184.615	75.739.518.828	138.369.230
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	72.442.896.574	14.296.418.844	74.320.073.627	23.141.183.865
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	61.710.508.005	-	61.710.508.005	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	43.977.863.728	6.714.619.313	43.977.863.728	6.714.619.313
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	34.084.106.414	22.500.000	34.039.106.414	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	30.495.449.099	100.965.000	30.495.449.099	100.965.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.575.990.000	-	23.575.990.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	18.265.262.039	-	18.265.262.039	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	9.446.793.928	-	9.446.793.928	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	6.907.785.000	-	10.807.785.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	5.221.876.372	-	5.221.876.372	-
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí	3.719.897.842	-	3.719.897.842	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	4.817.458.278	352.500.000	3.642.458.278	-

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định giá trị có thể thu hồi được bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị đã dự phòng của các khoản phải thu này.

\* H' h \*

2 1 1

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**11. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.257.044.133	-	1.967.588.224	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (I)	1.574.302.831.566	-	1.573.981.529.941	-
Hàng hoá	34.300.986.728	21.904.436.728	33.204.436.728	21.904.436.728
	<b>1.610.860.862.427</b>	<b>21.904.436.728</b>	<b>1.609.153.554.893</b>	<b>21.904.436.728</b>

(I) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, chi tiết sản xuất dở dang theo các công trình như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.283.371.503.901	1.231.205.318.703
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	240.479.467.868	249.672.379.595
Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	24.685.164.934	-
Các công trình khác	25.766.694.863	93.103.831.643
	<b>1.574.302.831.566</b>	<b>1.573.981.529.941</b>

(\*) Như trình bày tại Thuyết minh số 38, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	23.189.394	219.837.890
Chi phí ngắn hạn khác	130.000.000	332.748
	<b>153.189.394</b>	<b>220.170.638</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí trả trước thuê văn phòng (i)	13.861.326.990	27.063.028.336
Chi phí dài hạn khác	303.822.116	900.556.234
	<b>14.165.149.106</b>	<b>27.963.584.570</b>

(i) Phản ánh chi phí trả trước về thuê văn phòng chờ phân bổ theo các Hợp đồng thuê văn phòng tòa nhà San Nam số 001/2009/SN-PVC ngày 08 tháng 01 năm 2009 giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH San Nam, Hợp đồng thuê văn phòng tòa nhà CEO số 2410/2020/CEO Tower/CEO-PVC ngày 17 tháng 01 năm 2020 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn C.E.O và Phụ lục số 03 của Hợp đồng thuê văn phòng tòa nhà Medianet số 500 HDTV/PVC-PVC MN ngày 01 tháng 4 năm 2015 giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu năm	32.194.358.803	6.557.060.709	12.931.941.637	26.163.864.691	77.847.225.840
Tăng do mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	4.422.358.182	4.422.358.182
Tăng khác	-	-	-	8.000.000	8.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(14.068.014.090)	-	(341.995.886)	(777.764.000)	(15.187.773.976)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18.126.344.713</b>	<b>6.557.060.709</b>	<b>12.589.945.751</b>	<b>29.816.458.873</b>	<b>67.089.810.046</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu năm	18.148.067.396	6.125.197.054	12.439.811.651	24.350.165.255	61.063.241.356
Khấu hao trong năm	1.691.021.175	145.504.471	200.120.561	1.355.730.234	3.392.376.441
Tăng do mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	2.273.474.238	2.273.474.238
Thanh lý, nhượng bán	(8.245.675.656)	-	(341.995.886)	(777.764.000)	(9.365.435.542)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.593.412.915</b>	<b>6.270.701.525</b>	<b>12.297.936.326</b>	<b>27.201.605.727</b>	<b>57.363.656.493</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	<b>14.046.291.407</b>	<b>431.863.655</b>	<b>492.129.986</b>	<b>1.813.699.436</b>	<b>16.783.984.484</b>
Tại ngày cuối năm	<b>6.532.931.798</b>	<b>286.359.184</b>	<b>292.009.425</b>	<b>2.614.853.146</b>	<b>9.726.153.553</b>

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 39.156.716.078 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 39.909.628.692 VND).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

**14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải
	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	18.676.108.182
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(4.422.358.182)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.253.750.000</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	12.227.607.469
Khấu hao trong năm	2.520.332.091
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(2.273.474.238)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>12.474.465.322</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	<b>6.448.500.713</b>
Tại ngày cuối năm	<b>1.779.284.678</b>

**15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính
	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Số dư đầu năm	5.005.180.340
Số dư cuối năm	<b>5.005.180.340</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Số dư đầu năm	4.664.140.340
Khấu hao trong năm	70.560.000
Số dư cuối năm	<b>4.734.700.340</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày đầu năm	<b>341.040.000</b>
Tại ngày cuối năm	<b>270.480.000</b>

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 4.652.380.340 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 4.652.380.340 VND).

**16. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị thuần có thể thực hiện được	Giá gốc	Giá trị thuần có thể thực hiện được
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (I)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
Dự án Nhà máy Xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	800.000.000	12.180.083.636	800.000.000
Các công trình khác	<u>7.329.825.521</u>	<u>1.618.216.162</u>	<u>7.329.825.521</u>	<u>1.618.216.162</u>
	<b>71.051.054.915</b>	<b>24.471.433.315</b>	<b>71.051.054.915</b>	<b>24.471.433.315</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

- (i) Theo Công văn số 1828/TTg-KTN ngày 15 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty tại dự án này.

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Mua sắm	11.433.106.209	11.493.106.209
- Xây dựng cơ bản	133.692.166.731	133.692.166.731
Trong đó:		
<i>Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)</i>	127.973.080.823	127.973.080.823
<i>Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí (iii)</i>	3.883.984.985	3.883.984.985
<i>Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang (iii)</i>	1.835.100.923	1.835.100.923
	<u>145.125.272.940</u>	<u>145.185.272.940</u>

- (ii) Thể hiện chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang ("Dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN. Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Bộ Tài chính có Văn bản số 11704/BTC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao Dự án trên. Theo Biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31 tháng 7 năm 2017 của tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, PVN và Tổng Công ty, các bên thống nhất giá trị Dự án trong giai đoạn do Tổng Công ty thực hiện là khoảng 143 tỷ VND. Ngày 01 tháng 10 năm 2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cũng như bàn giao toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất trên iô đất của Dự án cho cơ quan này. Ngày 28 tháng 02 năm 2019, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương và Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định pháp luật, không để thất thoát tài sản Nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư. Ngày 17 tháng 10 năm 2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 7643/BKHĐT-QLKKT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung liên quan đến dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án.

- (iii) Phản ánh các dự án đã tạm dừng thi công từ nhiều năm trước. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp (VND)		Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính	Tình hình hoạt động	
			Số cuối năm	Số đầu năm				Năm nay	Năm trước
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (I)	Thành phố Hồ Chí Minh	367.502.605.998	367.502.605.998	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	325.000.000.000	325.000.000.000	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	286.227.385.833	286.227.385.833	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
4	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	203.793.940.000	203.793.940.000	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
5	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	170.000.000.000	200.000.000.000	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
6	Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô (I)	Hà Nội	195.150.582.565	195.150.582.565	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
7	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	153.532.000.000	153.532.000.000	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
8	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dẫn dụng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	153.000.000.000	153.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh có lãi
9	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	102.000.000.000	102.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh có lãi
			<b>1.956.206.514.396</b>	<b>1.986.206.514.396</b>					

- (I) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí và Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, các công ty nói trên được xác định là công ty con của Tổng công ty.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 36.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp (VND)		Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính	Tình hình hoạt động	
			Số cuối năm	Số đầu năm				Năm nay	Năm trước
1	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Hà Nội	200.000.000.000	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	83.271.467.055	83.271.467.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Hải Phòng	77.400.000.000	77.400.000.000	42%	35%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Đà Nẵng	72.400.000.000	72.400.000.000	48%	48%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
7	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	57.000.000.000	57.000.000.000	30%	30%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
8	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Nghệ An	54.395.000.000	54.395.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
9	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	19.993.000.000	19.993.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
10	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
11	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (i)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
			<b>754.799.467.055</b>	<b>754.799.467.055</b>					

(i) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 35%, đồng thời, Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 36.

**19. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

STT	Tên các công ty nhận góp vốn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu %	Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu %
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	7,58%	147.300.000.000	7,58%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	23.500.000.000	16%	23.500.000.000	16%
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	16.764.968.199	15%	16.764.968.199	15%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	2,5%	12.500.000.000	2,5%
5	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	3.000.000.000	4%	3.000.000.000	4%
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	2.795.000.000	5%	2.795.000.000	5%
7	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4	2.500.000.000	10%	2.500.000.000	10%
		<b>208.359.968.199</b>		<b>208.359.968.199</b>	

**20. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Thông tin chi tiết về các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư vào công ty con	<b>1.956.206.514.396</b>	<b>880.401.321.367</b>	<b>1.986.206.514.396</b>	<b>713.347.566.158</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (I)	367.502.605.998	79.222.379.026	367.502.605.998	79.689.844.993
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	325.000.000.000	140.547.062.353	325.000.000.000	123.548.027.716
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	286.227.385.833	125.158.649.852	286.227.385.833	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (I)	203.793.940.000	192.436.698.353	203.793.940.000	186.801.978.021
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	170.000.000.000	33.212.945.541	200.000.000.000	30.967.194.774
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	195.150.582.565	81.070.375.748	195.150.582.565	67.793.380.782
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	153.532.000.000	153.532.000.000	153.532.000.000	153.532.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	153.000.000.000	14.761.728.869	153.000.000.000	21.677.539.736
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	102.000.000.000	60.459.481.625	102.000.000.000	49.337.600.136

- (I) Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland) và Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land) với tổng số tiền khoảng 271,7 tỷ VND dựa trên thông tin báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được kiểm toán của Petroland và PVC-Land. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của hai công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>b) Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>754.799.467.055</b>	<b>701.154.883.545</b>	<b>754.799.467.055</b>	<b>695.563.553.014</b>
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	107.500.000.000	107.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	83.271.467.055	83.271.467.055	83.271.467.055	83.271.467.055
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (ii)	77.400.000.000	25.143.653.818	77.400.000.000	22.811.665.490
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	75.600.000.000	75.600.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	72.400.000.000	72.400.000.000	72.400.000.000	72.400.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	57.000.000.000	57.000.000.000	57.000.000.000	54.292.929.035
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	54.395.000.000	54.395.000.000	54.395.000.000	54.395.000.000
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	19.993.000.000	19.993.000.000	19.993.000.000	19.993.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (ii)	3.500.000.000	2.111.762.672	3.500.000.000	1.559.491.434
<b>c) Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>208.359.968.199</b>	<b>160.077.052.920</b>	<b>208.359.968.199</b>	<b>160.077.052.920</b>
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (iii)	23.500.000.000	11.288.806.120	23.500.000.000	11.288.806.120
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	16.764.968.199	-	16.764.968.199	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO (iii)	12.500.000.000	1.488.246.800	12.500.000.000	1.488.246.800
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn (iii)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (iii)	2.795.000.000	-	2.795.000.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (iii)	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.919.365.949.650</b>	<b>1.741.633.257.832</b>	<b>2.949.365.949.650</b>	<b>1.568.988.172.092</b>

(ii) Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải) và Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-Link) với tổng số tiền khoảng 27,3 tỷ VND dựa trên thông tin báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được kiểm toán của PVC Duyên Hải và Petro-link. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của hai công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư vào công ty liên kết nêu trên. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

(iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có các khoản đầu tư vào các công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2, Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4, với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư lần lượt là khoảng 44,3 tỷ VND và khoảng 12,8 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Công ty Công nghiệp Daelim	1.082.987.723.281	1.174.990.478.816
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	482.180.600.301	398.785.076.255
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.565.265	177.049.565.265
Tập đoàn Sojitz	165.289.300.346	164.755.016.943
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	26.798.344.807	46.277.603.207
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	110.733.200.321	72.950.414.232
Các đối tượng khác	798.121.422.607	762.565.814.643
	<b>2.843.160.156.928</b>	<b>2.797.373.969.361</b>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	581.792.751.054	513.812.789.145

**22. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	83.583.485.701	146.156.317.172
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Các đối tượng khác	50.301.867.483	49.507.267.483
	<b>216.663.829.083</b>	<b>278.442.060.554</b>
<i>Trong đó:</i>		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	93.148.521.557	93.148.521.557

**23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Số phải thu/ phải nộp	Số đã thu/đã nộp/bù trừ	
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.256.556.285	-	-	21.256.556.285
Thuế xuất nhập khẩu	-	19.254.703	-	19.254.703
Các loại thuế khác	783.720	-	-	783.720
	<b>21.257.340.005</b>	<b>19.254.703</b>	<b>-</b>	<b>21.276.594.708</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	4.098.133.876	11.166.124.812	14.243.774.546	1.020.484.142
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	3.715.491.881	12.773.056.427	16.515.148.319	(26.600.011)
Thuế xuất nhập khẩu	3.382.649.744	1.742.615.955	5.125.265.699	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.522.171.969	1.736.355.870	1.733.773.280	1.524.754.559
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	953.162.239	6.429.159.365	7.357.552.384	24.769.220
Các loại thuế khác	-	267.281.789	86.737.086	180.544.703
	<b>13.671.609.709</b>	<b>34.114.594.218</b>	<b>45.062.251.314</b>	<b>2.723.952.613</b>

**24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>319.025.766.498</b>	<b>353.232.180.081</b>
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	315.692.605.063	350.826.341.633
Chi phí phải trả khác	3.333.161.435	2.405.838.448
<b>b. Dài hạn</b>	<b>71.064.369.884</b>	<b>71.064.369.884</b>
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	71.064.369.884	71.064.369.884
	<b><u>390.090.136.382</u></b>	<b><u>424.296.549.965</u></b>

**25. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.491	137.942.779.491
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (ii)	127.584.862.088	114.186.733.011
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	54.038.464.510	54.098.464.510
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (iv)	5.533.782.157	5.533.782.157
Các khoản phải trả, phải nộp khác	43.540.227.184	35.249.351.968
	<b><u>368.640.115.430</u></b>	<b><u>347.011.111.137</u></b>

*Trong đó:*

**Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)** **74.971.242.707**      **74.485.794.714**

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh chưa bao gồm khoản dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn) đã được Tổng Công ty đánh giá và hoàn nhập trong năm 2016 như trình bày tại Thuyết minh số 37.
- (ii) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và chi phí lãi vay mà Tổng Công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng Công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 8) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 26. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã quá hạn.
- (iii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu bao gồm khoảng 42,2 tỷ VND là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.
- (iv) Phản ánh lãi vay dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long.

**26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số đầu năm	Phát sinh trong năm		Số cuối năm
		Tăng	Giảm	
	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>54.026.645.668</b>	<b>362.735.177.011</b>	<b>200.852.872.079</b>	<b>215.908.950.600</b>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (i)	40.700.000.000	-	-	40.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (ii)	13.326.645.668	362.735.177.011	200.852.872.079	175.208.950.600
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (iii)</b>	<b>856.913.518.409</b>	<b>-</b>	<b>92.176.015.000</b>	<b>764.737.503.409</b>
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	856.913.518.409	-	92.176.015.000	764.737.503.409
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả</b>	<b>568.796.793</b>	<b>-</b>	<b>568.796.793</b>	<b>-</b>
- Công ty cho thuê Tài chính Vietcombank	568.796.793	-	568.796.793	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>911.508.960.870</b>	<b>362.735.177.011</b>	<b>293.597.683.872</b>	<b>980.646.454.009</b>

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng số SHBTL38042011 ngày 25 tháng 4 năm 2011 giữa SHB - Chi nhánh Thăng Long với Tổng Công ty. Như trình bày tại Thuyết minh số 9, ngày 06 tháng 4 năm 2013, SHB thực hiện khấu trừ 46.233.778.156 VND từ tài khoản tiền gửi 50 tỷ VND của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tiền gửi số 28022013/HDTG/SHB-PVC ngày 28 tháng 8 năm 2012 giữa Tổng Công ty và SHB - Chi nhánh Hà Nội để thu hồi khoản nợ đã quá hạn của Tổng Công ty (trong đó dư nợ gốc là 40.700.000.000 VND, lãi quá hạn và phí phạt quá hạn là 5.533.782.157 VND). Tổng Công ty đã khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ và đã được Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đã nộp đơn kháng cáo và đang chờ Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Do đó, Tổng Công ty chưa ghi giảm số dư vay và lãi dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền hạch toán lần lượt là 40.700.000.000 VND và 5.533.782.157 VND.

(ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/2084729/HĐTĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 với hạn mức 1.200 tỷ VND và thời hạn cấp tín dụng đến ngày 28 tháng 02 năm 2020 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho Tổng Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay được giải ngân theo các kế ước nhận nợ, có thời hạn vay mỗi lần nhận nợ không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 8%/năm. Tại ngày báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang làm việc với ngân hàng để gia hạn hợp đồng.

(iii) Vay dài hạn đến hạn trả phản ánh khoản vay Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTĐ-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTĐ-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTĐ-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa OceanBank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lãi suất 1% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các giải pháp để thanh toán cho khoản gốc vay quá hạn nêu trên.

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	(Lỗ lũy kế)	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.253.409.798.185)	824.047.484.549
(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	(123.856.453.966)	(123.856.453.966)
Số dư đầu năm nay	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.377.266.252.151)	700.191.030.583
(Lỗ) trong năm	-	-	-	-	(182.636.931.334)	(182.636.931.334)
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.559.903.183.485)	517.554.099.249

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 08 tháng 8 năm 2019, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp	
			Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	%	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47	2.178.733.330.000	2.178.733.330.000
Các cổ đông khác	1.821.266.670.000	45,53	1.821.266.670.000	1.821.266.670.000
	4.000.000.000.000	100	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	1.150.022	5.132.038
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	9.716.217.233	9.716.217.233

**29. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.039.105.575.161	2.244.535.832.680
Doanh thu bán hàng	16.989.518.192	8.122.217.062
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.859.118.164	24.626.883.873
	<b>1.069.954.211.517</b>	<b>2.277.284.933.615</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 36)	880.817.325.047	1.870.953.262.185

**30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Giá vốn của hoạt động xây lắp	1.030.853.012.994	2.250.905.846.051
Giá vốn của hàng bán	15.817.151.777	7.935.197.306
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.011.462.396	21.809.279.031
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	21.478.207.023
	<b>1.059.681.627.167</b>	<b>2.302.128.529.411</b>

**31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay VND</b>	<b>Năm trước VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.300.778.416	11.859.604.499
Lãi chênh lệch tỷ giá	887.376.762	8.079.019.288
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	-	7.397.530.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	952.575.000	-
	<b>6.140.730.178</b>	<b>27.336.153.787</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lãi vay	16.163.705.037	7.743.835.444
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	109.376.981.840	48.098.564.388
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.867.875.168	7.169.768.373
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	254.000.000
Chi phí tài chính khác	7.781.398.934	9.789.166.420
	<u>137.189.960.979</u>	<u>73.055.334.625</u>

**33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí lương	36.728.023.548	49.526.110.263
Chi phí vật liệu quản lý	369.992.055	466.259.691
Chi phí đồ dùng văn phòng	359.105.872	606.665.054
Chi phí khấu hao	2.091.285.151	2.947.116.139
Thuế, phí, lệ phí	495.605.657	807.531.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.503.789.006	19.311.196.307
(Hoàn nhập)/ Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	4.094.017.586	(18.484.949.088)
Chi phí khác bằng tiền	9.908.305.090	12.570.357.336
	<u>68.550.123.965</u>	<u>67.750.287.294</u>

**34. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	116.986.423.546	306.107.953.025
Chi phí nhân công	73.324.698.174	90.969.982.968
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.983.268.532	7.938.273.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	917.760.734.171	1.443.171.511.601
Trích lập dự phòng	4.094.017.586	2.993.257.935
Chi phí khác bằng tiền	10.403.910.747	13.377.888.928
	<u>1.128.553.052.756</u>	<u>1.864.558.867.631</u>

**35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
(Lỗ) kế toán trước thuế	(183.802.384.958)	(125.021.907.590)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	952.575.000	-
Cộng:	14.117.439.159	5.885.668.119
- Thu nhập không chịu thuế năm trước chuyển sang	-	5.827.268.119
- Chi phí không được khấu trừ	14.117.439.159	58.400.000
Tổng thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu các năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (I)	<u>(1.165.453.624)</u>	<u>(1.165.453.624)</u>

- (i) Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại là phát sinh từ việc hoãn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận liên quan đến việc đánh giá lại quyền sử dụng đất tại thời điểm cổ phần hóa các công ty con trong năm 2010.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	Công ty liên kết

*Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Sản hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>880.817.325.047</b>	<b>1.870.953.262.185</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	830.986.161.413	1.837.282.368.607
Viện Dầu khí Việt Nam	38.287.490.336	24.667.461.977
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	2.461.208.637	4.823.514.129
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	2.328.120.110	269.238.965
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	2.163.216.107	558.592.046
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	1.822.590.000	1.711.756.802
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	1.181.414.753	3.948.427
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	1.018.375.000	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	547.291.060	450.618.311
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	8.827.322	85.505.146
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	12.630.309	3.791.851
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	-	712.850.933
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	265.298.865
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	-	262.153.846
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	-	(143.837.720)
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>	<b>264.615.295.620</b>	<b>360.398.081.245</b>
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	108.843.289.454	25.498.774.983
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	43.697.249.086	70.382.416.174
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	30.431.330.391	48.269.688.507
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	26.746.159.838	28.569.889.588
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	26.413.612.914	111.218.042.275
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	17.856.139.481	44.109.578.562
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	4.619.707.592	11.078.662.088
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	3.299.938.266	18.665.061.339
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	1.569.011.183	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	573.784.585	610.419.398
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	565.072.830	753.430.440
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	-	915.717.891
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	-	326.400.000
Cổ tức đã nhận trong năm	4.852.575.000	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	3.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	952.575.000	-
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>	<b>3.212.323.580</b>	<b>3.341.388.410</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>	<b>1.505.925.194.869</b>	<b>1.226.584.585.342</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	1.116.202.950.949	859.838.775.956
Viện Dầu khí Việt Nam	104.372.368.452	62.256.129.083
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.998.195.450	92.988.431.965
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	83.824.809.185	85.997.410.646
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Naphi Sơn	50.006.385.426	50.006.385.426
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí Tổng Công ty Khí Việt Nam	23.093.291.361	23.093.291.361
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	9.446.793.928	9.446.793.928
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6.097.621.800	6.097.621.800
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	5.546.942.139	5.546.942.139
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	5.221.876.372	5.221.876.372
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.593.251.379	567.202.899
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	2.000.000.002	2.000.000.002
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.927.655.895	343.474.651
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	1.572.650.505	1.168.218.659
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	1.216.866.022	933.597.135
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	284.440.484	575.047.210
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Xử lý khí Cà Mau	366.052.500	366.052.500
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	-	15.041.331.104
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	133.922.565	4.785.053.299
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	-	291.828.752
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	16.811.955	16.811.955
	2.308.500	2.308.500
<b>Phải thu khác</b>	<b>150.382.717.842</b>	<b>146.564.059.639</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	34.965.989.605	34.965.989.605
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	31.947.308.441	28.614.233.210
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	23.721.839.101	21.273.119.411
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	20.507.270.308	20.507.270.308
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	10.056.966.066	9.377.509.443
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	9.375.455.925	10.810.176.022
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.840.056.555	6.840.056.555
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	5.360.238.712
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.035.720.341	2.331.441.634
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.008.154.052	2.008.154.052
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.669.212.234	1.982.610.887
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	344.909.696	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	265.370.827	1.248.733.327
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	104.817.201	104.089.201
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	78.728.438	39.756.922
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	680.340	680.340

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>253.187.718.650</b>	<b>299.688.843.290</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	108.864.918.776
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	54.324.395.257	54.324.395.257
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	25.366.722.108	38.679.416.874
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.268.366.989	28.268.366.989
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	14.086.868.954	14.686.868.954
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.263.563.283	11.263.563.283
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	8.083.208.483	36.168.525.139
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	229.674.800	229.674.800
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	-	4.503.113.218
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>93.148.521.557</b>	<b>93.148.521.557</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trach	82.778.475.899	82.778.475.899
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	5.456.975.849	5.456.975.849
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	4.795.814.624	4.795.814.624
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Naphi Sơn	117.255.185	117.255.185
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>581.792.751.054</b>	<b>513.812.789.145</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.565.265	177.049.565.265
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	110.733.200.321	72.950.414.232
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	72.662.236.508	44.476.598.008
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	58.374.311.377	57.666.745.771
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	40.931.883.540	40.206.812.283
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	26.798.344.807	46.277.603.207
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	34.055.423.434	16.343.320.202
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Thái Bình	20.861.802.510	14.996.494.338
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	16.293.622.314	17.692.708.474
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	8.725.182.913	7.923.568.688
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	6.210.411.670	6.210.411.670
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	6.127.928.326	6.127.928.326
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	2.781.530.250	5.703.310.862
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	187.307.819	187.307.819
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>	<b>74.971.242.707</b>	<b>74.485.794.714</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	54.038.464.510	54.102.464.510
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	14.312.967.326	14.312.967.326
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	3.006.898.799	3.006.898.799
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	1.994.390.161	1.994.390.161
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	969.079.350	474.466.797
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	352.794.222	297.958.782
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	296.648.339	296.648.339
<b>Các khoản cho vay ngắn hạn</b>	<b>367.588.016.342</b>	<b>364.927.286.716</b>
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	142.303.647.827	142.303.647.827
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	22.623.638.889	22.623.638.889
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	2.660.729.626	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

**37. CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG**

**a) Bảo lãnh cho các khoản vay**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

<u>Đơn vị được bảo lãnh</u>	<u>Tổ chức nhận bảo lãnh</u>	<u>Thời hạn bảo lãnh</u>	<u>Dư nợ bảo lãnh cuối năm</u>	<u>Dư nợ vay quá hạn cuối năm</u>	<u>Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm</u>
			<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đố	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	-
<b>Tổng</b>			<b>237.855.091.994</b>	<b>237.855.091.994</b>	<b>137.942.779.491</b>

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, (i) các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, (ii) các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên. Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là khoảng 42 tỷ VND (trình bày tại Thuyết minh số 9).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

(\*) Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC-SG tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

**b) Báo lãnh thanh toán**

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL-TT-PVCTB với Công ty TNHH Du lịch Dầu khí Thái Bình (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty)) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC-Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC-Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP và PVC-Thái Bình. Thư bảo lãnh thanh toán có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC-Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC-Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

**c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ**

Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với chủ đầu tư do vi phạm Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ cũng ban hành Thông báo số 3130/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị: (i) giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng Công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối; (ii) giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng Công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính phủ nêu trên được dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng Công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra Chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng Công ty trong các Thông báo nêu trên.

**d) Công nợ tiềm tàng khác**

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

**38. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lường hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

**Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2**

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020; Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty và Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 đã đàm phán, thống nhất và ký các phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC tạm xác định là khoảng 949,6 triệu USD và 10.741 tỷ VND. Đồng thời, Tổng Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Theo Quyết định của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về việc phê duyệt Dự toán Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, giá vốn ước tính để thực hiện dự án của Tổng Công ty là khoảng 952,7 triệu USD và 11.072 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là khoảng 1,28%. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng năm 2019 và số liệu dự toán này luôn được soát xét và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực tế của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp dự kiến trên.

**Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1**

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

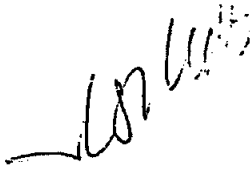
**b) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty**

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016, Quyết định số 104/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 01 năm 2018 và Nghị quyết số 3696/NQ-DKVN ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016 -2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS). Cũng theo các Nghị quyết và Quyết định trên, Tổng Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2016 - 2020. Đồng thời, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) sẽ giải thể, phá sản trong trường hợp Tổng Công ty không thể thoái vốn; và Tổng Công ty sẽ thoái vốn toàn bộ tại các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2016 - 2020. Hiện tại, Tổng Công ty đang cập nhật kế hoạch tái cơ cấu cho giai đoạn 2021 - 2025 và trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt.

11/01/2020

**39. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngày 22 tháng 01 năm 2020, Tổng Công ty đã chuyển nhượng thành công toàn bộ cổ phần do Tổng Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lập Dầu khí Việt Nam cho Công ty TNHH Đầu tư Nhan Gia theo Hợp đồng mua bán cổ phần số 01/2020/PVC ngày 15 tháng 01 năm 2020, giá chuyển nhượng là 894 VND/cổ phần và tổng giá trị hợp đồng là 17.039.640.000 VND.



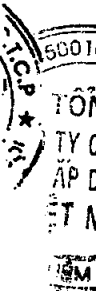
**Vũ Thị Châm**  
Người lập biểu



**Vũ Minh Công**  
Kế toán trưởng

**Lương Đình Thành**  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ  
VIỆT NAM**  
*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2019**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 53



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lập Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đình Thế	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Đạt	Ủy viên
Ông Nghiêm Quang Huy	Ủy viên
Ông Phạm Cương	Ủy viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lương Đình Thành	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2019)
Ông Nguyễn Đình Thế	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2019)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Chí Cường	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2019)
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 7 năm 2019)
Ông Trần Toàn Thắng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 09 tháng 4 năm 2019)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

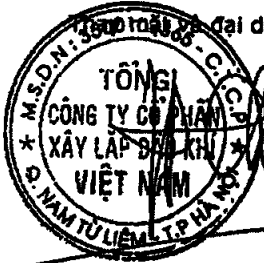
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng,  
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Trưởng ban đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lương Đình Thành**  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

Số: *ND31* /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2020, từ trang 6 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

### *Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến*

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.898,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 3.686,4 tỷ VND), nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 563 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 248,4 tỷ VND). Tổng Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu bao gồm số dư gốc vay khoảng 1.011,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 1.163,4 tỷ VND). Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các kế hoạch hoạt động này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập với giá định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được kiểm toán của công ty con Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land) được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty với tổng tài sản là 1.124.011.968.992 VND, nợ phải trả là 1.110.098.906.405 VND, lỗ sau thuế là 6.902.751.484 VND. Bên cạnh đó, ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã ngoại trừ vấn đề trên báo cáo tài chính đã kiểm toán của PVC-Land cho năm tài chính kết thúc cùng ngày về việc vốn hóa chi phí lãi vay trong các giai đoạn Dự án cao ốc căn hộ thương mại dịch vụ PetroVietnam Landmark tạm dừng thi công trong các năm trước. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu báo cáo tài chính của PVC-Land cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như ảnh hưởng của các vấn đề ngoại trừ năm trước lên báo cáo tài chính hợp nhất năm nay của Tổng Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu có liên quan hay không.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

3. Như trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được kiểm toán của công ty con Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland) được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty với tổng tài sản là 1.206.488.083.558 VND, nợ phải trả là 403.422.989.682 VND, lợi nhuận sau thuế là 704.871.326 VND. Bên cạnh đó, ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã ngoại trừ vấn đề trên báo cáo tài chính đã kiểm toán của Petroland cho năm tài chính kết thúc cùng ngày về việc không phân bổ giá trị tăng hầm để xe Chung cư cao tầng Mỹ Phú vào giá vốn của hàng hóa bất động sản đã bán trong các năm trước. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu báo cáo tài chính của Petroland cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như ảnh hưởng của các vấn đề ngoại trừ năm trước lên báo cáo tài chính hợp nhất năm nay của Tổng Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu có liên quan hay không.
4. Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có số dư khoản cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là khoảng 124,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 124,4 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu về cho vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Như trình bày tại Thuyết minh số 10 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm 2019, Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS - Công ty con của Tổng Công ty) trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đối với khoản phải thu từ Ban Quản lý dự án công trình DK I với số tiền là 104.867.326.000 VND, là chưa phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Nếu hạch toán theo đúng các quy định hiện hành, khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2019 và khoản mục "Lỗ lũy kế đến cuối năm trước" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 sẽ giảm và tăng tương ứng với cùng số tiền là 104.867.326.000 VND.
6. Như trình bày tại Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư hàng hóa bất động sản của Tổng Công ty bao gồm công trình Chung cư thuộc Dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình với giá trị ghi sổ khoảng 38,2 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 38,2 tỷ VND). Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho này. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nêu trên, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
7. Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 có giá gốc lần lượt là khoảng 240,5 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 249,7 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và để nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
8. Như trình bày tại Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm các dự án đã tạm dừng thi công từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền 5.719.085.908 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 5.719.085.908 VND). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

9. Như trình bày tại Thuyết minh số 20 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có một số khoản góp vốn vào đơn vị khác đang được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là 49,7 tỷ VND và 18,2 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 49,7 tỷ VND và 18,2 tỷ VND). Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư nêu trên. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
10. Như trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư khoản đầu tư góp vốn của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (Công ty con của Tổng Công ty) vào dự án "Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28, đường Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội" (Dự án Dolphin Plaza) là khoảng 37,1 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 37,1 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư này hay không do Dự án Dolphin Plaza chưa bán được hết các căn hộ và chưa được quyết toán để phân chia kết quả đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
11. Như trình bày tại Thuyết minh số 27 và Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư báo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại 01 tổ chức tín dụng với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND trong năm 2016. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty vẫn đang làm việc với PVC-SG và tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ báo lãnh. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá cơ sở cho việc hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư báo lãnh của Tổng Công ty cho PVC-SG nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục "Phải trả ngắn hạn khác", "(Lỗ) lũy kế" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2018 hay không.

### Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Đức Nguyễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0764-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 3 năm 2020  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0910-2018-001-1

CHỖ  
KÝ  
VÀ  
CHỮ  
KÝ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>7.342.054.746.986</b>	<b>8.204.356.553.852</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>365.817.781.048</b>	<b>862.899.290.144</b>
1. Tiền	111		215.492.351.839	442.558.911.807
2. Các khoản tương đương tiền	112		150.325.429.209	420.340.378.337
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>301.149.085.538</b>	<b>132.465.932.260</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		151.139.065.000	157.948.845.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(45.785.705.650)	(109.053.809.550)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		195.795.726.188	83.570.896.810
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.138.861.952.188</b>	<b>3.094.234.814.641</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.413.699.749.915	2.230.128.242.401
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	826.778.501.947	756.165.572.059
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	447.317.706.451	477.544.956.451
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	790.829.336.475	837.057.616.618
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.340.497.038.781)	(1.207.482.348.638)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		733.696.181	820.775.750
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>3.368.312.405.091</b>	<b>3.948.687.706.606</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.553.985.123.703	4.175.256.362.411
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(185.672.718.612)	(226.568.655.805)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>167.913.523.121</b>	<b>166.068.810.201</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	2.200.959.670	3.882.165.765
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		95.382.700.294	88.668.190.864
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	25	44.076.467.657	47.265.058.072
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		26.253.395.500	26.253.395.500

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.326.725.794.987</b>	<b>2.464.082.877.635</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>117.562.125.522</b>	<b>119.631.015.056</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	84.555.951.222	95.044.011.734
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	20.187.475.532	15.230.499.683
3. Phải thu dài hạn khác	216	9	43.718.928.551	43.156.733.422
4. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(30.900.229.783)	(33.800.229.783)
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.339.949.041.725</b>	<b>1.441.872.449.720</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.008.018.974.677	1.085.832.378.433
- Nguyên giá	222		1.719.574.588.592	1.764.085.039.566
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(711.555.613.915)	(678.252.661.133)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	53.065.794.428	74.941.271.187
- Nguyên giá	225		97.889.567.794	117.868.012.106
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(44.823.773.366)	(42.926.740.919)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	278.864.272.620	281.098.800.100
- Nguyên giá	228		306.124.392.596	305.505.522.140
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.260.119.976)	(24.406.722.040)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>16</b>	<b>143.124.276.954</b>	<b>134.807.738.639</b>
- Nguyên giá	231		166.075.553.782	154.041.170.122
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(22.951.276.828)	(19.233.431.483)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>17</b>	<b>320.974.382.324</b>	<b>321.034.382.324</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		25.064.213.539	25.064.213.539
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		295.910.168.785	295.970.168.785
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>102.495.395.106</b>	<b>114.517.314.674</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	19	54.160.963.332	60.939.605.659
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	20	220.077.968.199	220.077.968.199
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	20	(171.743.536.425)	(166.500.259.184)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>302.620.573.356</b>	<b>332.219.977.222</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	143.588.283.316	165.972.965.971
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		18.926.373.645	21.441.370.807
3. Tài sản dài hạn khác	268	21	136.950.943.385	136.950.943.385
4. Lợi thế thương mại	269	22	3.154.973.010	7.854.697.059
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270=100+200)	<b>270</b>		<b>9.668.780.541.973</b>	<b>10.668.439.431.487</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.186.838.075.985</b>	<b>8.765.583.031.678</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.905.062.855.549</b>	<b>8.452.763.787.639</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	23	3.389.061.200.857	3.457.213.187.276
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	24	1.297.042.854.586	1.602.005.019.205
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	25	133.519.783.227	112.903.829.214
4. Phải trả người lao động	314		61.086.288.497	67.032.788.850
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	26	789.852.887.888	753.491.066.573
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.679.940.290	14.954.518.567
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	27	812.320.217.306	758.456.846.608
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	28	1.413.216.393.161	1.656.330.868.932
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		4.770.710.545	26.849.229.222
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		512.579.192	3.526.433.192
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>281.775.220.436</b>	<b>312.819.244.039</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	26	75.676.542.948	75.676.542.948
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		77.089.183.750	79.674.958.269
3. Phải trả dài hạn khác	337	27	24.480.680.638	23.830.016.069
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	29	87.449.936.014	130.149.910.351
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2.015.851.650	3.181.305.274
6. Dự phòng phải trả dài hạn	342		15.063.025.436	306.511.128
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.481.942.465.988</b>	<b>1.902.856.399.809</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>30</b>	<b>1.481.942.465.988</b>	<b>1.902.856.399.809</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.831.719.482	6.831.719.482
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.063.276.244	3.063.276.244
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.862.805.993)	(2.862.805.993)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		157.678.294.436	157.678.294.436
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.162.412.232	2.162.412.232
7. (Lỗ) lũy kế	421		(3.898.550.738.597)	(3.686.414.158.976)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.684.979.848.502)	(3.425.655.323.445)
- (Lỗ) năm nay	421b		(213.570.890.095)	(260.758.835.531)
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.213.620.308.184	1.422.397.662.384
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440=300+400)	<b>440</b>		<b>9.668.780.500.000</b>	<b>10.668.439.431.487</b>



Nguyễn Thị Thu Anh  
Người lập biểu



Vũ Minh Công  
Kế toán trưởng



Lương Đình Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33	1.997.653.161.780	3.345.660.315.979
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	33	61.428.818	545.797.977
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.997.591.732.962	3.345.114.518.002
4. Giá vốn hàng bán	11	34	2.077.605.202.200	3.501.927.999.298
5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(80.013.469.238)	(156.813.481.296)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	31.797.204.169	79.017.790.974
7. Chi phí tài chính	22	36	44.729.646.480	111.898.745.446
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		91.014.312.562	106.779.203.847
8. Phần (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		(6.778.642.327)	(2.608.790.749)
9. Chi phí bán hàng	25		272.185.000	14.173.252.452
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	37	333.326.214.663	224.545.864.929
11. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		(433.322.953.539)	(431.022.343.898)
12. Thu nhập khác	31		71.865.795.050	52.559.904.053
13. Chi phí khác	32		26.163.651.963	9.774.488.542
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		45.702.143.087	42.785.415.511
15. Tổng lỗ kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(387.620.810.452)	(388.236.928.387)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	39	5.545.369.953	3.067.409.717
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	39	(473.057.993)	22.886.859.936
18. Lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(392.693.122.412)	(414.191.198.040)
18.1 (Lỗ) sau thuế của Công ty mẹ	61		(213.570.890.095)	(260.758.835.531)
18.2 (Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(179.122.232.317)	(153.432.362.509)
19. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	40	(534)	(652)

*(Signature)*

*(Signature)*



**Nguyễn Thị Thu Anh**  
 Người lập biểu

**Vũ Minh Công**  
 Kế toán trưởng

**Lương Đình Thành**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. <i>Lỗ trước thuế</i>	01	(387.620.810.452)	(388.236.928.387)
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	93.767.690.064	107.702.456.178
Các khoản dự phòng	03	107.125.137.522	145.410.434.077
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.097.967.984	1.097.967.984
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(42.952.681.220)	(61.526.886.910)
Chi phí lãi vay	06	91.014.312.562	106.779.203.847
3. <i>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	(137.568.383.540)	(88.773.753.211)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(172.672.938.156)	615.181.389.842
Giảm hàng tồn kho	10	580.375.301.515	944.057.519.779
Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(522.771.594.014)	(1.070.568.033.756)
Giảm chi phí trả trước	12	24.065.888.750	26.887.666.139
Tiền lãi vay đã trả	14	(37.183.958.581)	(166.273.468.143)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(819.895.829)	(1.371.596.436)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.222.674.708	42.292.551.325
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.979.209.819)	(34.015.856.841)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(269.332.114.966)	267.416.418.698
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(10.931.518.838)	(568.081.818)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	15.266.113.354	8.802.150.272
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(232.024.887.479)	(80.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	180.660.201.046	49.339.141.302
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	5.930.415.000	249.689.520.173
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.876.337.691	24.128.249.007
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(18.223.339.226)	251.390.978.936

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu	32	(30.478.278.000)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	573.865.266.575	743.669.779.414
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(724.026.341.565)	(1.261.742.498.826)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(28.783.235.118)	(36.881.750.356)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.650.000)	(6.650.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(209.429.238.108)</i>	<i>(554.961.119.768)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(496.984.692.300)	(36.153.722.134)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	862.899.290.144	901.207.316.357
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(96.816.796)	(2.154.304.079)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	365.817.781.048	862.899.290.144

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*  


Nguyễn Thị Thu Anh  
 Người lập biểu

Vũ Minh Công  
 Kế toán trưởng

Lương Đình Thành  
 Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 08 tháng 8 năm 2019, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.

- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hòa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm Văn phòng Tổng Công ty và 06 đơn vị phụ thuộc sau:

- Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2,
- Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch,
- Ban điều hành các dự án PVC phía Nam,
- Ban điều hành dự án nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyester,
- Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ, và
- Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có 09 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 18 và 11 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 19.

#### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát (công ty con) đến ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.898,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 3.686,4 tỷ VND), nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 563 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 248,4 tỷ VND). Tổng Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chủ yếu bao gồm số dư gốc vay khoảng 1.011,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 1.163,4 tỷ VND). Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện các kế hoạch để đảm bảo khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện trên.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lập Đầu khí Việt Nam (PVC-Land) và Công ty Cổ phần Dầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland) - Công ty con của Tổng Công ty**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định hợp nhất báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được kiểm toán của PVC Land với tổng tài sản là 1.124.011.968.992 VND, nợ phải trả là 1.110.098.906.405 VND, lỗ sau thuế là 6.902.751.484 VND và tin tưởng rằng các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến số liệu báo cáo tài chính của PVC-Land sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng quyết định hợp nhất báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được kiểm toán của Petroland với tổng tài sản là 1.206.488.083.558 VND, nợ phải trả là 403.422.989.682 VND, lợi nhuận sau thuế là 704.871.326 VND và tin tưởng rằng các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến số liệu báo cáo tài chính của Petroland sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

#### **Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

#### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

112:  
ÔNG  
TINH  
LO:  
ỆT:  
ĐA

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày hợp nhất như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau khi mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

1001 1-11 A 1311



**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Tổng Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 48
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	4 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt

động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<b>Số năm</b>
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	5 - 10

#### **Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm đến 5 năm.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật liệu trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 25 năm đến 38 năm. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

#### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê hạ tầng và văn phòng, chi phí trả trước về chi phí bán căn hộ của sản phẩm giao dịch bất động sản và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010.

Chi phí dịch vụ bán căn hộ (dự án Petrovietnam Landmark tại Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh) qua sàn giao dịch bất động sản được phân bổ vào chi phí bán hàng tương ứng theo tỷ lệ doanh thu đã ghi nhận.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngược lại không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm 2019 VND	Số đầu năm 2018 VND
Tiền mặt	5.894.932.003	6.155.918.638
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	209.597.422.096	436.402.993.169
Các khoản tương đương tiền (ii)	150.325.422.009	420.340.378.337
	<b>365.817.776.108</b>	<b>862.899.290.144</b>

(i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 bao gồm số tiền khoảng 25,1 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 63,6 tỷ VND) gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương - "OceanBank") đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, bao gồm số tiền khoảng 99,9 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 98,9 tỷ VND) gửi tại OceanBank đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản và chuyển đổi mô hình hoạt động của OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải lập dự phòng tổn thất tài sản.

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm 2019 VND		Số đầu năm 2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>151.139.065.000</b>	<b>45.785.705.650</b>	<b>157.942.045.000</b>	<b>109.053.809.550</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico	136.068.065.000	31.900.705.650	136.068.065.000	95.168.809.550
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.600.000.000	13.885.000.000	14.600.000.000	13.885.000.000
Khác	471.000.000	-	723.980.000	-
<b>b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>195.795.726.188</b>	<b>-</b>	<b>83.521.896.810</b>	<b>-</b>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	195.795.726.188	-	83.521.896.810	-

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc lớn hơn 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>2.413.699.749.205</b>	<b>2.230.128.242.401</b>
Phải thu các bên liên quan (trình bày tại Thuyết minh số 41)	1.651.172.071.009	1.295.139.029.511
Ban quản lý dự án công trình DK I	116.734.967.009	144.123.134.999
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	125.005.121.005	105.347.622.407
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	520.787.588.002	685.518.455.484
<b>b. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	<b>84.555.951.002</b>	<b>95.044.011.734</b>
Phải thu các khách hàng mua dự án Trung tâm Thương mại Tài chính Dầu khí Phú Mỹ Hưng	54.082.467.000	63.228.132.160
Phải thu khách hàng dài hạn khác	30.473.483.002	31.815.879.574
	<b>2.498.255.701.007</b>	<b>2.325.172.254.135</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>826.778.501.047</b>	<b>756.165.572.059</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	113.386.870.041	113.386.879.741
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.910.076	108.864.918.776
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	54.324.390.057	54.324.395.257
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vinaconex - PVC	57.932.220.054	58.788.765.014
Các khoản khác	492.270.050.019	420.800.613.271
<b>b) Dài hạn</b>	<b>20.187.470.032</b>	<b>15.230.499.683</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Mê Kông	7.545.300.057	8.045.337.557
Các nhà cung cấp khác	12.642.169.975	7.185.162.126
	<b>846.965.971.079</b>	<b>771.396.071.742</b>

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng VND	Giá gốc	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (I)	200.000.000.000	124.356.150.003	200.000.000.000	124.356.150.003
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (I)	142.303.647.827	142.303.647.827	142.303.647.827	142.303.647.827
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO (I)	71.392.750.000	-	101.620.000.000	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (I)	22.623.638.889	11.162.506.280	22.623.638.889	12.509.813.846
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735
<b>Tổng cộng</b>	<b>447.317.706.451</b>	<b>288.819.973.845</b>	<b>477.544.956.451</b>	<b>290.167.281.411</b>

- (I) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư phải thu, với tổng số tiền khoảng 436,3 tỷ VND, về cho vay các công ty này thể hiện a) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần; và b) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với Oceanbank để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

Theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên sau khi được gia hạn là ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay OceanBank. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay OceanBank nêu trên, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**9. PHẢI THU KHÁC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>790.829.314.975</b>	<b>837.057.616.618</b>
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	167.087.725.070	158.813.595.215
- Ký cược, ký quỹ	14.705.211.047	75.171.194.420
- Phải thu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (i)	46.233.778.156	46.233.778.156
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (ii)	42.543.702.020	42.328.848.975
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Thăng Long	147.494.400.000	147.494.400.000
- Phải thu ngắn hạn khác	372.764.417.882	367.015.799.852
<b>b. Dài hạn</b>	<b>43.718.921.051</b>	<b>43.156.733.422</b>
- Ký cược, ký quỹ	25.930.919.026	18.312.821.254
- Hợp đồng Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	-	4.000.000.000
- Phải thu dài hạn khác	17.787.991.025	20.843.912.168
	<b>834.548.261.026</b>	<b>880.214.350.040</b>

- (i) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Hà Nội thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thu hồi nợ quá hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long. Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ và đã được Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xét xử sơ thẩm. Đến ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đã nộp đơn kháng cáo và đang chờ Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý.
- (ii) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 42).



**10. NỢ XẤU**

Thông tin về các khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	208.969.964.705	-	209.960.201.220	-
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	206.138.310.290	75.643.849.997
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	190.906.783.621	8.949.755.062	194.575.809.827	8.949.755.062
Ban quản lý dự án công trình DK I (I)	116.734.967.999	11.867.326.001	144.123.134.999	144.123.134.999
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	75.939.674.972	69.184.615	75.939.674.972	138.369.230
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	72.796.793.255	23.141.183.865	74.320.073.627	23.141.183.865
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	61.710.508.005	-	61.710.508.005	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	61.583.817.262	-	63.727.447.475	4.545.924.790
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	54.008.596.946	6.714.619.313	54.008.596.946	6.714.619.313
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	35.175.787.176	22.500.000	30.394.484.099	327.504.229
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	30.495.449.099	100.965.000	30.495.449.099	100.965.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
Công ty Cổ phần Hasky	25.500.000.000	18.250.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.575.990.000	-	23.575.990.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Thái sơn	21.759.494.013	15.291.645.809	21.759.494.013	21.759.494.013
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	16.413.461.725	-	16.813.461.725	-
Tổng Công ty khí Việt Nam	9.446.793.928	-	9.446.793.928	-
Công ty Cổ phần Đường Du lịch Vũng Tàu	6.727.169.436	-	6.727.169.436	-
Công ty Cổ phần Thiên Phúc Gia	5.000.000.000	-	5.050.000.000	-

(i) Tại ngày 05 tháng 12 năm 2018, Ban Quản lý dự án công trình DK I đã ban hành văn bản số 252/BC-DK về việc xác định giá trị quyết toán một số hạng mục thuộc dự án DK I. Theo đó, giá trị quyết toán của các hạng mục trên được điều chỉnh giảm từ 779.472.856.000 VND xuống còn 674.605.030.000 VND (đã bao gồm thuế GTGT). Trong năm 2019, căn cứ trên các kết quả làm việc với Ban Quản lý dự án công trình DK I, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí (PVC-MS - Công ty con của Tổng Công ty) đã thận trọng đánh giá và xác định rằng PVC-MS không có khả năng thu hồi công nợ phải thu tương ứng với việc điều chỉnh giảm quyết toán trên và đã thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi tương ứng với phần công nợ điều chỉnh giảm trên và tài chính năm 2019 với số tiền là 104.867.326.000 VND. Phần công nợ còn lại với số tiền là 11.867.326.001 VND là khoản công nợ giữ lại chưa thanh toán của các hạng mục khác đã có sự đồng ý của hai bên, Ban Quản lý dự án công trình DK I sẽ thanh toán khi PVC-MS chấp nhận phương án điều chỉnh của các hạng mục nêu trên. Ban Giám đốc PVC-MS đã thận trọng đánh giá và tin tưởng rằng PVC-MS có khả năng thu hồi đầy đủ các khoản công nợ phải thu còn lại này và không cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu này.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định giá trị có thể thu hồi được bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị đã dự phòng của các khoản phải thu này.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MÃ SỐ B 09-DN/HN

**11. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	26.966.977.667	1.596.304.375	39.920.434.606	1.549.336.870
Công cụ, dụng cụ	5.690.858.640	126.922.432	6.108.395.535	126.922.432
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (I)	3.384.172.156.675	162.045.055.077	3.770.736.633.344	107.239.344.353
Thành phẩm	-	-	7.961.519.443	-
Hàng hoá	34.300.986.728	21.904.436.728	33.212.220.068	21.904.436.728
Hàng hoá bất động sản	102.854.143.993	-	317.317.159.415	95.748.615.422
Trong đó:				
- Chung cư thuộc Dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình (II)	38.178.820.960	-	38.178.820.960	-
- Khu phức hợp thương mại, khách sạn, văn phòng cho thuê Bạc Liêu	-	-	217.748.615.422	95.748.615.422
- Khác	-	-	-	-
	<u>64.675.323.033</u>	<u>-</u>	<u>61.389.723.033</u>	<u>-</u>
	<u>3.553.985.123.703</u>	<u>185.672.718.612</u>	<u>4.175.256.362.411</u>	<u>226.568.655.805</u>

(I) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng, chi tiết theo công trình như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.591.410.187.697	108.022.623.948	1.606.286.291.071	45.605.934.680
Dự án cao ốc căn hộ thương mại dịch vụ PetroVietnam Landmark	1.013.641.863.700	35.965.852.548	1.010.528.017.791	35.965.852.548
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	240.479.467.868	-	240.672.379.595	-
Chung cư cao tầng Mỹ Phố	449.449.041.819	-	151.641.820.254	-
Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	62.753.184.872	-	338.387.976.952	-
Các công trình khác	327.268.837.728	18.056.578.581	414.220.147.681	25.667.557.125
	<u>3.384.172.156.675</u>	<u>162.045.055.077</u>	<u>3.770.736.633.344</u>	<u>107.239.344.353</u>

Do những hạn chế của pháp luật hiện hành về chi phí đầu tư về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1.

(II) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là hàng hóa bất động sản công trình Chung cư thuộc Dự án Khách sạn Dầu khí Thái Bình và quyết định không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	729.384.885	2.265.682.655
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.471.532.885	1.616.483.110
	<b>2.200.917.770</b>	<b>3.882.165.765</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình (i)	88.406.111.888	90.498.564.336
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	13.861.325.990	27.063.028.342
Giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng	427.625.26	8.979.523.428
Chi phí dịch vụ bán căn hộ qua sàn giao dịch bất động sản (ii)	37.516.800.14	37.682.761.740
Lợi thế kinh doanh	-	561.899.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.376.334.98	1.187.189.125
	<b>13.588.258.166</b>	<b>165.972.965.971</b>

- (i) Phản ánh chi phí trả trước về thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (09 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010.
- (ii) Phản ánh chi phí dịch vụ bán căn hộ thuộc dự án Petrovietnam Landmark 2 tại Phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh qua sàn giao dịch theo hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Tổng Công ty và Sàn giao dịch Bất động sản. Khoản chi phí trả trước này sẽ được phân bổ dần vào chi phí bán hàng theo tỷ lệ doanh thu bán căn hộ đã ghi nhận.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu năm	1.304.067.202.986	283.914.272.994	141.752.200.741	34.351.362.845	1.764.085.039.566
Mua sắm mới	-	109.272.000	-	61.250.000	170.522.000
Tăng do mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	10.628.670.798	9.349.773.514	-	19.978.444.312
Thanh lý, nhượng bán	(20.688.177.750)	(29.764.209.112)	(13.201.061.297)	(1.043.174.570)	(64.696.622.729)
Tăng/(Giảm) khác	723.647.724	18.057.517	(596.883.644)	(107.616.154)	37.205.443
Số cuối năm	<u>1.284.102.672.960</u>	<u>264.906.064.197</u>	<u>137.304.029.314</u>	<u>33.261.822.121</u>	<u>1.719.574.588.592</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số đầu năm	298.121.798.713	221.608.124.655	125.465.411.316	33.057.326.449	678.252.661.133
Trích khấu hao trong năm	46.226.726.674	20.117.019.190	5.614.591.557	519.205.824	72.477.543.245
Tăng do mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	8.264.351.376	4.833.709.666	-	13.098.061.042
Thanh lý, nhượng bán	(9.165.822.606)	(27.613.493.071)	(12.264.363.738)	(1.043.174.570)	(50.086.853.985)
Giảm khác	(1.447.165.722)	-	(631.015.644)	(107.616.154)	(2.185.797.520)
Số cuối năm	<u>333.735.537.059</u>	<u>222.376.002.150</u>	<u>123.018.333.157</u>	<u>32.425.741.549</u>	<u>711.555.613.915</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm	<u>1.005.945.404.273</u>	<u>62.306.148.339</u>	<u>16.286.789.425</u>	<u>1.294.036.396</u>	<u>1.085.832.378.433</u>
Tại ngày cuối năm	<u>1.005.945.404.273</u>	<u>62.306.148.339</u>	<u>16.286.789.425</u>	<u>1.294.036.396</u>	<u>1.085.832.378.433</u>

Tổng Công ty đã thế chấp một số máy móc, thiết bị có tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là khoảng 359,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 405,2 tỷ VND) để thế chấp vay vốn ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là khoảng 274,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 263,9 tỷ VND).

**14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện đi lại	Cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	93.392.152.843	24.475.899.263	117.868.012.106
Giảm do mua lại TSCĐ thuê tài chính	(10.628.670.798)	(9.349.721.114)	(19.978.444.312)
<b>Số cuối năm</b>	<b>82.763.482.045</b>	<b>15.126.078.149</b>	<b>97.889.567.794</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu năm	29.203.028.415	13.723.721.204	42.926.740.919
Khấu hao trong năm	11.646.225.526	3.348.877.963	14.995.093.489
Giảm do mua lại TSCĐ thuê tài chính	(8.264.351.376)	(4.833.720.666)	(13.098.061.042)
<b>Số cuối năm</b>	<b>32.584.902.565</b>	<b>12.238.878.501</b>	<b>44.823.773.366</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	64.189.124.428	10.752.170.759	74.941.271.187
Tại ngày cuối năm	50.178.579.480	2.887.200.648	53.065.794.428

**15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu năm	285.114.889.758	20.360.632.322	20.000.000	305.505.522.140
Mua sắm mới	-	120.000.000	-	120.000.000
Tăng khác	498.870.456	-	-	498.870.456
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>285.613.760.214</b>	<b>20.480.632.322</b>	<b>20.000.000</b>	<b>306.124.392.596</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư đầu năm	6.371.326.602	18.005.395.478	20.000.000	24.406.722.040
Khấu hao trong năm	1.727.966.812	844.224.879	-	2.572.191.621
Tăng khác	281.206.315	-	-	281.206.315
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.380.499.729</b>	<b>18.849.620.277</b>	<b>20.000.000</b>	<b>27.260.119.976</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày đầu năm	278.743.563.156	2.355.236.944	-	281.098.800.100
Tại ngày cuối năm	277.233.260.485	1.631.012.145	-	278.864.272.620

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là khoảng 17,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 16,5 tỷ VND).

16. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Quản lý đất đai	Cộng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số đầu năm	140.338.029.845	13.703.200.277	154.041.170.122
Tăng trong năm	18.131.883.660	-	18.131.883.660
Chuyển sang hàng hóa bất động sản	(6.097.500.000)	-	(6.097.500.000)
Số cuối năm	<u>152.372.413.505</u>	<u>13.703.200.277</u>	<u>166.075.553.782</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số đầu năm	18.606.206.716	627.200.767	19.233.431.483
Khấu hao trong năm	4.581.648.665	188.000.680	4.770.245.345
Chuyển sang hàng hóa bất động sản	(1.052.400.000)	-	(1.052.400.000)
Số cuối năm	<u>22.135.455.381</u>	<u>815.201.447</u>	<u>22.951.276.828</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	<u>121.731.823.129</u>	<u>13.075.999.510</u>	<u>134.807.738.639</u>
Tại ngày cuối năm	<u>130.236.958.124</u>	<u>12.887.998.830</u>	<u>143.124.276.954</u>

Tổng Công ty đã thế chấp một số bất động sản đầu tư với tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là khoảng 50,3 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là khoảng 60,1 tỷ VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cần được trình bày đầy đủ, chính xác. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập để đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

17. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị thuần có thể thực hiện	Giá gốc	Giá trị thuần có thể thực hiện
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	800.000.000	12.180.083.636	800.000.000
Các công trình, dự án khác	7.922.605.745	2.210.996.386	12.029.504.657	2.210.996.386
	<u>71.643.835.139</u>	<u>25.064.213.539</u>	<u>71.643.835.139</u>	<u>25.064.213.539</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

- (i) Theo Công văn số 1828/TTg-KTN ngày 15 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện thuộc các trung tâm điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty tại dự án này.

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
<b>b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
- Mua sắm	11.433.062.209	11.785.106.209
- Xây dựng cơ bản	284.477.452.576	284.185.062.576
Trong đó:		
<i>Dự án Xuân Phương (ii)</i>	171.586.901.684	171.586.901.684
<i>Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (iii)</i>	103.182.554.261	102.890.526.261
<i>Các công trình, dự án khác (iv)</i>	9.707.634.631	9.707.634.631
	<b>295.910.154.785</b>	<b>295.970.168.785</b>

- (ii) Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (Công ty con của Tổng Công ty) đã thế chấp quyền sử dụng đất lô CTSE tại Khu đô thị mới Xuân Phương để đảm bảo cho khoản tiền vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hoàn Kiếm.

- (iii) Thể hiện chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang ("Dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN. Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Bộ Tài chính có Văn bản số 1170/TC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao Dự án trên. Theo Biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31 tháng 7 năm 2017 của tổ tiếp nhận dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, PVN và Tổng Công ty, các bên thống nhất giá trị Dự án trong giai đoạn bị Tổng Công ty thực hiện là khoảng 143 tỷ VND. Ngày 01 tháng 10 năm 2019, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cũng như bàn giao toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất trên lô đất của Dự án cho cơ quan này. Ngày 28 tháng 02 năm 2019, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương và Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định pháp luật, không để thất thoát tài sản Nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư. Ngày 17 tháng 10 năm 2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 7643/BKH&ĐT-QLKN báo cáo Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung liên quan đến dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ sớm hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án.

- (iv) Công trình, dự án khác bao gồm (1) Dự án Khu đô thị tại học Đường Lái và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền 5.719.085.908 VND (tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018: 5.719.085.908 VND) đã tạm dừng thi công từ nhiều năm trước. Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này.

**18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính	Tình hình hoạt động	
						Năm nay	Năm trước
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh có lãi
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh có lãi
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
4	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
5	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
7	Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô (I)	Hà Nội	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (I)	Thành phố Hồ Chí Minh	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ
9	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	47%	47%	Kinh doanh bất động sản, và xây dựng	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ

- (i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí và Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chỉ phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, cung cấp hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, các công ty nói trên được xác định là công ty con của Tổng công ty và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**19. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp cuối năm VND	Giá trị vốn góp đầu năm VND	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính	Tình hình hoạt động	
								Năm nay	Năm trước
1	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
2	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	19.993.000.000	19.993.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
3	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Nghệ An	54.395.000.000	54.395.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	83.271.467.055	83.271.467.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Hải Phòng	77.400.000.000	77.400.000.000	42%	42%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
6	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (L)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
7	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp cuối năm VND	Giá trị vốn góp đầu năm VND	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính	Tình hình hoạt động	
								Năm nay	Năm trước
8	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Hà Nội	200.000.000.000	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
10	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	82.000.000.000	82.000.000.000	35%	43%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
11	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Đà Nẵng	72.400.000.000	72.400.000.000	48%	48%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
			<b>779.799.467.055</b>	<b>779.799.467.055</b>					

- (I) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp là 35%, đồng thời, Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 41.

Thông tin về khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
729.038.903.725	718.859.061.396
<b>54.160.963.332</b>	<b>60.939.605.659</b>

20. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

STT	Đầu tư dài hạn khác	Số cuối năm			Số đầu năm		
		Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ phần sở hữu
		VND	VND	%	VND	VND	%
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	147.300.000.000	7,58%	147.300.000.000	147.300.000.000	7,58%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (I)	23.500.000.000	11.288.806.120	16%	23.500.000.000	11.288.806.120	16%
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	16.764.968.199	-	15%	16.764.968.199	-	15%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO (I)	12.500.000.000	1.488.246.800	2,5%	12.500.000.000	1.488.246.800	2,5%
5	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC-Trường Sơn (I)	3.000.000.000	-	4%	3.000.000.000	-	4%
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (I)	2.795.000.000	-	5%	2.795.000.000	-	5%
7	Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (I)	2.500.000.000	-	10%	2.500.000.000	-	10%
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C (I)	5.400.000.000	5.400.000.000	7%	5.400.000.000	5.400.000.000	7%
9	Các khoản đầu tư dài hạn khác	6.318.000.000	6.266.483.505		6.318.000.000	1.023.206.264	
		<b>220.077.968.199</b>	<b>171.743.536.425</b>		<b>220.077.968.199</b>	<b>166.586.259.184</b>	

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có các khoản đầu tư vào các công ty với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư lần lượt là khoảng 49,7 tỷ VND và khoảng 18,2 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: khoảng 49,7 tỷ VND và khoảng 18,2 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa đánh giá lại giá trị của các khoản đầu tư tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**21. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án chung cư cao cấp dịch vụ hỗn hợp - khu đô thị Nam An Khánh - Hà Nội	50.953.203.651	50.953.203.651
Dự án Dolphin Plaza (I)	37.100.539.734	37.100.539.734
Dự án nhà ở Thương mại Tương Bình Hiệp	36.000.000.000	36.000.000.000
Dự án chung cư Long Sơn Riverside	12.897.200.000	12.897.200.000
	<b>136.950.943.385</b>	<b>136.950.943.385</b>

(i) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010 ký giữa Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô - Công ty con của Tổng Công ty), Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần TID với tổng giá trị vốn góp khoảng 51,1 tỷ VND. Theo nội dung Hợp đồng, ba bên thỏa thuận cùng đầu tư vốn để thực hiện Dự án "Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28 đường Trần Bình, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội". Tại ngày 18 tháng 01 năm 2015, PVC-Đông Đô đã ký kết Phụ lục số 03 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010 với Công ty Cổ phần TID để rút một phần vốn góp với giá trị khoảng 14 tỷ VND khỏi dự án. Tỷ lệ tham gia góp vốn của PVC-Đông Đô vào dự án này sau đó rút một phần vốn giảm từ 19% xuống còn 1,6%. Theo Phụ lục số 04 của Hợp đồng chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại số DP308/HĐ/TID-PVFLAND ký ngày 18 tháng 01 năm 2017, PVC-Đông Đô đã nhận chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại có diện tích 154 m<sup>2</sup> với giá trị khoảng 3,5 tỷ VND từ Công ty Cổ phần TID và được quyền thanh toán số tiền này bằng việc bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Dự án Dolphin Plaza chưa được hoàn tất các căn hộ và quyết toán để phân chia kết quả đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến việc này.

**22. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI**

**NGUYÊN GIÁ**

Số đầu năm

Số cuối năm

**GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ**

Số đầu năm

Phân bổ trong năm

Số cuối năm

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Số đầu năm

Số cuối năm

**Lợi thể thương mại**  
**VND**

**64.493.904.711**

**64.493.904.711**

**56.639.207.652**

**4.699.724.050**

**61.338.931.702**

**7.854.697.059**

**3.154.973.009**

**23. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Công nghiệp Daelim	1.174.990.478.816	1.174.990.478.816
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.565.265	177.049.565.265
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	398.785.076.255	398.785.076.255
Tập đoàn Sphitz	164.755.016.943	164.755.016.943
Công ty TNHH Nhà nước MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) (I)	115.973.338.811	115.973.338.811
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	34.130.366.961	34.130.366.961
Các khoản khác	1.391.529.344.225	1.391.529.344.225
	<b>3.457.213.187.276</b>	<b>3.457.213.187.276</b>

Trong đó:

Phải trả người bán là các bên liên quan  
(Chi tiết tại Thuyết minh số 41)

**450.246.583.570**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

- (i) Thể hiện số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty) phải trả PVEP liên quan đến việc PVC Thái Bình nhận chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình từ PVEP (trình bày theo Thuyết minh số 42).

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang tiếp tục xem xét các giải pháp để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đã quá hạn.

**24. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Người mua trả tiền trước mua tại Dự án cao ốc căn hộ thương mại dịch vụ PetroVietnam Landmark Công ty TNHH Hoà Dầu Long Sơn	732.377.214.666	718.728.111.361
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	222.166.277.680	240.115.868.190
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	100.508.270.384	100.508.670.384
Người mua trả tiền trước mua chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	83.583.225.701	146.156.317.172
Các đối tượng khác	28.233.212.889	302.001.836.169
	130.172.222.266	94.494.215.929
	<b>1.097.042.603.586</b>	<b>1.602.005.019.205</b>

**25. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi tiêu	Số đầu năm VND	Phải thanh trong năm		Số cuối năm VND
		Số phải thu/ phải nộp VND	Số thu/đã trả/bù trừ VND	
<b>a. Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.835.528.286	-	40.434.633	40.796.093.653
Thuế thu nhập cá nhân	4.412.646.066	72.800.985	69.291.210	3.226.221.741
Các loại thuế khác	16.883.720	84.800.084	7.566.541	54.152.263
	<b>47.265.058.072</b>	<b>157.701.069</b>	<b>33.292.384</b>	<b>44.076.467.657</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	63.809.424.340	75.673.100.920	58.000.723.770	81.270.804.490
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	3.715.491.881	25.549.800.180	29.000.986.072	(26.600.011)
Thuế nhập khẩu	3.382.649.744	2.062.600.815	5.000.304.559	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.796.950.520	3.505.900.020	10.895.829	19.482.990.011
Thuế thu nhập cá nhân	4.407.880.442	2.699.000.022	2.000.092.883	4.590.856.581
Tiền thuế đặc	-	3.191.400.974	1.000.974.206	1.698.460.368
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	953.162.239	7.305.800.106	7.000.994.225	898.023.120
Thuế khác	19.838.270.048	5.915.300.047	10.000.350.727	25.605.248.668
	<b>112.903.829.214</b>	<b>125.903.270.084</b>	<b>105.000.000.000</b>	<b>133.519.783.227</b>

**26. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí phải trả của các công trình xây dựng	753.491.066.573	753.491.066.573
Chi phí lãi vay phải trả ngắn hạn	517.861.380.094	517.861.380.094
Chi phí phải trả khác	222.148.894.965	222.148.894.965
	13.480.791.514	13.480.791.514
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí phải trả của các công trình xây dựng	75.676.542.948	75.676.542.948
	75.676.542.948	75.676.542.948
	<b>829.167.609.521</b>	<b>829.167.609.521</b>

**27. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>12.320.217.806</b>	<b>758.456.846.608</b>
Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vũ Anh	158.268.000.000	158.268.480.000
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.491	137.942.779.491
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (II)	127.584.800.088	114.186.733.011
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (III)	62.736.151.136	62.736.151.136
Phải trả khách hàng mua căn hộ	53.707.800.003	57.005.231.011
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	50.000.000.000	50.000.000.000
Nhận đặt cọc ngắn hạn	25.507.000.681	24.155.809.546
Lãi vay phải trả	7.890.200.929	11.128.973.317
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	188.683.000.978	143.032.689.096
<b>b) Dài hạn</b>	<b>24.480.600.638</b>	<b>23.830.016.069</b>
Quỹ bảo các dự án chung cư	12.660.000.060	12.134.407.691
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về cổ phần hoá	10.850.000.327	10.850.000.327
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	970.600.251	845.608.051
	<b>36.800.817.444</b>	<b>782.286.862.677</b>

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh không bao gồm khoản dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn) đã được Tổng Công ty đánh giá và hoàn nhập trong năm 2016 như trình bày tại Thuyết minh số 42.
- (ii) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty được Tổng Công ty thanh toán hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (xem Thuyết minh số 8) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-ĐTVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 08 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 với lãi suất khoản vay giảm xuống 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 như trình bày tại Thuyết minh số 29. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất cố định hạn bằng 20% lãi suất trong hạn. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã quá hạn.
- (iii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu bao gồm khoản 2,2 tỷ VND là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

**28. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn (i)</b>	<b>554.849.156.647</b>	<b>573.865.266.575</b>	<b>653.000.041.382</b>	<b>475.670.081.840</b>	<b>475.670.081.840</b>	<b>475.670.081.840</b>
- Vay tại Công ty Mẹ	54.026.645.668	362.735.177.011	200.000.000.000	215.908.950.600	215.908.950.600	215.908.950.600
- Vay tại các công ty con	500.822.510.979	211.130.089.564	452.999.041.382	259.761.131.240	259.761.131.240	259.761.131.240
<b>Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 29)</b>	<b>1.082.413.519.938</b>	<b>31.654.457.944</b>	<b>189.700.000.183</b>	<b>924.358.977.699</b>	<b>924.358.977.699</b>	<b>924.358.977.699</b>
- Vay tại Công ty Mẹ	856.913.518.409	-	92.000.000.000	764.737.503.409	764.737.503.409	764.737.503.409
- Vay tại các công ty con	225.500.001.529	31.654.457.944	97.700.000.183	159.621.474.290	159.621.474.290	159.621.474.290
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 29)</b>	<b>19.068.192.347</b>	<b>11.027.916.393</b>	<b>16.900.000.000</b>	<b>13.187.333.622</b>	<b>13.187.333.622</b>	<b>13.187.333.622</b>
- Nợ tại Công ty Mẹ	568.796.793	-	568.796.793	-	-	-
- Nợ tại các công ty con	18.499.395.554	11.027.916.393	16.331.203.207	13.187.333.622	13.187.333.622	13.187.333.622
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.656.330.868.932</b>	<b>616.547.640.912</b>	<b>859.699.041.565</b>	<b>1.413.216.393.161</b>	<b>1.413.216.393.161</b>	<b>1.413.216.393.161</b>

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	175.208.950.000	13.326.645.668	175.208.950.000	13.326.645.668
Ngân hàng TMCP Quốc dân	57.535.600.000	40.138.857.854	57.535.600.000	40.138.857.854
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	63.884.200.000	64.600.000.000	63.884.200.000	64.600.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	45.759.400.000	86.047.270.703	45.759.400.000	86.047.270.703
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	40.700.000.000	41.380.120.000	40.700.000.000	41.380.120.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	29.908.700.000	127.698.002.497	29.908.700.000	127.698.002.497
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	12.476.000.000	39.878.319.383	12.476.000.000	39.878.319.383
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	795.000.000	119.539.630.318	795.000.000	119.539.630.318
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	4.681.530.735	-	4.681.530.735
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	59.401.900.000	17.558.779.489	59.401.900.000	17.558.779.489
	<b>554.849.156.647</b>	<b>554.849.156.647</b>	<b>554.849.156.647</b>	<b>554.849.156.647</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư gốc vay ngắn hạn đã quá hạn chưa được thanh toán của Tổng Công ty là 106.377.547.916 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 119.539.630.318 VND), Tổng Công ty vẫn đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản gốc vay quá hạn nêu trên.

**29. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị		Giá trị	
	VND		VND	
Vay dài hạn (I)	1.201.387.113.605	16.316.761.000	206.000.000.000	1.011.660.513.422
- Vay tại Công ty mẹ	856.913.518.409	-	92.000.000.000	764.737.503.409
- Vay tại các Công ty con	344.473.595.196	16.316.761.000	113.999.999.999	246.923.010.013
Nợ thuê tài chính	30.244.509.031	626.015.000	17.500.000.000	13.335.733.913
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại Công ty mẹ	568.796.793	-	568.796.793	-
- Nợ thuê tài chính dài hạn tại các Công ty con	29.675.712.238	626.015.000	16.931.203.207	13.335.733.913
	<b>1.231.631.622.636</b>	<b>16.942.776.000</b>	<b>223.500.000.000</b>	<b>1.024.996.247.335</b>
Trong đó:				
Số phải trả trong vòng 12 tháng	1.101.481.712.285			937.546.311.321
Số phải trả sau 12 tháng	130.149.910.351			87.449.936.014

(I) CHI TIẾT CÁC KHOẢN VAY DÀI HẠN NHƯ SAU:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (*)	856.913.518.409	856.913.518.409
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	186.947.884.021	186.947.884.021
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	129.052.282.340	129.052.282.340
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	16.925.028.835	16.925.028.835
Các ngân hàng và tổ chức tín dụng khác	11.548.400.000	11.548.400.000
	<b>1.201.660.513.422</b>	<b>1.201.387.113.605</b>

(\*) Vay dài hạn đến hạn trả tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 10 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa OceanBank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, lãi suất 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất 1,5%/năm kể từ ngày quá hạn trả nợ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư gốc vay dài hạn đã quá hạn chưa được thanh toán của Tổng Công ty là 904.959.277.916 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.043.861.402.430 VND). Tổng Công ty đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản vay quá hạn nêu trên.

Các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty được ký hợp đồng bằng VND theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Các khoản vay dài hạn được phân loại theo lãi suất vay như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi	923.010.000.000	344.473.595.196
Khoản vay áp dụng lãi suất cố định	280.737.503.422	856.913.518.409
	<b>1.024.996.247.335</b>	<b>1.201.387.113.605</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các khoản vay dài hạn được phân loại theo loại hình擔保 như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Khoản vay có tài sản đảm bảo	15.923.012.000	344.473.595.196
Khoản vay tín chấp	4.737.500.000	856.913.518.409
<b>Tổng</b>	<b>1.201.660.511.000</b>	<b>1.201.387.113.605</b>

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.358.970.000	1.082.413.519.938
Trong năm thứ hai	3.771.050.000	32.171.957.944
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	6.530.480.000	36.301.635.723
Sau năm năm	8.000.000.000	50.500.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.201.660.511.000</b>	<b>1.201.387.113.605</b>

Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng

**Số phải trả sau 12 tháng**

Các khoản nợ thuế tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.187.331.000	19.068.192.347
Trong năm thứ hai	148.400.000	10.837.115.997
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	335.733.000	339.200.687
<b>Tổng</b>	<b>1.671.464.000</b>	<b>30.244.509.031</b>

Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng

**Số phải trả sau 12 tháng**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

**30. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quý đầu tư phát triển VND	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lỗ lũy kế VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000.000	6.831.719.482	3.063.276.244	(2.862.805.993)	159.309.333.368	2.162.412.232	(3.377.661.842.977)	1.696.652.813.531	2.487.494.905.887
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	(260.758.835.531)	(153.432.362.509)	(414.191.198.040)
Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	(1.631.038.932)	-	(47.993.480.468)	(120.822.788.638)	(170.447.308.038)
Số dư đầu năm nay	4.000.000.000.000	6.831.719.482	3.063.276.244	(2.862.805.993)	157.678.294.436	2.162.412.232	(3.686.414.158.976)	1.422.397.662.384	1.902.856.399.809
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	-	(213.570.890.095)	(179.122.232.317)	(392.693.122.412)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	1.434.310.474	(29.655.121.883)	(28.220.811.409)
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000.000	6.831.719.482	3.063.276.244	(2.862.805.993)	157.678.294.436	2.162.412.232	(3.898.550.738.597)	1.213.620.308.184	1.481.942.465.988

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 18 ngày 08 tháng 8 năm 2019, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

**Vốn đã góp**

	Doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí	2.178.733.330.000	54,47	2.178.733.330.000	2.178.733.330.000
	1.821.266.670.000	45,53	1.821.266.670.000	1.821.266.670.000
	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>4.000.000.000.000</b>

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	400.000.000	400.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.971	2.971
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	399.997.029	399.997.029
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu

**31. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO LĨNH VỰC QUẢN LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - Bộ phận Xây lắp, Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng và Bộ phận dịch vụ và khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận Xây lắp: xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Bộ phận Kinh doanh nhà và hạ tầng: kinh doanh nhà và hạ tầng;
- Bộ phận dịch vụ và khác: cung cấp các dịch vụ liên quan tới xây lắp và bất động sản.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN/HN**

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày cuối năm**

	<b>Xây lắp</b>	<b>Kinh doanh nhà và hạ tầng</b>	<b>Dịch vụ và khác</b>	<b>Loại trừ khi hợp nhất</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	7.623.450.573.530	1.222.984.107.105	2.459.947.847.141	(911.963.482.080)	10.394.419.045.696
(Lỗ) từ công ty liên kết	(725.638.503.723)	-	-	-	(725.638.503.723)
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<b>9.668.780.541.973</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	6.302.845.897.801	1.141.151.476.916	1.180.189.597.108	(437.348.895.840)	8.186.838.075.985
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<b>8.186.838.075.985</b>

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày đầu năm**

	<b>Xây lắp</b>	<b>Kinh doanh nhà và hạ tầng</b>	<b>Dịch vụ và khác</b>	<b>Loại trừ khi hợp nhất</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	6.602.000.000.000	1.100.000.000.000	2.400.000.000.000	(900.000.000.000)	9.202.000.000.000
(Lỗ) từ công ty liên kết	(718.859.861.396)	-	-	-	(718.859.861.396)
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<b>10.668.439.431.487</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Tổng nợ phải trả hợp nhất	1.900.000.000.000	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000	(100.000.000.000)	3.000.000.000.000
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<b>8.765.583.031.678</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN/HN**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm nay**

	<b>Xây lắp</b>	<b>Kinh doanh nhà và hạ tầng</b>	<b>Dịch vụ và khác</b>	<b>Loại trừ khi hợp nhất</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.605.107.835.143	412.632.678.029	204.196.455.160	(224.345.235.370)	1.997.591.732.962
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.695.703.090.056	391.690.260.415	220.753.957.509	(230.542.105.780)	2.077.605.202.200
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>(90.595.254.913)</b>	<b>20.942.417.614</b>	<b>(16.557.502.349)</b>	<b>6.196.870.410</b>	<b>(80.013.469.238)</b>
Chi phí không phân bổ					(333.598.399.663)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>(413.611.868.901)</b>
Phần (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết					(6.778.642.327)
Lợi nhuận khác					45.702.143.087
<b>(Lỗ) từ hoạt động tài chính</b>					<b>(12.932.442.311)</b>
<b>(Lỗ) trước thuế</b>					<b>(387.620.810.452)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(5.072.311.960)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HH**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm trước**

	<b>Xây lắp</b>	<b>Kinh doanh nhà và hạ tầng</b>	<b>Dịch vụ và khác</b>	<b>Loại trừ khi hợp nhất</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.986.975.762.257	485.711.221.365	217.662.455.404	(345.234.921.024)	3.345.114.518.002
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	2.992.963.663.687	578.948.767.921	289.302.143.939	(359.286.576.249)	3.501.927.999.298
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>(5.987.901.430)</b>	<b>(93.237.546.556)</b>	<b>(71.639.688.535)</b>	<b>14.051.655.225</b>	<b>(156.813.481.296)</b>
Chi phí không phân bổ					(238.719.117.381)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>					<b>(395.532.598.677)</b>
Phần (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết					(2.608.790.749)
Lợi nhuận khác					42.785.415.511
<b>(Lỗ) từ hoạt động tài chính</b>					<b>(32.880.954.472)</b>
<b>(Lỗ) trước thuế</b>					<b>(388.236.928.387)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(25.954.269.653)
<b>(Lỗ) sau thuế</b>					<b>(414.191.198.040)</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty hoạt động trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt Nam. Hoạt động xây lắp được thực hiện trên cả 3 miền.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Năm nay 2015 VND	Năm trước 2014 VND
Miền Bắc	74.502.520.055	2.517.120.285.775
Miền Trung	18.521.060.282	46.959.356.944
Miền Nam	28.913.200.595	1.126.269.796.307
Loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất	(4.345.230.770)	(345.234.921.024)
<b>Tổng cộng</b>	<b>117.591.730.162</b>	<b>3.345.114.518.002</b>

**32. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm 2015	Số đầu năm 2015
Ngoại tệ các loại Đô la Mỹ (USD)	5.600.550	6.133.212
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	1.112.006.001	11.112.006.001

**33. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay 2015 VND	Năm trước 2014 VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Hoạt động xây lắp	89.032.300.593	2.648.615.293.765
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	12.632.600.029	485.711.221.365
Hoạt động dịch vụ	58.441.700.974	138.215.227.923
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	13.306.100.203	6.656.307.833
Hoạt động tư vấn xây dựng	-	13.090.909
Hoạt động khác	24.240.200.081	66.449.174.184
<b>Tổng cộng</b>	<b>117.653.160.880</b>	<b>3.345.660.315.979</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	61.420.000.000	545.797.977
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>117.591.730.880</b>	<b>3.345.114.518.002</b>

**34. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm nay 2015 VND	Năm trước 2014 VND
Hoạt động xây lắp	28.073.600.032	2.716.578.535.623
Hoạt động kinh doanh nhà và hạ tầng	91.690.200.015	578.948.767.921
Hoạt động dịch vụ	31.068.200.057	113.554.300.094
Hoạt động tư vấn xây dựng	-	10.474.671
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	14.287.000.293	28.732.041.865
Hoạt động khác	12.486.000.003	64.103.879.124
<b>Tổng cộng</b>	<b>277.605.200.400</b>	<b>3.501.927.999.298</b>

**35. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	25.701.892.795	25.179.138.875
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.150.582.556	8.373.300.734
Cổ tức, lợi nhuận được chia	952.582.000	-
Lãi chuyển nhượng cổ phần, chứng khoán	3.992.212.018	45.465.351.365
	<b>1.797.200.069</b>	<b>79.017.790.974</b>

**36. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	91.014.382.562	106.779.203.847
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	58.024.822.599	(12.363.756.581)
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.958.702.643	7.440.131.760
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	254.000.000
Chi phí tài chính khác	7.781.392.034	9.789.166.420
	<b>4.729.640.880</b>	<b>111.898.745.446</b>

**37. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	14.633.602.077	139.017.248.767
Chi phí vật liệu quản lý	1.982.902.283	3.173.512.580
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.055.902.643	16.401.886.166
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	32.567.502.643	(26.467.849.656)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.009.102.019	43.331.331.417
Chi phí bằng tiền khác	34.077.002.698	49.089.735.655
	<b>3.326.210.063</b>	<b>224.545.864.929</b>

**38. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	94.382.702.067	508.304.699.842
Chi phí nhân công	07.933.902.001	363.192.025.812
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	93.767.652.064	107.702.456.178
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.505.622.088	1.424.882.881.995
Chi phí dự phòng	65.149.902.081	157.774.190.658
Chi phí thuê ngoài và chi phí bằng tiền khác	19.167.602.033	268.365.246.453
	<b>1.797.907.692.034</b>	<b>2.830.221.500.938</b>

**39. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay		
- Hoạt động kinh doanh bất động sản	3.505.902.032	2.200.865.933
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung theo quyết toán thuế năm trước	2.039.402.533	866.543.784
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>5.545.304.565</b>	<b>3.067.409.717</b>
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(473.052.993)	22.886.859.936
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>5.072.251.572</b>	<b>25.954.269.653</b>





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

**40. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	13.570.800.095	(260.758.835.531)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính	-	-
(Lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	13.570.800.095	(260.758.835.531)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	399.997.029	399.997.029
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	34	(652)

**41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu thi công các công trình xây lắp cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	995.458.400.228	1.940.208.374.255
Bán hàng hóa, dịch vụ cho các công ty liên kết	4.022.300.753	2.095.290.941
Mua hàng hóa, dịch vụ từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	13.212.500.598	132.892.503.296
Mua hàng hóa, dịch vụ từ các công ty liên kết	11.078.200.572	44.518.533.113
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.212.300.580	3.341.388.410

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:*

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.281.172.070.029	1.295.139.029.511
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	276.129.600.002	997.193.633.553
Các công ty liên kết	288.160.000.018	239.674.235.837
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	86.882.300.009	58.271.160.121
Trả trước người bán ngắn hạn	255.494.170.083	256.094.178.383
Các công ty liên kết	255.494.170.083	256.094.178.383
Phải thu ngắn hạn khác	214.325.930.037	202.428.494.685
Các công ty liên kết	210.374.180.084	196.984.990.155
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.274.200.019	3.460.893.643
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.677.540.034	1.982.610.887
Phải thu về cho vay ngắn hạn	364.927.286.716	364.927.286.716
Các công ty liên kết	364.927.286.716	364.927.286.716
Phải trả người bán ngắn hạn	313.167.060.023	450.246.583.570
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.560.065	177.049.565.265
Các công ty liên kết	153.371.970.054	151.161.755.022
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	22.745.510.004	122.035.263.283
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	107.843.270.016	109.297.447.589
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	100.508.670.094	100.508.670.384
Các công ty liên kết	4.795.810.024	4.795.814.624
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.538.790.008	3.992.962.581
Phải trả ngắn hạn khác	8.124.261.003	128.885.399.205
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	82.736.150.006	73.586.151.463
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	50.000.000.000	50.000.000.000
Các công ty liên kết	5.388.110.007	5.299.247.742
Các khoản vay	2.627.028.000	215.099.553.043
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	45.759.430.000	86.047.270.703
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.681.268.570	129.052.282.340

**42. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

**a) Bảo lãnh cho các khoản vay**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

<u>Đơn vị được bảo lãnh</u>	<u>Tổ chức tín dụng</u>	<u>Thời hạn bảo lãnh</u>	<u>Dư nợ bảo lãnh cuối năm VND</u>	<u>Dư nợ vay quá hạn cuối năm VND</u>	<u>Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm VND</u>
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
PVC-SG (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	-
<b>Tổng</b>			<b>237.855.091.994</b>	<b>237.855.091.994</b>	<b>137.942.779.491</b>

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Tổng Công ty đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, (ii) các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên. Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là khoảng 42,5 tỷ VND (trình bày tại Thuyết minh số 9).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, tại Báo cáo kiểm toán năm 2019 từ ngày 10 tháng 3 năm 2020, Tổng Công ty đã thực hiện các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

(\*) Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá đồng ý việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC-SG tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

**b) Bảo lãnh thanh toán**

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Công ty mẹ Tổng Công ty đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL-TT-PVCTB với Công ty TNHH Du lịch Dầu khí Thái Bình (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty)) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC-Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Công ty mẹ Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC-Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP và PVC-Thái Bình. Thư bảo lãnh thanh toán có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC-Thái Bình thanh toán nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Trong năm 2016, Công ty mẹ Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty có với khoản bảo lãnh trên sẽ không phát sinh do PVC-Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

**c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ**

Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với chủ đầu tư do vi phạm Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ cũng ban hành Thông báo số 3130/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị: (i) giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng Công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối; (ii) giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 1,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng Công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính phủ nêu trên được dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng Công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra Chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng Công ty trong các Thông báo nêu trên.

**d) Công nợ tiềm tàng khác**

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả, vay và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng đối với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

**43. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

**Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2**

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính mà Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020; Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty mẹ Tổng Công ty và Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN đã ký các phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC tạm xác định là khoảng 949,6 triệu USD và 10.741 tỷ VND. Đồng thời, Công ty mẹ Tổng Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Theo Quyết định của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về việc phê duyệt Dự toán Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, giá vốn ước tính để thực hiện dự án của Tổng Công ty là khoảng 952,7 triệu USD và 11.072 tỷ VND, tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là khoảng 1,28%. Đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 và số liệu dự toán này luôn được soát xét và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực tế của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Công ty mẹ Tổng Công ty đã hạch toán giá vốn và doanh thu của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp dự kiến trên.

**Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1**

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

**b) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty**

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016, Quyết định số 104/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 01 năm 2019 và Nghị quyết số 3696/NQ-DKVN ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016 - 2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-KS). Cũng theo các Nghị quyết và Quyết định trên, Tổng Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2016 - 2020. Đồng thời, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) sẽ giải thể, phá sản trong trường hợp Tổng Công ty không thể thoái vốn; và Tổng Công ty sẽ thoái vốn toàn bộ tại các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và công khoản kinh doanh trong giai đoạn 2016 - 2020. Hiện tại, Tổng Công ty đang cập nhật kế hoạch tái cơ cấu cho giai đoạn 2021 - 2025 và trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt.

**44. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

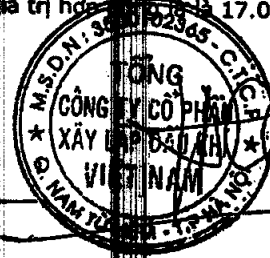
Ngày 22 tháng 01 năm 2020, Tổng Công ty đã chuyển nhượng thành công toàn bộ cổ phần do Tổng Công ty nắm giữ tại Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lập Dầu khí Việt Nam cho Công ty TNHH Đầu tư Nhan Gia theo Hợp đồng mua bán cổ phần số 01/2020/PVC ngày 15 tháng 01 năm 2020, giá chuyển nhượng là 894 VND/cổ phần và tổng giá trị hợp đồng là 17.039.640.000 VND.



Nguyễn Thị Thu Anh  
Người lập biểu



Vũ Minh Công  
Kế toán trưởng



Lương Đình Thành  
Tổng Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2020

